

Thuốc
SẢN LẠI



2 1968

BRAN

TELMIN

tri
LAI ĐỬA LAI
thơm - ngon -

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**



15-11-67



NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CÓP Ở ĐẦU
ĐÂY, LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đọc, Chủ-bút: Nguyễn-Vũ
Tòa-soạn: 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ X SỐ 203 * 15 11 - 1967

1 — Hồ xuân Hương	N.V.	
2 — Ông tổ nghề in	Bà Ái Lan	11 — 17
3 — Hoạt động cách mạng	Phạm v Sơn	18 — 20
4 — Kamikazé	Tân Phong	21 — 25
5 — Câu lục ngữ	Chu. m. Thụy	26 — 35
6 — Tin về (thơ)	Thùy An	36
7 — Tiếng Việt và tiếng Trung Hoa	Lê. n. Tru	37 — 41
8 — Thuyết hiện đại về thiên tai	Phùng lê Ảnh	42 — 44
9 — 9 ngày ở trung tâm 3	Thu Minh	45 — 49
10 — Họa thơ (thơ)	N.V.	50 — 54

11 — Mạch máu	Nông. b. Giang	55 — 64
12 — Saigon lai rai...	Hoàng Thắng	65 — 71
13 — Khoa học huyền bí	N.V.	72 — 77
14 — Áo tím ngày xưa (thơ)	Tống minh Phụng	78 —
15 — Thơ mừng Phổ Thông	Đông Hồ, Ng. ngu. Í	79 — 80
16 — Bạn gái	Lê Trần.	81 — 88
17 — Sinh khí văn nghệ	Lan Đình	89 — 94
18 — Bài cảm ơn	N.V.	95 — 99
19 — Mừng P.T (thơ)	Thích Uyển	100
20 — Cổ tích V.N.	T.T. Thích-phước-Quang	101 — 108
21 — Máy con mèo điều tra	Từ trăm Lê	109 — 112
22 — Thu hiền	Thu mai	113 — 117
23 — Thư bạn đọc		118 — 130
24 — Đáp bạn bốn phương	D.H	



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về bài lai-cáo của bạn đọc, (theo thề-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề-rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG» và đừng viết tắt.
- ✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ✱ Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG-NAI 270 Đê-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(Vente — abonnements — Publicité)

HỒ-HƯƠNG-ĐIÊN (Nghệ-An)

HỒ-LIÊM (Thanh-Hóa)
Tứ đại

CHAU 4 ĐỜI

- Người Cô thứ 1 của Hồ-quí-Ly	cung lấy Vua Trần-Minh-Tông	Vua Trần-Nghê-Tông (1370-1372)
- Người Cô thứ 2 của Hồ-quí-Ly		Vua Trần-Duệ-Tông (1374-1377)
- Thân-phụ của Hồ-quí-Ly	XV	HỒ-QUÍ-LY (1400)
THỀ-KỶ		HỒ-NGUYỄN-TRƯỜNG (1401-1407)

CHAU 10 ĐỜI

THỀ-KỶ XVIII

HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)	HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)	- NGUYỄN-NHẠC (HỒ-PHI-NHẠC)	NGUYỄN-BẢO
HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)		- NGUYỄN-LỮ (HỒ-PHI-LỮ)	- QUANG-TOÀN CẢNH-THỊNH (1792-1802)
HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)	HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)	- NGUYỄN-HUỆ (HỒ-PHI-HUỆ)	- QUANG-THUY
HỒ-PHI-ĐIÊN (Hà-nội)		QUANG-TRUNG Hoảng-Đê (1788-1792)	- QUANG-THIỆM

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

HỒ - XUÂN - HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ ★

(Tiếp theo PT 202)

2. — HỒ-XUÂN-HƯƠNG cùng dòng họ với HỒ-QUÍ-LY và NGUYỄN-HUỆ

★ Hồ Quý Ly

Dòng-dõi họ Hồ ở tỉnh Chiết Giang bên Tàu từ đời Ngũ-Quý có HỒ - HUNG - DẬT di-cư sang nước ta lập-nghiệp tại tỉnh Nghệ-An, Nơi đây bắt đầu sinh sản ra dòng dõi họ Hồ ở Việt-Nam.

Một vị Thủy-tổ họ Hồ ở Nghệ An là HỒ-LIÊM, ra làm ruộng ở Thanh-Hóa. Được một nhà họ Lê tên là Lê-Huấn nhận làm con nuôi, và đổi họ Hồ thành ra họ Lê. Do đó, cháu bốn đời của

Hồ-Liêm là Hồ-quí-Ly, cũng phải lấy họ Lê.

Nhưng con cháu họ Hồ còn nhiều người vẫn định cư ở đất Nghệ-An và vẫn giữ nguyên họ Hồ theo chánh tộc.

Lê-quí-Ly, sau khi tiếm đoạt ngôi nhà Trần, liền lên làm vua lấy lại họ Hồ như cũ, và lập ra Triều đại HỒ-QUÍ-LY, đầu Thế-Kỷ XV (Năm 1400).

★

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

● **Nguyễn-Huệ (tức là Hồ-phi-Huệ, Quang-Trung Hoàng-Đế**

Đến giữa Thế-Kỷ XVIII, dưới thời vua Lê-Hiến-Tông (1740-1786) cuộc Nam-Bắc phân tranh đang thời kỳ quyết liệt. Chúa Trịnh Sâm (miền Bắc) và Chúa Nguyễn phúc-1 huân (miền Nam) thường đánh nhau nhiều trận huyết chiến trên đất Nghệ-An, là nơi hiểm địa ranh giới hai miền.

Vì tình thế giặc giã triền miên nơi đây mà giòng dõi họ Hồ ở Nghệ-An phải tìm phương di cư, một số theo quân nhà Trịnh ra Bắc-Hà, một số theo quân nhà Nguyễn vào Nam.

Trong số dòng dõi họ Hồ di-cư vào Nam, có HỒ-PHI-PHÚC và vợ là Nguyễn-Thị, với ba người con Hồ-phi-Nhạc, Hồ-phi-Lữ, Hồ-phi-Huệ. Dòng dõi họ Hồ này đến lập nghiệp ở ấp Tây-Sơn, tỉnh Bình-Định. Lợi-dụng chính-trị bệ bối của Chúa Nguyễn và lòng dân không phục quyền-thần Trương phúc Loan, ba anh em họ Hồ tạo tình cuộc khởi loạn. Nhưng để tránh thành tích lịch sử đã không tốt

của HỒ QUÍ LY, bắt lợi cho cuộc cách mạng ở miền Nam, và để có danh chánh ngôn thuận ở đất nhà NGUYỄN, ba anh em đồng tình đổi họ HỒ, lấy họ mẹ là họ Nguyễn, thành ra NGUYỄN NHẠC, NGUYỄN LỮ, NGUYỄN HUỆ.

Sự đổi họ Hồ thành họ Nguyễn của ba anh em Tây Sơn chỉ là một thủ đoạn khôn ngoan về chánh trị. Cũng như 30 năm sau, ở bên Tây Âu, một vị đại tướng què đảo Corse tên là Napoléon Buonaparte đổi tên họ theo tiếng Pháp là Napoléon Bonaparte để mưu đồ lên ngôi Hoàng đế Pháp.

Nhưng cái tên lẫy lừng oanh liệt của NGUYỄN HUỆ, QUANG TRUNG HOÀNG ĐẾ, vẫn không chối bỏ được dòng máu di truyền của họ Hồ, cùng huyết hệ với Hồ quý Ly, một vị Tô tiên đã nổi danh một thời trong Lịch sử trước đó 3 thế kỷ.

● **Hồ-Xuân-Hương, em họ của Vua Quang-Trung**

Trong lúc HỒ PHI PHÚC vì giặc giã thường xuyên trên đất Nghệ An phải theo quân nhà Nguyễn dẫn vợ con vào lập

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

ngiệp ở Tây Sơn, thì HỒ PHI DIỄN (cùng dòng Hồ-phi) theo quân nhà Trịnh, đem bà vợ bé Hà thị (quê Hải dương) và đưa con gái mới sanh tên là HỒ XUÂN HƯƠNG di cư ra Bắc Hà, trú ngụ tạm ở chợ Cửa Nam, ngay kinh thành Thăng Long.

Cuộc di cư này ở vào khoảng năm 1769. Lúc bấy giờ Hồ phi Huệ (Nguyễn Huệ) ở Tây-Sơn đã 17 tuổi. Hồ xuân Hương ở Thăng - Long mới 1 tuổi. Hồ xuân Hương lại là em họ của Hồ phi Huệ (Nguyễn Huệ), vì nàng là con nhà chú (Hồ phi Diễn) và Nguyễn Huệ là con nhà bác (Hồ phi Phúc).

Trên đây là tộc phả của Hồ xuân Hương, theo những sử liệu của Trần trọng Kim (Việt Nam sử lược) và những tài liệu tôi khảo cứu ở Viện Bác Cổ Viễn Đông, Hà nội, (Ecole Française d'Extrême-Orient)

Về số tuổi của Hồ xuân Hương chúng ta có thể so với tuổi của Vua Quang Trung để xác

nhận rằng cô là em họ của Vua.

PHẠM ĐÌNH HỒ (Chiêu Hồ) sinh năm 1768. Năm 1789. Quang Trung 37 tuổi, thắng trận Đống Đa, và Sầm nghi Đống tự tử chết, thì *Chiêu Hồ 22 tuổi.*

Đó là cái tuổi xuýt soát với tuổi Hồ xuân Hương, vì theo những bài thơ xướng họa của hai người thì tuổi tác của họ không chênh lệch mấy. Dĩ nhiên, nếu tôi nói rằng năm 1789, lúc Quang Trung Hoàng Đế (là anh họ của Hồ xuân Hương) kéo quân khải hoàn vào thành Thăng Long, tuổi của Hồ. x. Hương chỉ độ từ 19 đến 22 tuổi, căn cứ theo tuổi của Chiêu Hồ thì cũng không sai lạc bao nhiêu. Hồ xuân Hương làm bài thơ đề đền thờ Sầm nghi Đống, chính vào tuổi 19-20 ấy, chứ không thể hơn nữa, mà cũng không kém mấy. Đó là tuổi đang nảy nở của thiên tài Hồ xuân Hương.

(còn tiếp)



LIÊN TÀI

Riêng tặng Tao-Đàn BẠCH NGA

Chẳng thân thích sao lòng dang cảm mến ?
Chẳng yêu thương nhắc đến vẫn nao-nao !
Ôi ! Mạnh Thường xuất thế tự khi nào ?
Mà khi hữu văn hào ôm trọn vẹn ?
Vòng tay rộng mênh mang dài bốn biển
Khắp năm châu bốn biển thầy quay về :
Từ Đông Kinh, Nữu Ước đến Ba Lê
Hồn thi thoại đã cùng ghi một mối.
Người cầm bút hãy lánh xa đêm tối !
Hãy gạt mau danh lợi bon chen !
Hãy quên đi thù, hận, ghét, ghen
Đề đoàn kết tiến lên trong nắng ấm
Tới Thi Sơn cùng reo hoa rắc gấm
Cho Tao Đàn tươi thắm đón Ly Tao
Bến Thiện Chân chơn chúc khách anh hào
Thủa Đường Thịnh nâng cao sĩ khí
Cho sử sách ghi xâu vạn kỷ
Cả một thời hoa mỹ sắt son
Liên Tài nước tiếng sóng cồn !

HIỀN KHANH—ĐỖ QUÝ BÁI
(Florida, Mỹ)

LƯƠNG-NHƯ-HỘC VÀ TRINH-CĂN

hai ông Tô nghề in
và làm giấy bản của
VIỆT - NAM

★ Bà ÁI-LAN

ÔNG Lương-như-Hộc tự là Trương Phủ, người làng Hồng-Liêu huyện Trường-Tân tỉnh Hải-dương, năm 1442 tức năm cuối cùng đời vua Lê-Thái-Tôn, ông đậu tiến-sĩ số một và đậu trạng-nguyên cũng ưu hạng. Qua năm sau (1443) vua Lê nhân-Tôn lên ngôi, kỷ nguyên Đại-hòa, ông Lương-như-Hộc được cử đi sang Tàu báo tang vua Lê-thái-Tôn và cầu phong cho vua Lê nhân-Tôn.

Cách sau đó 16 năm, vào khoảng niên hiệu Diêu-Ninh thứ 6, (1459) cũng đời vua Lê nhân-Tôn, ông vâng lệnh đi sứ sang Tàu một lần nữa. Kỳ này đi sứ để cống vật và thương lượng về việc biên giới Việt-Hoa.

Ông làm quan đến chức Thượng thư, có tiếng là một vị quan liêm chính, ai cũng kính phục. Sau khi trí sĩ, ông về chốn chôn nhau cắt rốn và thọ được 80 tuổi.

Chính kỳ đi sứ lần thứ hai này

ông Lương-như-Hộc đã học được nghề in và làm giấy bản để dùng trong nước, không phải lệ thuộc hoàn toàn về giấy in và sách học cũng như các sách khác do người Tàu cung cấp như trước nữa.

Động cơ thúc đẩy cho ông Lương-như-Hộc chỉ quyết sang Tàu học nghề nhà in là một câu chuyện sau đây. Nguyên có một hiệu sách của người Tàu đầu cơ bán sách với giá bốc lột quá sức.

Lúc ấy ông vừa mới đỗ Hương cống, một hôm, có việc phải đi kinh sư. Nhơn dịp đó có một người láng giềng gọi ông mua hộ cho một bộ sách «Tĩnh lý đại toàn» và 1 bộ «Bắc sử»

Từ đời Nhâm-Điên, Sĩ-Nhiếp làm quan đô hộ đến bấy giờ, ta vẫn phải mua sách của Tàu đem sang, không thì mượn nhau chép tay mà học chứ không tự in lấy được, vì chưa biết khắc bản in.

Ông Lương-như-Hộc lên để kính, vào hiệu sách nào, họ cũng trả lời vừa mới hết, duy có một hiệu ở cửa Nam còn ít sách, nhưng họ đòi giá rất cao là hai bộ ấy đến năm nén bạc. Mua không được ông Hộc phải đem tiền về trả lại

cho người láng giềng và ông nói:

— Tức quá! Người khách họ bóc lột mình về sách học, chỉ vì mình không được tự in được sách mà dùng. Nay mai, tôi sẽ quyết mở nghề in ở xứ mình, chớ để người Tàu họ bắt chẹt và bóc lột mình quá.

Cổ nhân có nói: «bất phần bất phát» nghĩa là không có việc gì phần chí thì không có gì thúc đẩy cố sức làm nên việc. Phần chí là một động cơ, một nghị lực rất cần để làm nên việc cả. Từ xưa đến nay, ta thấy những người làm nên sự nghiệp hiển hách, phần nhiều do ở sự biết tức tối, phần khích mà ra.

Ông Lương-như-Hộc từ khi lên tỉnh mua sách bị người khách trú chủ hiệu sách làm eo, làm xách bóc lột, bắt bí để bán giá cao, ông lấy làm bực tức vô cùng. Ông nghĩ rằng bất cứ một việc gì, hễ mình chỉ trông nhờ người cung cấp cho, chớ không tự lực mình làm lấy được mà dùng thì luôn luôn gặp nỗi khó khăn, bị người ta bắt chẹt như thế là thường. Vả lại, sách học là vật cần thiết cho cả nước, thế mà trải qua bao nhiêu đời,

không ai lo cách nào tự in lấy, viết lấy cho học trò học. Do đó, ông lập chí phải tìm tòi, sáng chế lấy nghề in. Nhưng tìm học ở đâu nếu không sang học nghề ấy từ bên Tàu? Cái mộng ấy ôm ấp mãi trong lòng, chờ cơ hội sẽ thi thố ngay.

Đến lúc ông thi đỗ Trạng nguyên thì năm sau, ông được cử vào sứ bộ đi Yên-kinh. Ông thấy đây là cơ hội cho ông thực hành sở vọng.

Thuở ấy đi sứ là một điều vất-vã, hiểm nguy mười phần hết tám chín, không chắc gì sống sót mà về nước. Cho nên, ai nghe được cử đi sứ thì buồn lắm. Nhưng trái lại, ông Lương-như-Hộc có vẻ sung sướng vui mừng là một dịp may đến cho ông để thừa cơ hội qua Tàu học nghề in sách. Nghề ấn loát ở Tàu có thể nói là có trước nhất. Vào khoảng Tùy, Đường thế kỷ thứ 7, 8, nước ta bị nội thuộc Tàu, và trong khi cả thế giới chưa ở đâu biết nghệ thuật ấn loát thì ở Ích - châu, đã có một người Tàu nghĩ ra phương pháp khắc chữ vào gỗ để in sách. Đời ấy gọi là Mộc bản.

Đến hồi Ngũ-đại, tể tướng Phùng - Đạo, chọn lựa thợ khéo

khắc bản in các thứ sách và kinh truyện, để tại Quốc-tử-Giám cho học sinh trong nước đến đó đọc và học.

Như thế, việc in sách thời ấy là việc riêng của Triều đình, chưa thành một nghề của dân chúng.

Đời nhà Tống (1088 ngang với đời nhà Lý của nước ta) có người thợ khắc bản in giỏi tên là Tất-Thăng, phát minh ra lối in hoạt tự rất tiện lợi, nghĩa là khắc rời từng chữ một, khi cần dùng thì xếp lại thành bản in như chữ chì ta thường dùng bây giờ.

Đại khái, người ta lấy keo đặc, ép mỏng ra như đồng tiền, khắc chữ lên trên rồi đem nung cho nó cứng lại. Mỗi miếng keo như thế là một chữ. Lúc cần in, người ta xếp những chữ ấy thành hàng lối ở trong chiếc khuôn sắt, rồi quét mực, đặt giấy lên in, in xong lại lấy ra trả chữ.

Sách Tàu nói: ở bên Âu-châu từ thế kỷ 12, cho đến thế kỷ 15 mới lần lần thông dụng lối in hoạt tự (caractères mobiles) vì trong mấy thế kỷ ấy, Đông Tây giao thông với nhau đã nhiều.

Người Âu qua Tàu buôn bán, học

được phương pháp hoạt-tự của Tàu đã phát minh từ thế kỷ 11. rồi về truyền lại ở các nước mình.

Chúng ta nên biết người Tàu hề có một nghề riêng, một thuật lạ gì, bao giờ cũng giấu giếm lấy một mình mình biết để thủ lợi. Có chăng, chỉ có cha truyền con nối trong một cánh họ thôi chớ ít khi chịu truyền ra cho kẻ khác. Hơn nữa, vua nhà Minh là một ông vua chuyên chế và ích kỷ hơn ai hết. Chánh sách ngu dân, lại tệ hại hơn. Họ không muốn cho thiên hạ được hay, được khá. Ta cứ xem như việc sau đây: vào cuối đời Trần nước ta, người Tàu sang Việt-Nam đô-hộ họ thâu hết những pho sách của người Việt sáng tác đem về Tàu hủy đi, rồi đem những sách «Tích lý đại toàn» và kinh truyện theo Chu - Tư chú thích (Chu Tư người Tàu chớ không phải Chu Tư của báo S. nhé) bắt ta phải dùng.

Những sản phẩm văn - hoá, nghệ thuật của Tàu, nhà Minh không muốn để lọt ra ngoài, cho nên cấm dân chúng thông thương với ngoại quốc, không được xuất cảng một món gì chế tạo ở nước họ.

Còn những người ở nước ngoài đến, dầu là nhơn viên công sứ của các nước thần phục như Việt-nam ta, đều bị coi chừng từ hành động vì họ chỉ sợ người ta tò-mò ăn cắp những nghề bí-truyền .

Tại Bắc-kinh, có một Bộ gọi là «Lý phiên viện», chuyên coi công việc ngoại giao và những người ngoại quốc đến nước Tàu, bất cứ việc gì, ngoại giao hay thương mại, tôn-giáo chẳng hạn. Một khu đất rộng, tứ phía tường cao vây kín, bên trong có mấy chục nếp nhà để cho ngoại kiều ở. Họ được cung cấp thực-phẩm dâng hoàng, ở đây gọi là công quán nhưng thật là một chỗ giam khéo người ta.

Giữa cái không khí ích kỷ và khó khăn ấy mà ông Lương-như-Hộc lần mò học được nghề khắc mộc bản, thì thật là thiên nan vạn nan và nếu ai không chí quyết bền đỗ như ông Lương thì không thể thành công được.

Khi đến Yên-kinh, ông Lương nhà ta cũng bị giam khéo ở Công quán như những ngoại quốc khác và vẫn trước những cặp mắt xem chừng từng ly từng tí của nhơn viên « Lý phiên viện ». Thế

mà ông Lương tìm cách mua chuộc bọn lính canh và những người có phận sự hướng dẫn mỗi ngày ra ngoài thành. Ông mượn tiếng đi xem thắng cảnh những cốt đến sở Khâm - thiên - giám và mấy ngôi chùa có thợ khắc làm việc, để ý dò xem cách thức họ làm như thế nào. Lần hồi, ông làm quen với mấy người thợ giỏi, cùng họ ân cần chuyện vãn những chuyện đầu đầu, nhưng mắt thì chăm chú nhìn công việc của họ làm như từ lúc bào một tấm ván cho đến dán tờ giấy viết chữ lên trên, rồi dùng những con dao nhà nghề đục khoét từng nét chữ... cho đến khi hoàn thành một bản in, ông đều thâu thập kỹ lưỡng vào mắt và vào tâm trí.

Trong năm sáu tháng ở nước Tàu, công việc đi sứ vừa xong thì kỹ thuật khắc bản in ông cũng vừa thành công, vua Minh cho phái bộ trở về nước Việt.

Sách « Hải dương phong vật » chép truyện ông Lương-như-Hộc rằng : « Hai lần ông đi sứ Tàu, xem người Tàu khắc gỗ làm bản in, ông học được nghề, lúc đi sứ về dạy cho người làng khắc các sách, kinh, sử để công bố ở đời ».

Chúa Trịnh-Cần quyết cho người mình sang Tàu học nghề làm giấy.

(Những cuộc đi sứ sang Tàu, có ích cho nền văn hóa nước nhà)

Mặc dầu có ông Lương-như-Hộc học lóm được nghề khắc bản chữ in, từ thế kỷ 15, nhưng sự xuất-bản của nước ta chưa được mở mang phát đạt, vì thiếu một yếu tố quan trọng cho ngành xuất bản sách là giấy in.

Trong nước ta lúc bấy giờ từ thứ dân đến hoàng phái quan trường đều đua nhau học hành khoa bản. Biết bao nhieu vạn người nô nức theo đuổi nho học, cần đủ thứ sách để học. Hầu hết những loại sách này đều phải mua từ bên Tàu sang. Mỗi năm, sĩ tử nhà nho ta phải mất ra ngoại bang không biết bao nhiêu bạc nên vàng thoi cho các hiệu sách do người Tàu đem qua bán tại nước ta. Còn giấy để dùng vào việc học hành, văn bài đơn từ, sắc, trác về việc quan, làng, triều đình... tất cả đều phải mua giấy của người Tàu mà dùng. Đã thế, giấy Tàu lại đắt giá, học trò nghèo phải chật-vật lắm mới có mà dùng. Có nhà nghèo quá đành cho con em nghỉ học, chịu dốt chớ làm sao

có tiền mua giấy mua sách cho chúng học. Tình trạng này kéo dài đến hàng trăm năm mới có người giải quyết được một vấn đề căn bản cho nền quốc học mà cũng là nền văn-học nghệ-thuật cho nước ta. Đó là Trịnh - Căn vậy.

Năm 1682 Trịnh-Căn lên nối nghiệp chúa : chiến tranh giữa Nguyễn-Trịnh lúc bấy giờ đã kết thúc được ít lâu, dân gian đã tạm an cư, lo việc học hành, thi - cử không bị gián đoạn bởi cảnh bất bình, chạy loạn như 4, 5 chục năm qua.

Thấy mỗi năm nước ta phải tốn kém rất nhiều tiền của để mua giấy nước ngoài về dùng, chúa Trịnh lấy làm nóng ruột, bèn nghĩ ngay đến công nghệ làm giấy.

Thường khi cùng các quan bàn luận việc quốc kế dân sanh, ông nghĩ đến vấn đề này. Theo ý ông, việc học hành nào phải chỉ dành riêng cho con nhà quý phái độc hường, mà tất cả dân chúng đều được hưởng chung giáo-dục như nhau. Nhưng con em nhà dân giả nghèo nàn, mua giấy không được mà học, nên chịu đốt, thì nền quốc học

của ta không phân biệt, kỳ thị mà hóa ra phân biệt sang hèn, thật là bất công.

Nhưng muốn có công nghệ làm giấy thì phải có người sang học từ bên Tàu. Lẽ cố nhiên là người Tàu đâu có sẵn lòng truyền nghề đó cho ta ? Vậy ta phải ăn cắp nghề của họ mới được. Chỉ có một lẽ là ủy thác công việc « đi ăn cắp nghề » làm giấy đó cho những quan đi sứ.

Đời vua Lê-hy-Tôn—ngang với triều vua Thanh, Khang-Hy bên Tàu—ngoài việc cống sứ như lệ thường, nước Nam ta có việc giao thiệp với nước Tàu về việc biên giới, nên hai bên sứ giả đi về qua lại luôn luôn.

Năm 1684, có bọn thổ quan ở Vân-Nam xâm chiếm các thôn ấp thuộc hạ châu Vị-xuyên Bảo lạc, Thủy-vi của nước ta. Chúa Trịnh - Căn sai Vũ - duy - Khương và Phạm-công-Phương sang Yên-Kinh tranh biện mà đòi đất ấy lại.

Sứ bộ nào đi cũng có đem theo nhân viên tùy tùng hàng mấy chục người. Nhứt là sứ bộ đi giao dịch về biên giới, phải

lưu trú bên Tàu mất nhiều ngày. Chúa Trịnh lựa chọn vài chục người trai trẻ lanh lợi, thông minh, cho sung vào tùy viên sứ bộ, lại dặn dò họ khi sang đến nước Tàu, tìm bất cứ mưu kế nào, học được bí thuật làm giấy đem về nước nhà, sẽ được trọng thưởng.

Chúa Trịnh lại sai một nhóm người khác, giả làm dân đánh cá chèo thuyền, lưu lạc đến miền Khâm-châu, Lôi châu tỉnh Quảng đông, tìm việc làm thuê làm mướn cho mấy nhà làm giấy, để ăn cắp nghề ấy cho thuần thục rồi trốn về nước.

Sau hai ba năm, cả hai tốp kẻ trên đều thành công và đón một sứ bộ khác—có lẽ là sứ bộ Nguyễn-dăng-Đạo theo chân về nước.

Không đề mất thì giờ, chúa Trịnh liền truyền lệnh thiết lập ngay công nghệ làm giấy ở phường Yên-Thái, là một trong 36 phường thuộc kinh thành Thăng-long.

Từ đó nước ta dần dần có giấy đủ dùng cho việc in, việc học, việc quan, không phải mua giấy từ bên Tàu sang nữa,

Như thế đến năm giáp dần đời vua Lê-thuận-Tôn (1731) chúa Trịnh-Giang mới cho in tứ thư ngũ kinh bằng giấy xứ mình chế tạo, bắt dân phải mua sách « nội-hóa » mà học, cấm mua sách Tàu. Các hiệu sách của khách trú tại nước ta mất lợi, mà ta thì đỡ một khoảng chi tiêu đáng kể sang nước ngoài.

Từ đó cho tới suốt thời gian nước ta còn học nho, nghề làm giấy dần dần thịnh vượng phát đạt. Những làng có kỹ-nghệ giấy là các làng Bưởi, Hồ khâu, Nghĩa Đô, Đống Xá, Thọ an, v.v ..

Mỗi tháng, các làng kỹ nghệ làm giấy này sản xuất 60 triệu tờ giấy, đáng giá 210.000 đồng bạc tức 2 triệu rưỡi bạc mỗi năm theo giá bạc thời ấy như thế không phải là ít.

Xem như thế thì dân Việt-Nam ta bất luận là ngành nào, mặt nào đều không chịu ọp một bề, và luôn luôn cầu tiến, vươn lên, tiến tới để tự cứu và không chịu thua sút ai, dầu thiên nan vạn khổ, cũng quyết đạt cho được nguyện vọng mới thôi.

Li Lan



HOẠT-ĐỘNG cách - mạng của VIỆT - KIỀU ở

THÁI - LAN

(Tiếp theo P.T. 202)

Sau các vụ khởi nghĩa Yên Thế, các vụ biểu tình của nông dân Thanh, Nghệ, Tĩnh thất bại. Việt-Kiêu ở Thái tổ chức một bộ phận gọi là « *Đông Dương viện trợ bộ* » để lo nuôi dưỡng tinh-thần của phong trào và giúp đỡ các anh em chiến bại.

Có nên nhắc rằng phong trào

★ PHẠM-VĂN-SƠN

cách mạng của các Kiêu bào của ta tại Thái-Lan từ lúc đó đã bắt đầu chịu ảnh hưởng mỗi ngày một mạnh của *Đông-Dương Cộng-S n đảng*. Vì lẽ này ngày 19/6/1928 Hồ-văn-Mịch, Nguyễn-ngọc-Sơn và Phạm-Tiên là ba lãnh tụ của *Việt-Nam Quốc-Dân đảng* có lần đã tới Oudon (Thái) để bàn việc thống nhất với một số đại diện của *Đông-Dương Cộng sản đảng*. Việc này không thành vì lập trường của hai phe Quốc-

HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

Cộng không thể dung hoà với nhau được.

Đại chiến thế giới thứ hai bùng nổ. Cách mạng Việt-Nam ở Thái hưởng ứng liền với phong trào giải phóng dân-tộc tại quốc nội. Nhiều cán bộ ở Thái được đưa về Việt-Bắc lập chiến khu. Trong số cán bộ này có Hoàng-văn-Hoan (tên cũ là Nghĩa, tên Thái là Nai-Thang) Hoàng-Sâm, Quang-Lê, Quang-Bua, Trần-văn-Hoá, Lê-Xuân-Tiên...v.v... hiện nay đang có mặt ở Bắc-Việt.

Ngày 23-9-1945 Pháp kéo quân trở lại Việt-Nam (Nam bộ) Việt-Kiêu ta lập một bộ đội mệnh danh là bộ đội Cửu-Long đã xuyên qua rừng núi miền Hạ-Lào về nước đánh thực dân Pháp.

Xem như vậy, đồng bào của chúng ta trên đất Thái tuy xa quê hương xứ sở nhưng vẫn nhiệt thành với thời cuộc nước nhà, vẫn đóng góp phần xương máu qua các giai đoạn tranh đấu chống Đế quốc, thật không hề là con cháu của các bậc đại anh hùng đại-ái-quốc Lý-thường-Kiệt Trần-quốc-Toản, Nguyễn-Huệ.

Nhưng nhìn vào cuộc « *bì oa trừ nhục* » hiện giờ trừ « *dịch chủ tài nô* » và các việc bắt đồng chánh kếp, cha anh chúng ta ở dưới tuổi vàng và cả chúng ta ngày nay nữa liệu có thể hả lòng mát dạ trước cái cảnh huynh đệ tương tàn đang diễn tiến hết sức bi thảm trên khắp nẻo đường đất nước chăng? Ngoài ra một vấn đề cần được đặt ra với các nhà cầm quyền Nam Việt-Nam là vấn đề thông tin ra hải ngoại. Theo nhận xét của chúng tôi vấn đề này chưa được giải quyết chu đáo ở những nơi quan trọng ngoại xứ Thái, là Mỹ, Phi p, Tân Calédonie, Hébrides...v.v... khiến chánh nghĩa quốc gia rất là mờ mịt trước con mắt của các Kiêu bào xa ta hàng ngàn dặm, có khi cả đời chưa có lần trở về thăm viếng cố hương.

Lòng yêu nước bị phỉnh gạt, bị hướng dẫn lầm lạc thì thật là đáng buồn, đáng thương. Chúng tôi được biết hàng vạn đồng bào ở các miền xa xôi mấy năm trước đang bị dụ dỗ về bên kia vĩ tuyến, đã mất sạch tiền bạc chỉ vì không được các tin tức xác thực về các chế độ, các màu sắc chính trị, các

sự trạng thực tế của đất nước đến nỗi ngày nay cười dờ, khóc dờ. Còn ở vùng đất của chúng ta, cái thiệt thòi trước nhất là chúng ta đã mất và đang mất hàng vạn bàn tay có nhiều năng lực để kiến thiết quốc gia cần thiết cho cuộc thanh bình ngày mai.

Chú thích : Tại Ba-Lê ta có thề có bốn năm chục ngàn Kiêu bào, tại Thái-Lan khoảng 60.000, tại Tân - Calédonie và Hébrides

có trên 10.000. Riêng tại Hoa-Thịnh-Đồn trong dịp tới thăm vào 1958, ngành thông tin và báo chí đã giao cho một cô gái lang-mạn chỉ lo chiêu chiêu đánh xe đi du hí. Dân Mỹ đang đóng góp xương máu và tiền bạc rất nhiều, chịu thuế rất nặng cho cuộc viện trợ Việt-Nam mà họ không được biết rõ đầy đủ lý do của cuộc chiến tranh hiện thời. Nếu vì vậy, một ngày kia họ sẽ bỏ cuộc có là điều tai hại chăng ?



★ Những ý-nghĩ thoáng qua :

— Hạnh-phúc chân-chính, là hy-sinh hạnh phúc của mình để tạo hạnh phúc cho kẻ khác.

N.V.

— Hai người yêu hôn nhau là mớim tình-yêu cho nhau.

N.V.

— Chết, tôi muốn xuống Địa-ngục với những linh hồn đau khổ, không muốn lên Thiên đường để sung.sướng riêng mình.

V.N.

KAMIKAZÉ



Những «TENNO BANZAI» cuối cùng

★ TÀN-PHONG

(tiếp theo PT số 201)

Ngày 13-6-45, Đại tướng Mac Arthur đã chiếm đóng hoàn toàn đảo Okinawa của Nhật, sau hai tháng kịch chiến. Đô đốc ONISHI người sáng lập ra phi đội Kami kaze, được lập tức gọi về làm Phó Tổng Tham mưu trưởng quân đội Nhật hoàng. Ông có nhiệm vụ nặng nề phải tổ chức cuộc kháng chiến của toàn thể lãnh thổ Nhật đang bị đe dọa cực kỳ trầm trọng.

Ông nỗ lực một cách đáng, khâm phục vô cùng để cố gắng cứu vãn tình hình mỗi ngày mỗi

bi đát. Nhưng trễ quá rồi. Quân Nhật mỗi ngày mỗi bại trận, Không quân và Hải quân đã tiêu tan gần hết, lực quân chiến đấu rất anh dũng nhưng mỗi ngày mỗi tuyệt vọng.

Ba tháng sau, đô đốc Onishi nhận được sắc lệnh của Nhật Hoàng cho biết phải tầu hàng địch, và ngưng hết mọi cuộc chiến đấu.

Ngày 16-8-1945, lúc 2 giờ 45 sáng, đô đốc ONISHI mở bụng tự-tử trong tư dinh của ông, sau

khi viết bản di ngôn rất cảm động sau đây :

« Gởi các bạn Thần-phong đã chết, các bạn đã chiến đấu anh dũng, tôi tha thiết tạ ơn các bạn. Các bạn đã chết với lòng tin tưởng đến thắng trận cuối cùng. Nhưng tuyệt vọng. Nay tôi chết để an ủi vong linh các bạn, và trả ơn cho gia đình các bạn.

« Gởi các bạn trẻ toàn quốc,

Tôi mong rằng các bạn đừng noi theo cái chết của tôi để hủy hoại tính mệnh của các bạn. Các bạn tự sát sẽ chỉ có lợi cho kẻ thù mà thôi. Các bạn hãy tuân theo mệnh lệnh tối cao, và vượt qua mọi trở ngại. Các bạn đừng bỏ mất lòng hãnh diện làm người dân Nhật bản. Các bạn là kho tàng của xứ sở. Các bạn hãy giữ vững khí phách Thần-phong cả trong thời bình, và nỗ lực xây dựng thành vương quốc gia và hòa bình thế giới. »

Đô đốc AGAKI, cựu tham mưu trưởng của Đô đốc Yamamoto, chỉ huy trưởng phi đoàn thần

phong Kikusui sau khi chiến đấu tuyệt vọng trên mặt trận Okinawa trong suốt 81 ngày, ông cũng nhận được của Nhật Hoàng mệnh lệnh phải ngưng chiến. Đọc xong sắc lệnh đầu hàng tại Tổng hành dinh Đế Ngũ Hạm đội. Đô đốc khóc ròng rã mấy tiếng đồng hồ. Rồi, không nói rằng với ai một tiếng, ông đi thẳng ra phi trường lái chiếc phi cơ riêng của ông bay trực chỉ đến Okinawa, nơi đây ông định thanh toán phần trách nhiệm của ông đã không ngăn cản được quân thù xâm chiếm lãnh thổ của Quê - Hương. Ông quyết tim cái chết ngay trên chiến trường mà tất cả những sĩ quan thần phong Kikusui của ông đã bỏ mạng nơi đây.

Bay đến vòm trời Okinawa, ông gởi thông điệp cuối cùng sau đây cho toàn thể hạm đội của ông :

« Nếu chúng ta đã không làm tròn được nhiệm vụ cao cả của chúng ta là bảo vệ Đất Nước và đánh bại quân thù, cái trách nhiệm đó hoàn toàn một mình tôi xin nhận lãnh. Dù vậy, tôi vẫn tin tưởng nơi Đế quốc bắt diệt

của chúng ta và tinh thần thiêng liêng của Thần-phong, cho nên giờ phút này tôi bay đến Okinawa là nơi mồ chôn các phi công hạm đội của tôi. Tôi sắp sửa đâm nhào xuống một chiến hạm Mỹ để lòi nó chìm xuống đáy biển Thái bình dương cùng một lúc với tôi. Tất cả những sĩ quan, hạ sĩ quan, và binh sĩ ở



Uống một ly rượu Saké trước khi đi tự-sát với chiếc Thần-Phong

dưới lệnh chỉ - huy của tôi, phải có bốn phận cố gắng, chống lại mọi trở lực, xây dựng lại một đế quốc Nhật bản mà lực lượng tinh thần sẽ bắt diệt. Tenno Banzai ! Thiên Hoàng Vạn tuế !

Thông điệp trên đây được loan truyền đi lúc 19 giờ 24 phút. Tức thì có bảy chiếc phi cơ Thần phong vụt bay lên theo ông và tất cả đều kế tiếp theo ông đâm bổ xuống các chiến hạm Mỹ trong hải phận Okinawa. Tám tàu Mỹ bị chìm trong trận tự sát oanh liệt cuối cùng này, trong lúc còn văng vẳng truyền trên khắp các làn sóng điện tiếng kêu :

Tenno Banzai !

Tenno Banzai !

Thiên Hoàng vạn tuế ! vạn tuế !



□ 4615 thanh - niên KAMI AZÉ từ 18 đến 22 tuổi đã hy - sinh tính - mạng - cho Tổ - quốc Nhật.

Theo lời đô đốc Teraoka thì đầu năm 1945 Tổng Hành Dinh Quân đội Nhật Hoàng đã thấy rõ sự bại trận khó tránh được

của Nhật trước lực lượng quá hùng cường của địch. Bao nhiêu can đảm phi thường của các Phi đoàn Thần phong cũng không sao cứu vãn nổi tình hình mỗi ngày mỗi sụp bại trên khắp các chiến trường! Đô đốc Teraoka (Tự Cường Cần Bình) đã viết trong một bài tường thuật :

« Ngày nay tôi có thể nói thật ra rằng Đô đốc Onishi đã quyết định thành lập phi đội Kamikazé vì ông nghĩ rằng cần phải có sự góp sức hăng hái của toàn thể dân chúng thì mới hy vọng có cuộc chiến thắng cuối cùng. Ông tin rằng gương hy sinh anh dũng của phi đoàn cảm tử Thần phong sẽ có đủ năng lực lôi kéo tất cả Hải quân không chiến, và, theo gương đó toàn thể Lục quân và Hải quân cũng sẽ tích cực hy sinh cho đến giới hạn của siêu nhân. Nhờ đó, may ra sẽ thực hiện được cuộc tổng khởi công toàn diện của toàn thể dân chúng cương quyết bám chặt lấy từng tấc đất của lãnh thổ Quốc gia, liều chết một phen để cứu tổ quốc khỏi họa diệt vong.

« Nhưng, trong thực tế, chẳng có xảy ra được một cái gì như thế. Mặc dầu sự hy sinh của đoàn cảm tử Thần phong đã gây được một tia hy vọng trong một lúc đầu, tình hình chiến cuộc toàn diện vẫn mỗi ngày mỗi bi đát, khủng hoảng. Và cái ngày định chiến phải đến chúng tôi đã không cải thiện được một chiến thuật nào cả...»

Rốt cuộc, chiến dịch Kamikazé đã đem lại cho Nhật bản một thất bại quá nặng nề. Từ lúc khai sinh ra nó, cho đến lúc đình chiến, tổng cộng có tất cả 4615 thanh niên phi-công từ 18 đến 22 tuổi của phi đội Thần phong đã tự sát với chiếc phi cơ của họ. Trong số đó, có 1985 người của Bộ binh tình nguyện qua, và 2630 của Hải quân Hàng không. Tất cả 4615 người bạn trẻ ấy đều có một tinh thần liệt sĩ rất cao, đủ can đảm để lái một phi cơ nhỏ đâm đầu xuống một chiến hạm Mỹ, như chính bản thân họ là một quả bom vậy. Con số trên đây sẽ còn tăng lên nhiều nữa nếu chiến tranh chưa chấm dứt, vì theo lời Đô đốc Teraoka, còn rất đông

những thanh niên tình nguyện sẵn sàng tự sát với chiếc Thần phong để hủy diệt hạm đội địch.

Chiến tranh vừa xong, thì có một ông cụ già tên là Ichiro Omi thực hiện ý định đi thăm viếng 4615 gia đình của chiến sĩ Kamikazé đã chết vì tổ quốc. Cuộc viếng thăm kéo dài đến 4 năm, và khắp cả nước Nhật. Người Nhật đã quỳn tiền xây cất, năm 1952, tại đền KANMON JI ở Tokyo hai pho tượng Nữ thần để ghi chiến công oanh liệt của 4615 thanh niên cảm tử ấy. Trong ruột hai pho tượng có đề

hai cuộn giấy, loại giấy quý « Thiên hoàng Nhật bản » do chính tay Đô đốc Teraoka ghi tên 4615 thanh-niên Kamikazé đã vị quốc vong thân.

Hiện nay, cứ mỗi tháng đến ngày 18, và mỗi năm đến ngày 5 tháng 5 dương lịch, một số rất đông đảo quân nhân, cựu quân nhân, từ các vị Đại tướng, Trung tướng, đến các anh binh nhì... và các gia đình thần - phong tử nạn, đều đến thắp hương cúng lạy vong linh những anh hùng liệt sĩ ấy.

□□



Chuyện nghị đời

Anh Ba Tèo vừa thấy anh Tư Béo ở Ty Cảnh-sát Công-lộ đi ra, liền bảo :

- Ô, anh Tư, anh làm sao đó, vụ gì vậy ?
- Không tôi có sao đâu.
- Thế sao anh lại vào đây ?
- Theo anh nếu tôi ở nhà xác đi ra thì anh bảo tôi là chết hẳn ?

Câu tục ngữ



- ★ Truyện ngắn mới của **MARCEL AYMÉ**
● **CHU-MINH-THỤY** dịch

(Tiếp theo PT 201)

Cậu lại lo ngại rằng mình lơ đãng khiến bà thấy được ý nghĩa của cái giả tưởng đầy thi vị trên, và bà sắp sửa mở miệng, sửa soạn biểu lộ một sự mừng rỡ kính cần. Chậm quá rồi. Ông Jacotin, suy ngẫm một cách chua chát về vẻ hững hờ của người nhà, sợ một tiếng nào đó của bà vợ sẽ xoa dịu sự sỉ nhục của cái im lặng nặng nề này và gấp rút hành động trước.

— Chúng ta tiếp tục, ông nói với một nụ cười gần đau đớn.

Tao nói là mày có tám ngày để làm cái bài Pháp-văn đó. Ừ, tám ngày. À, tao muốn biết Béruchard nó làm từ bao lâu rồi. Tao chắc chắn là nó không đợi tám ngày hay sáu, hay năm. Hay ba, hay hai. Béruchard, nó làm trong ngày hôm sau. Và mày làm ơn nói cho tao biết bài đó là bài gì vậy?

Lucien không chịu lắng nghe, để trôi qua thời gian đáng lý dùng để trả lời. Cha nó quát bằng một giọng đi lọt ba cánh cửa và tới tai bà cô Julie đang ở trong phòng. Trong bộ áo ngủ

CÂU TỤC NGỮ

và về mặt bờ phờ, bà tới dò hỏi:
— Cái gì vậy? Coi, cháu làm gì thằng nhỏ đó? Có muốn biết đó.

Rủi là ngay lúc đó, ông Jacotin bị ý nghĩ về Hàn-lâm bội tình chế - ngự. Vì vậy ông thiếu kiên nhẫn. Khi giận quá mức, ông vẫn diễn đạt bằng thứ ngôn ngữ lịch sự. Nhưng giọng của bà già này được ông nuôi trong nhà vì một thứ lòng nhơn đức có tính toán, và nói chuyện theo kiểu cha với một người sắp được gắn huy chương, đối với ông là một sự khiêu khích đáng bị trả đũa bằng những lời xác xược.

— Cô, ông ta trả lời, thì tôi nói ba tiếng.

Bà cô Julie há miệng, cặp mắt tròn xoe, chưa tin hẳn, và trong lúc ông xác định lại là phải hiểu ba tiếng ra cách nào, bà té xỉu. Có những tiếng kính hải trong gian bếp, tiếng xôn-xao kéo dài của một bi kịch với sự khua động các ấm nước, đĩa và chai lọ. Các người chị của Lucien và bà mẹ lằng-xằng bên người bệnh với những lời thương xót và an ủi mà nổi tiếng chàm chích ông Jacotin đau buốt. Họ tránh

nhìn ông, nhưng khi rủi ro phải quay mặt về phía ông, cặp mắt của họ coi khô khan. Ông tự thấy phạm lỗi và trong lúc phàn nàn cô gái già, ông thành thật tiếc sự quá lỗ về ngôn ngữ mà ông đã tự buông thả. Ông rất muốn xin lỗi, nhưng sự chèn ép bao quanh ông quá rõ rệt làm lớn mạnh lòng tự kiêu của ông. Trong khi người ta đem bà cô Julie vô phòng của bà, ông đọc lên với một giọng to và rõ ràng:

— Tôi lần thứ ba, tao hỏi mày là bài Pháp - văn gồm có những gì.

— Dạ, một bài giảng văn, Lucien nói. Phải giải thích câu tục ngữ: « Chạy không ich gì, chỉ cần khởi hành đúng lúc ».

— Rồi sao? Tao không thấy điều gì ngăn cản mày trong đó.

Lucien tỏ ý bằng một cái gạt đầu, nhưng gương mặt nó vẫn giữ vẻ kin đáo.

— Thôi đầu sao, mày cứ chạy kiếm cho tao mấy cuốn vở của mày, rồi bắt đầu làm việc. Tao muốn thấy bài của mày xong xuôi.

Lucien đi kiếm chiếc cặp học trở nằm trong góc bếp, rút ra

một quyển giấy nháp và viết lên đầu một trang giấy trắng : « Chạy không ích gì, chỉ cần khởi hành đúng lúc. » Dù viết chậm tới mấy; việc đó không đòi hỏi tới năm phút. Rồi nó ngậm cán viết và khảo sát câu tục ngữ với vẻ thù hằn và chống đối.

— Tao thấy là mày thiếu thiện chí, người cha nói. Tụi mày. Tao thì tao không gặp. Tao đợi suốt đêm nếu cần.

Quả vậy, ông tự tìm được vị trí chờ đợi thuận tiện. Lucien, khi ngược mắt lên, thấy nơi ông một dáng điệu bình tĩnh làm nó thất vọng. Nó thử suy ngẫm về câu tục ngữ nọ : « Chạy không ích gì chỉ cần khởi hành đúng lúc. » Đối với nó, sự thiệt hiển nhiên đâu cần đòi hỏi tới sự chứng minh nào, và nó nghĩ tới chuyện ngụ ngôn « Thỏ và Rùa » của La Fontaine với sự gớm ghiếc. Song le, các chị nó, sau khi đặt bà cô Julie lên giường, bắt đầu sắp đặt lại chén đĩa trong kệ tủ và dù có chú ý tới mấy để tránh tiếng động, cũng có những va chạm chọc giận ông Jacotin, làm cho ông có cảm tưởng là người ta giúp cho tên học trò này một lý do chánh đáng để khởi phải làm gì. Đột nhiên, nổi lên một

tiếng động khùng khiếp. Bà mẹ vừa làm rớt trên bực rữa chén một cái son sắt và nó văng xuống sàn gạch men.

— Coi chừng, người cha gầm lên. Khó chịu thiệt mà. Làm sao nó làm việc được, trong một hội chợ như vậy. Đề nó yên và đi chỗ khác đi. Vụ chén đĩa xong rồi. Đi ngủ đi.

Ngay sau đó những người đàn bà rời khỏi căn bếp. Lucien cảm thấy bị giao phó cho cha nó suốt đêm, rồi nghĩ tới sự dấy chết vào hồi rạng đông vì một câu tục ngữ, nó cất tiếng khóc.

— Mày tưởng vậy xong được bài vở à, cha nó nói. Đờ to đầu !

Tiếng nôi còn quạu, nhưng với một giọng thương hại, vì ông Jacotin, còn xấu hổ về tấn kịch mà ông đã gây hấn khi nãy. Mong ước chuộc lại cách cư xử bằng một thứ nhơn từ đối với con. Lucien nhận ra sắc thái đó nó xúc động và khóc lớn hơn. Một giọt nước mắt rớt xuống quyển giấy nháp, gần bên câu tục ngữ.

Cảm động, người cha đi vòng quanh bàn, kéo theo chiếc ghế và tới ngồi bên thằng con.

— Coi, lấy khăn tay ra rồi nín đi. Ở tuổi mày, mày phải biết nghĩ là nếu tao có rầy rà, là để cho mày nhen. Mai kia, mày sẽ nói : « Ông có lý ». Một người cha biết nghiêm khắc, thì không còn gì tốt hơn cho con cái. Chính Béruchard, và mới nói với tao hôm qua đây. Đối với va, đánh con là một thói quen. Có khi thì bạt tai hay cái đập, có khi thì cây roi hay gân bò. Y gặt được kết quả tốt. Chắc chắn con y đi thẳng đường và đi xa. Nhưng đánh con, với tao, thì tao không làm được, trừ dĩ nhiên thỉnh thoảng một hai lần như vậy. Mỗi người có quan niệm riêng. Đó là lời tao nói với Béruchard. Tao cho tốt hơn là kêu gọi tới lý trí của đứa nhỏ.

✱

Người ngoại nhờ những lời bỗ bấu này, Lucien ngưng khóc, nhưng cha nó lại có ý lo ngại.

— Vì tao nói chuyện với mày như nói với người lớn, mày không cho đó là yếu đuối chớ ?

— Ở đâu có ba, Lucien đáp với giọng hoàn toàn tin tưởng.

Vững bụng, ông Jacotin ném một cái nhìn nhơn từ về phía

con. Đoạn, cân nhắc một bên là câu tục ngữ, một bên là sự lúng túng của thằng con, ông nghĩ là có thể tỏ ra rộng rãi mà không mất mát bao nhiêu, và nói với vẻ xuề xòa :

— Tao thấy rõ, nếu tao không nhúng tay vô, thì tới bốn giờ sáng cũng còn y nguyên. Thôi, làm việc. Coi nà : « Chạy không ích gì, chỉ cần khởi hành kịp lúc. » Coi. Chạy không ích gì...

Hồi nãy, ông thấy đề tài pháp văn này quá dễ tới mức lố bịch. Bây giờ phải lãnh lấy trách nhiệm, ông thấy nó dưới cái nhìn khác hơn. Về mặt lo lắng ông đọc lại nhiều bận câu tục ngữ đoạn thì thầm :

— Đó là một câu tục ngữ.

— Dạ, Lucien tán thành, chờ đợi phần tiếp theo với một niềm tin cậy mới. Quả nhiều sự tin tưởng bình thản như vậy làm rối trí ông Jacotin. Ý nghĩ cái uy thế của bậc làm cha đương bị hăm dọa khiến ông nóng nảy.

— Khi cho tụi bây bài đó, ông hỏi, thầy không có nói gì hết sao ?

— Ông nói với tụi con : cốt

nhứt tránh đùng tóm tắt câu chuyện Thổ với Rùa. Các trò phải tự tìm lấy một ví dụ. Đố ông nói như vậy.

— À đúng vậy, người cha nói. Thổ với Rùa, là một ví dụ hay. Tao không nghĩ tới nó.

— Dạ, nhưng mà bị cấm.

— Bị cấm, chắc chắn như vậy, bị cấm. Nhưng mà, nếu mọi thứ đều bị cấm thì...

Giương mặt hơi ửng đỏ, ông Jacotin tìm một ý kiến hay ít ra một câu đề khởi sự. Tri tưởng tượng của ông vẫn bướng bỉnh. Ông đề tâm xem xét câu tục ngữ với một cảm giác e ngại và căm hận. Lần hồi, cái nhìn của ông bắt qua cũng cái vẻ phiến muộn mà Lucien đã có hồi nãy.

Cuối cùng, ông có ý kiến tán rộng một tiêu đề trong báo, « cuộc thi đua võ trang » mà ông mới vừa đọc sáng nay. Công việc khai triển khá dễ dàng : một quốc gia sửa soạn chiến tranh từ lâu, chế tạo súng lớn, xe tăng, súng liên thanh, và máy bay. Quốc gia láng giềng sửa soạn chậm lụt, vì vậy chưa sẵn sàng khi chiến tranh xảy tới, và

quốc gia đó cố sức để bắt kịp sự trẻ nãi một cách tuyệt vọng. Có tất cả vật liệu để làm một bài hay trong đó.

Giương mặt của ông Jacotin, vừa mới tươi lên một chút, bỗng tối sầm ngay lại. Ông vừa nghĩ là quan điểm chánh trị không cho phép ông lựa một ví dụ có xu hướng như vậy. Ông quá chánh trực khiến không thể làm nhục những gì ông tin tưởng, nhưng quả đáng tiếc thiệt. Dù có ý kiến cứng rắn, ông đã đề ý nghĩ phớt qua tri, là tiếc không dính líu tới một đảng phái phản động, điều có thể cho phép ông khai thác ý kiến với sự tán thành của lương tâm. Ông tỉnh trí khi nghĩ tới Hàn lâm bội tình, nhưng với rất nhiều sự buồn bã.

Không một chút lo âu, Lucien chờ đợi kết quả của sự suy ngẫm này. Nó tự xét đã trút bỏ công việc giải thích câu tục ngữ và làm như không nghĩ tới nữa. Nhưng sự im lặng kéo dài vô tận khiến nó thấy thời gian lâu lắc. Mí mắt nặng sụp, nó bật và; tiếng ngáp dài. Cha nó, giương mặt cau lại vì phải cố gắng tìm tới, nhận thấy đó như những lời trách cứ và sự nóng nảy của ông

tăng thêm. Dù có dày vỏ trí não, ông cũng không tìm thấy được gì. Cuộc thi đua võ trang làm bận rộn ông. Làm như nó bị hạn định vô câu tục ngữ và các cố gắng mà ông làm để quên càng khiến ông nghĩ tới nó. Thỉnh thoảng, ông ngược lên nhìn trộm thằng con và lo ngại.

Tới lúc ông không mong mỗi gì nữa và sắp sửa thú nhận sự bất lực, thì một ý kiến khác tới với ông. Nó xuất hiện như là một sự thay hình đổi dạng của việc thi đua võ trang mà nó vừa loại ra việc ám ảnh. Đó cũng là một cuộc thi đua nhưng thuộc loại thể thao, với sự sửa soạn của hai nhóm tay chèo, một toán có phương pháp, còn toán kia với vẻ bỏ bè.

— Nè, ông Jacotin ra lệnh, viết đi.

Sắp ngủ, Lucien giựt nảy người và quơ cây viết.

— Bộ mấy ngủ hả ?

— Đâu có ba. Con đương suy nghĩ. Con suy nghĩ về câu tục ngữ. Nhưng con không kiếm được gì hết.

Người cha nở một nụ cười

khoan dung, đoạn cái nhìn của ông trở nên cố định và, chậm chậm, ông cất tiếng đọc :

— Vào một buổi chiều chủ nhật mùa hè chói lọi, dấu phết, những vật xinh xắn hình dài màu xanh dương đập vào mắt ta, dấu phết, là gì vậy ? Ở xa, người ta thấy như chúng được trang bị bằng những cánh tay dài. Những cánh tay này không gì khác hơn là những cây dầm và những vật màu xanh, thiệt ra là hai chiếc xuồng đua đưa đẩy dũi dằng theo làn sóng trên sông Marne.

Bị một nỗi lo âu mơ hồ xâm chiếm, Lucien làm gan ngược đầu lên và có một cái nhìn hơi kinh hãi. Nhưng cha nó không thấy điều đó, quá bận lo để gọt một câu chuyện tiếp có thể cho phép ông giới thiệu hai nhóm địch thủ. Miệng há, đôi mắt gần nhắm híp, ông, coi chừng các tay chèo và gom họ lại trong giới hạn suy nghĩ của ông. Mò mẫm ông đưa bàn tay về phía cây viết của thằng con.

— Đưa đây. Tao viết lấy một mình. Tiện hơn đọc lên.

CÂU TỤC NGỮ

Hằng hái, ông đặt bút viết liên tu. Các ý tứ tới với ông một cách dễ dàng, theo một trật tự thuận tiện và tuy vậy hằng say khiến ông đầy vẻ nòng nài. Ông tự cảm thấy giàu có, làm chủ một tài sản tráng lệ và đầy hoa cỏ lạ, Lucien nhìn một lát, với một chút lo ngại vẫn vơ, ngồi viết đầy cảm hứng chạy trên tập giấy nháp, và cuối cùng nó ngủ gục trên bàn. Mười một giờ đêm, cha nó kêu dậy và đưa cho quyển tập.

— Và bây giờ, mày chép lại cho tao. Tao đợi mày xong để đọc lại. Nhớ cho dấu đang hoàng hôn.

— Khuya rồi ba, Lucien đưa ý kiến. Có lẽ sáng mai con dậy sớm tốt hơn?

— Không, không. Phải đập sắt khi nó còn nóng. À đó là một câu tục ngữ nữa. ông Jacotin nở một nụ cười tham lam và thêm:

— Câu tục ngữ đó, tao không lo mấy nếu phải giải thích nó, Nếu tao có thì giờ rảnh, cũng không nên ép tao quá. Đó là một đầu đề rất hay ho, một đầu đề mà tao có thể viết hàng chục

trang, ít ra, mày cũng hiểu nó chứ?

— Cái gì ba?

— Tao hỏi mày có hiểu câu tục ngữ: « Phải đập sắt khi nó nóng không.

· Bị dồn ép, Lucien tưởng đã ngã lòng. Nó bình tĩnh lại và trả lời rất mềm mỏng:

— Dạ. Con hiểu lắm. Nhưng con còn phải chép lại bài.

— Ừ phải, chép đi, ông Jacotin nói với một giọng lộ vẻ khinh khi của ông đối với một vài công việc hạ cấp.

Một tuần sau, vị giáo sư trả xấp bài đã được sửa chữa.

— Nhìn chung, ông nói, tôi chưa được vừa ý. Nếu trừ Béruchard mà tôi cho mười ba, và năm hay sáu trò khác tạm tạm, các trò không hiểu được bài tôi cho.

Ông giải thích việc đáng lý phải làm, đoạn, trong mở bài được chú thích bằng mực đỏ, ông lựa ra ba và đem phê bình. Bài đầu là của Béruchard, ông nói tới với lời khen ngợi. Bài thứ ba là của Lucien.

CÂU TỤC NGỮ

— Jacotin, đọc của trò, tôi ngạc nhiên về lối viết không quen thuộc với trò, và nó làm nghịch ý tôi tới nỗi, tôi không do dự tổng cho trò một con số ba. Dù thường khi, tôi có khiên trách trò về sự khô khan trong lúc khai triển ý tứ, thì phải nói là kỳ này, trò rơi vó khuyết điểm ngược lại. Tró tìm cách nhét đầy sáu trang giấy mà luôn luôn ở ngoài đề. Những điều không thể chịu nổi mà trò tưởng hay ho là cái giọng rườm rà.

Vị giáo sư nói dài dòng thêm nữa về bài làm của Lucien, mà ông đề nghị với các trò khác như là kiểu mẫu của những gì không nên làm. Ông đọc lớn vài đoạn mà theo ông, có tánh cách hết sức xây dựng. Trong lớp, có kẻ mỉm cười, có tiếng rú và hơn nữa, tiếng cười dai dẳng. Mặt thẳng Lucien tái mét. Bị chạm tự ái, nó cũng cảm thấy bị động chạm về phương diện khác, vì lòng hiếu thảo.

Dẫu vậy, nó giận cha nó đã đặt nó vô hoàn cảnh bị bạn bè chế nhạo. Là học trò dở, chưa bao giờ sự hổ hèn hoặc ngu dốt của nó khiến nó bị đưa ra làm

trò cười. Dù gặp bài pháp văn, la tinh hay đại số, nó vẫn giữ ngay trong sự kém cỏi một chút gì thích hợp và hơn vậy nữa, về thanh nhã của tuổi học trò. Buổi tối mà, cặp mắt đỏ ao vì buồn ngủ, phải chép tờ nháp của ông Jacotin, nó không hề lầm lẫn về sự tiếp đón dành cho bài của nó. Sáng hôm sau, tỉnh táo hơn, nó lại càng do dự không muốn nộp cho thầy, cảm thấy rõ ràng hơn, ngay lúc ấy, những gì giả tạo. Và trật giọng mà bài làm chưa được, so với thói quen trong lớp. Và tới phút chót, nhờ lòng tin cậy mù quáng nơi sự toàn hảo của cha, khiến nó đã quyết định.

Lúc trưa ở trường về, Lucien nghĩ mà oán hận về sự tin cậy gần như mù quáng của nó đã vượt qua sự thiệt hiển nhiên. Sao ông già lại rờ tới chuyện giải thích câu tục ngữ làm gì? Chấn chấn là, ông đáng lãnh sự nhục nhã khi bị tổng cho ba điểm trên hai mươi về bài pháp văn của ông. Việc đó đủ sức làm ông hết ham giải thích mấy câu tục ngữ. Và Béruchard, nó lại được mười ba. Ông bị một

CÂU TỤC NGỮ

vỏ thiệt khó bóc đầu. Vậy cho ông tởn.

Lúc ngồi vô bàn, ông Jacotin tỏ ra vui vẻ và gần như dễ thương. Sự vui mừng có hơi sôi nổi làm cho cái nhìn và lời nói của ông linh hoạt. Ông tỏ ra dễ tánh bằng cách không đưa ra ngay câu hỏi mà ông nóng được biết và con ông đương đợi. Không khí bữa ăn trưa không mấy khác thường lệ. Sự vui vẻ của người cha, đáng lý làm cho những người cùng bàn dễ chịu, lại khiến họ ngại ngùng thêm.

Bà Jacotin và các cô con gái cố giữ một thái độ ăn khớp với sự vui tánh của chủ gia, nhưng hoạt công. Còn phần bà cô Julie, bà coi như có nhiệm vụ lưu ý, bằng một thái độ quạu quọ. cùng một vẻ ngạc nhiên bị xúc phạm, những gì làm chướng mắt do sự vui tánh đưa tới cho gia đình Ông Jacotin nhận ra điều đó, vì ông sa sầm ngay nét mặt.

— Mà nè, ông đột ngột nói. Còn vụ tục ngữ?

Giọng của ông lộ vẻ cảm xúc

thiên về lo lắng hơn là sốt ruột. Lucien nhận thấy ngay lúc đó nó có thể làm khổ cha nó. Lúc bấy giờ, nó nhìn ông không một chút e dè, khiến nó nhận ra rõ con người thật của ông. Nó hiểu rằng, từ nhiều năm nay, cha nó sống trong tự tin tưởng là người chủ gia đình không thể nào làm lỗi và khi giải thích câu tục ngữ ông đã đưa cái nguyên tắc không thể nào làm lỗi vô một cuộc phiêu lưu nguy hiểm. Không những nhà độc tài trong nhà sẽ mất mặt trước thân quyến mà còn cùng một lúc, mất luôn cả sự kính nể của ông đối với bản thân nữa. Đó là một sự sụp đổ. Và trong nhà bếp, nơi bàn ăn, đối diện với bà cô Julie đương luôn luôn rình rập một cuộc phục thù, tấn bi kịch mà chỉ một lời có thể cởi mở ra được đã bày ra mọi thực tế điên đảo. Lucien sợ hãi về sự suy yếu của cha và lòng nó xúc động, do một sự thương xót cao thượng.

— Mày ở trên mây hả? Tao hỏi là thầy mày có trả lại bài tao làm không? ông Jacotin nói.

— Bài của ba? Dạ trả rồi.

— Mà được mấy điểm?

CÂU TỤC NGỮ

— Mười ba.

— Không tệ. Còn Béruchard?

— Mười ba,

— Còn điểm khá nhứt là?

— Mười ba.

Giương mặt người cha sáng lên. Ông quay nhìn trân tráo về phía bà cô Julie, như dù có trái ý bà, người ta vẫn cho số điểm mười ba. Lucien hạ mắt và nhìn trở vô người với vẻ vui thích đầy cảm động. Ông Jacotin đề tay lên vai nó và nói với giọng bao dung:

— Con thấy không, khi người ta bắt tay vô một công chuyện việc chánh là trước hết phải suy nghĩ kỹ. Hiểu một công việc là đã làm được quá ba phần tư rồi. Đó đúng là điều muốn nhét vô đầu mày lần một. Và tao sẽ làm được. Tao sẽ đề tất cả thì giờ cần thiết. Ngoài ra, từ nay về sau tất cả các bài Pháp văn của mày, mình sẽ cùng làm chung.

(Le proverbe-Gallimard)



Tư tưởng hay

Biết bao nhiêu người bước vào cuộc đời không phải lúc. Họ bị kẹt giữa hai cánh cửa. Cánh cửa của « SỚM QUÁ » và cánh cửa của « MUỘN QUÁ ».

BARBEY D'AUREVILLY

* Sự phán xét của một người không phải là luật chung cho tất cả.

(Le jugement d'un seul n'est pas la loi de tous)

Gresset

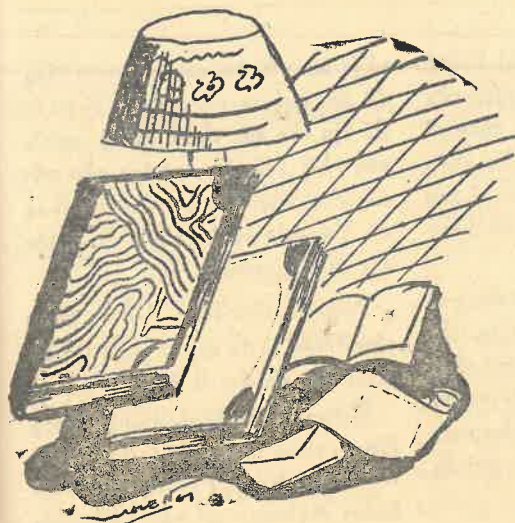
TIN VỀ

★ THÙY-AN (S.V. Huế)

Chiều nay tin nhận về
U hoài không còn nữa
Ngày đẹp tựa pha-lê
Gieo tơ vàng khắp ngõ.
Trời nhẹ vút lên cao
Hoa lòng đang hé nhĩ
Im nghe tiếng lao xao
Muốn lời chim nhỏ bé
Yêu thương đong đầy mắt
Lối mộng đẹp mùa hương
Ôi tay ngà ngọc ngác
Chép vần thơ tơ vương.

Và

Nơi đây nhiều lá rụng
Gần sang Thu có liêu
Uyên ương tròn giấc mộng
Yêu mến sóng dâng triều.
Êm đềm loài bướm trắng
Nhờn nhờ vờn bên hoa
Thời gian như ngưng đọng
Hương phấn bay là đà,
An lành giọng sóng cũ
Neo thuyền thả hồn mơ
Hoa mây từ viễn xứ
Nhưng gấm dệt tình thơ.
Ánh vàng trăng hẹn ước
Miền hạnh phúc vô bờ.



Tiếng Việt TIẾNG TRUNG-HOA

★ Lê-Ngọc-Trụ

Trong bài *Tinh thần tiếng Việt* đăng trong *Đồng-Nai văn tập* số 6, tháng 5 năm 1966, tôi có chứng minh rằng, vì hoàn cảnh địa-dur và lịch-sử, tiếng Việt có chịu ảnh hưởng rất nhiều của tiếng Trung-Hoa, đã mượn và vịn vào ý nghĩa các tiếng Hán-Việt mà đặt bày thêm tiếng mới, theo tinh thần của Việt-ngữ.

Cùng một chữ Hán, người Trung-Hoa phát âm không giống giọng Hán-Việt của tiếng Việt-Nam, vì thế, về phương diện âm thanh, tiếng người Trung-Hoa nói không phải tiếng Hán-Việt, song

về phương diện ý nghĩa của chữ Hán được giải thích trong kinh sách hoặc từ-điền Trung-Hoa, thì người Hoa cũng như người Việt đều hiểu như nhau. Thế nên, tiếng Việt có mượn rất nhiều những ý-nghĩa của chữ Hán, còn mượn thẳng nơi tiếng Tàu thì rất ít.

Mượn chữ Hán và phát âm kết quả ra tiếng Hán-Việt là bởi phần lớn vịn vào « chữ ghi âm theo *phiên-thiết* » của tự-điền từ-đời Đur-đời Tống, cách đọc sách về sau đều có ghi trong *Khang-Hi tự-điền*.

Song nếu kiểm soát lại, thì có

một số tiếng Hán-Việt lại không được phát âm theo phiên-thiết của tự điển Trung-Hoa, hoặc cũng có một số chữ Hán đã ghi âm theo tự điển Tàu, song lâu mãi về sau không còn giữ âm ấy, mà đã được đọc ra một giọng khác.

Như chữ *nhất*, thông dụng ai cũng biết, khi dở tự điển ra, thì thấy ghi là «*ư + tất thiết*», phải đọc *ất*. Quyển tự-vị La-Việt-Bồ của cố Alexandre de Rhodes xuất bản hồi thế kỷ XVII ghi là *nhtt*,

Chữ *ảo* (tuồng *ảo-hóa*), thì tự điển Trung-Hoa ghi là «*hồ + quán thiết*», nghĩa là phải phát âm là *hoạn*.

Đó là một vài thí-dụ về trường hợp những chữ Hán không phát âm đúng theo lối ghi của tự điển Tàu.

Còn chữ *đả* là «*đánh*», phiên thiết là *đô + giả*, lại có một âm nữa là *đô + đĩnh* : *đĩnh*, thì ra tiếng *đánh* đã chuyển nơi âm *đĩnh* hơn là nơi âm *đả*.

Song chỗ đặc biệt của tiếng Việt mà tôi cố ý nhắc lại sau đây một thí dụ đã đăng trong *Đồng-Nai văn-tập* dẫn trên, là đầu

phát âm với âm nào của chữ Hán để kết quả ra tiếng Hán-Việt, ta đã vịn vào âm, thanh và ý nghĩa của chữ Hán ấy mà tạo nên một số tiếng Việt đặc biệt, nghĩa là ta đã Việt-hóa và biến đổi rất nhiều các «*tiếng mượn*» ấy.

Như cái chữ Hán (*thủ* bằng chữ *trệu*), đa số tự điển Hán-Việt đều ghi âm là *Khiêu*.

Tiếng Trung-Hoa, giọng Quảng Đông, theo quyển *Dictionnaire Cantonais - Français* của Louis Aubazac, có năm cách phát âm : *thiu, tju, thiu, thiu, thõ*, và có thêm một nghĩa «*đán, vá*». Giọng Quan thoại, theo quyển *Mathews' Chinese-English Dictionary* ghi, là *thiao, thiao, thao*.

Còn theo lối phiên-thiết của *Khang-Hi tự điển* thì có sáu cách đọc, với nghĩa khác nhau :

1. *Thieu* (*thõ + điêu* hoặc *tha + điêu thiết*) :

- a) quấy chọc ;
- b) gánh ;
- c) tuyền chọn, lấy ;
- d) loại thia lớn.

2. *Điêu* (*đờ + liêu* thiết, âm *điêu*) ;

a) đưa, dẫn ;

b) kêu chọc : *điêu chiến*.

3. *Thieu* (*thõ + liêu* thiết) : (nghĩa đồng).

4. *Điêu* (*đờ + điêu* thiết) : lay động, lắc lư.

5. *Điêu* (*điền + liêu* thiết) : nắm lấy, lấy ra.

6. *Thao* (*thõ + đao* hoặc *tha + đao* thiết) :

- a) *thao đạt* : kinh bạc, lấu linh
- b) khí-cụ dùng tháo gỡ đồ vật.

Như vậy, tiếng Trung-Hoa không có âm *khiêu* để ghi chữ Hán ấy ; các tự điển Tàu đều ghi toàn bằng những tiếng khởi đầu bằng một âm chót lược : *th, đ, t*.

Âm *Khiêu* là đặc biệt giọng Hán-Việt của Việt-Nam.

Chữ *Khiêu* này, quyển *Dictionnaire Annamite-Français* của Génibrel, xuất bản năm 1898 ghi bốn âm, với các nghĩa như sau :

1. *Điêu* :

- a) quấy : *điêu-công, điêu-phu* ;
- b) cắt, chọn : *điêu tuyền* ;
- c) xui : *điêu chiến*

2. *Điêu* :

- a) gheo : *hi điêu* ;
- b) đem, đưa đi : *điêu bộ, điêu thế*,

3. *Khiêu* ;

- a) kêu : *khiêu chiến* ;
- b) nêu lên.

4. *Thieu*, (*khiêu*) :

- a) kêu-kích
- b) gánh.

Vậy căn cứ vào tự điển Génibrel, thì khi xưa, ngoài âm *Khiêu* đặc biệt Việt-Nam, đã có những âm của trong tự điển Trung-Hoa phiên thiết. Các tự vị của Paulus Của, Đào-Duy-Anh, Đỗ-văn-Đáp và *Việt-Nam tự điển* chỉ ghi có một âm *Khiêu* với nghĩa «*kêu chọc, gánh*» mà thôi.

Hán-Việt tự điển Thieu-Chử không ghi âm *Khiêu*, và có lẽ đã theo phiên-thiết của tự điển Trung-Hoa mà ghi :

1. *Thieu* : gánh; kén chọn; gạt ra; lựa lấy.

2. *Thieu, thieu bát*, : kêu chọc.

3. *Thao, thao đạt* : lấu-linh, tà cài đáng kể kinh bạc, không có hậu.

Đó là trường-hợp một chữ Hán mà Hán-Việt không theo lối ghi âm của phiên-thiết trong tự-diễn Trung-Hoa.

Đến khi khảo-sát những tiếng biến-trại từ những âm của chữ «*khieu*» với các nghĩa của nó, thì ta sẽ thấy chỗ súc-tích phong-phú của Việt-ngữ, và các tiếng biến-trại lại giữ đúng theo luật biến-âm của tiếng Việt.

Với âm *Khieu*, đặc-biệt Việt-Nam, có một số tiếng Việt được tạo nên, khởi đầu bằng một âm mang-cửa đồng loại : *kh*, *k*, *g*, *qu*.

1. với nghĩa «*khêu động, chọc khuấy, kéo dẫn ra*» ta có những tiếng :

khêu (khêu chọc, khêu khích)

khều, quều;

khèo, quèo.

khuấy, quấy;

khươi, (chọc);

gheo;

gợi, gay, nói kháy :

khêu lên (khêu đèn);

khươi lên, cạy lên, ời.

2. với nghĩa «*mang, gánh*», *khieu* cho ra tiếng *quẩy*.

3. với nghĩa «*dan vá*», *khieu* cho ra tiếng *khâu* (khâu vá)

khíu (chăm khíu)

Với mấy âm đã ghi trong tự-diễn Trung-Hoa, các tiếng Việt được tạo nên cũng đã biến-đổi theo luật biến-âm đồng loại âm chót lưỡi : *th*, *t*, *đ*, *l*.

Với âm *thieu* và nghĩa «*dan* ta có tiếng *thêu* (thêu thùa).

Với âm *đieu* và nghĩa *khienung*, ta có tiếng *đều* : *đều cang*. Tiếng *đều*, *đều cang* này chuyển từ âm *đieu* (*khienung*) không có nghĩa gì là «*đều giả, đều ngoa*» cả. Tiếng *thẳng đều, đều giả* mới là do tiếng *đieu* (*đieu ngoa*) chuyển ra.

Đieu cũng cho ra tiếng *đeo*, *đeo mang* trên vai, và *đèo* (*đèo thêm một gánh nặng, đèo con trên vai..*). *Đeo mang* cũng có thể chuyển từ tiếng *đái* là *đai*.

Với âm *đieu* và nghĩa «*gánh, mang*» ta có tiếng *địu, địu con*.

Với nghĩa «*khêu, chọc*» *đieu* cho ra tiếng *đùa* (*đùa giỡn, nói đùa, đùa cợt..*)

Với ý đưa dẫn, *đieu* cho ra tiếng *điều*, không biến âm thanh, là «*bắt dẫn đi*» như nói : «*bị điều về bót*». Và tiếng *đưa* là «*đưa đi, tiễn đưa*» :

Với nghĩa (tuyển chọn lấy ra) âm *đieu* và *đieu* cho ra những tiếng :

đũa (ra) là gạt ra;

đũa (ra) là đẩy ra;

lũa (ra) là lựa và đẩy ra, lấy ra, như : *lũa com, lũa xương, lũa lọc;*

lựa (chọn).

Hai phụ-âm *đ* và *l* đối lẫn nhau, vì đều thuộc loại *phụ-âm răng* (*nóu*).

Với nghĩa «*lay động, lắc lư*» âm *đieu* cho ra tiếng *đưa* : *đưa qua đưa lại, đòng đưa, đưa võng..* (Tiếng *đưa* này có thể chuyển bên tiếng *đu* (*đu đưa*) của từ ngữ *đu tiên* (xích đu tiên) nó chuyển từ gốc «*thiên thu*»),

Chót hết, với âm *thao* và

nghĩa «*khí-cụ tháo gỡ đồ vật*» ta có động-từ *tháo* là «*gỡ mở banh ra*».

Theo sự khảo-cứu mấy tiếng Việt chuyển gốc tiếng Hán-Việt dẫn trên, ta thấy còn có những nghĩa không được thấu nạp, như cái thìa lớn, *thao đát*. Những ý, những nghĩa được thông hiểu thấu nhận thì giúp ta vịn vào các âm thanh của tiếng Hán-Việt mà đặt bày, tạo nên những tiếng Việt thích đáng, để cung ứng vào sự sanh-hoạt xã-hội.

Tóm lại, tiếng Việt đã chịu ảnh hưởng rất nhiều và mượn gốc tiếng Hán-Việt, chứ không phải bị ảnh-hưởng trực tiếp của tiếng Trung-Hoa. Tiếng Việt đã biến chuyển tiến hóa một cách dồi-dào, với thời-gian lịch-sử, sự phong-phú này tiêu biểu khả năng sinh-tồn súc-tích tinh thần bất khuất, tiến triển mạnh mẽ của dân-tộc ta vậy.



● DANH-NGÔN

✧ L'enfer aussi a ses lois

(Địa-ngục cũng có những luật-pháp của Địa-ngục)

GOETHE

THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ THIÊN TAI

(Bão-tổ, Sấm, Sét và Chớp)

● PHÙNG-LÊ-ÁNH

(Tiến-sĩ Hóa-Học — Manila)

Không ở nơi này thì nơi khác trên địa-cầu, bất cứ giây phút nào bầu trời cũng bị xé rách bởi trăm ngàn tia chớp nhoáng kèm theo những tiếng động rầm trời. Một hiện tượng đã được coi như là thiên tai dọa nạt sinh vật trên địa cầu từ ngày tạo thiên lập địa, đã làm các nhà khí tượng điên đầu.

Bão tố và sấm chớp đe dọa và hủy hoại các ngành sinh hoạt của loài người từ cổ tới kim... Từ lâu người ta đã hiểu rằng sấm chớp gây ra bởi sự va chạm của những luồng điện trong bão tố, nhưng người ta không cắt nghĩa

được rõ ràng hiện tượng đã xảy ra làm sao?

Các nhà khí tượng đã dồn hết năng lực nghiên cứu, và phân tách tỉ mỉ trăm ngàn bão tố, kết quả thu được ở gần khắp mọi nơi trên thế giới để đưa ra một thuyết hiện đại mới nhất về bão tố và sấm chớp.

Theo thuyết này, bão tố, sấm chớp được tạo lập từ lúc sơ khởi như sau:

Nước biển bốc hơi bởi sức nóng thiêu đốt của mặt trời, hơi nước nóng này rất nhiều, chuyển lên cao dần tụ thành từng khối



THUYẾT HIỆN ĐẠI VỀ THIÊN TAI

tới những tầng lớp không khí cao và lạnh hơn, thì bắt đầu ngưng đọng thành những hạt nước nhỏ như bụi cho ta thấy hình ảnh của những lớp mây.

Sự ngưng đọng này trả lại năng lượng (heat or energy) hay nhiệt lượng mà mặt trời đã cho trong việc bốc hơi nước ở đại dương, theo định luật bảo tồn năng lượng (laws of conservation of energy). Năng lượng này làm tăng cường sức đẩy khối hơi nước đã ngưng đọng lên cao hơn, và đồng thời gây sức hút cả lớp mây bên dưới thành từng luồng, từng lớp theo chuyển động thẳng hướng thiên. Sự chuyển động gây sức hút tiếp truyền này làm nước biển tiếp tục bốc hơi..

Lớp mây bão cứ thế lớn mạnh mãi. Sự chuyển động cũng được tăng cường. Năng lực càng được trả lại nhiều. Do đấy các lớp mây và không khí chuyển động thành luồng, đảo lộn trong không khí và tùy theo đà di chuyển mà gây ra sức mạnh của từng trận bão (mưa bão).

Đứng về phương diện điện học, sự đảo lộn của các lớp mây gây ra bởi sự hướng chủng

loại của các điện tích: điện tích âm và điện tích dương.

Khối điện tích khác dấu ngưng tập (oriented), lớn dần. Điện tích dương luôn bị đẩy ra via của các khối mây hoặc truyền thẳng xuống đất.

Khi hai khối điện tích khác dấu đủ sức mạnh gặp nhau, sức đụng chạm gây ra tiếng nổ dữ dội (SẤM SÉT). Luồng điện sáng (chớp) xuất khởi đập theo đúng khuôn hình mặt điện hai khối giáp chiến. Sức điện ngưng tụ của hai điện tích còn nhỏ, ta có Sấm, quá lớn và nhất là sảy ra gần mặt đất ta có Sét.

Sấm, Chớp còn có thể sảy ra do sự đụng chạm của hai khối mây liên-hệ hoặc ngay trong cùng một khối mây khi hai điện-tích của khối mây này đã ngưng tụ chủng loại (từng nhóm khác dấu).

Nguy-hiểm và đáng sợ nhất là sấm chớp gây ra bởi sức va chạm của khối mây mang điện-tích âm với mặt đất (the ground) Sự giáp chiến liên giới này, khối điện-tích âm của khối mây thường thường tỏa ra một luồng điện nhào xuống tiên-phong (tựa như bừa-bối của các tiên-

nhân có luyện chưởng !). Khi luồng điện giáp địch-(chạm mặt đất)- chu-kỳ luồng điện được kết thúc. Nên nhớ rằng điện chưởng này chạm mặt đất trực tiếp hoặc gián-tiếp (chạm các vật tiếp xúc với mặt đất như nhà cửa cây cối, súc-vật, nhân-sinh) đều được coi là điện chưởng kết thúc chu-kỳ. Ngay lúc giáp-giao các điện-tử (ions) ò-ạt sụp đổ liền theo làn chớp và đập theo đúng đường luồng điện (làn chớp) đã đi. Các sinh vật trên địa cầu là những tế bào sống, chúng có một thể điện chuyền cảm của tế-bào, những thể-điện này (cellular potential)cực-tiểu(nhỏ) so với thể-điện của khối mây thì tựa như vô cực và nhỏ hơn

số không. Vì thế sự ò ạt truyền cảm của các điện tích truyền qua sinh vật để xuống đất cướp mất sinh khí (Exhaustion of the body potential) của sinh-thể nhanh như chớp.

Các khối hơi nước ngưng đọng càng dày, càng lớn, mưa bão càng nhiều, sấm chớp càng lắm!

Các luồng gió lạnh phát sinh là vì sự di-chuyển của các khối hơi nước ngưng đọng sụp đổ, rơi từ tầng lớp không khí cao hơn, lạnh hơn xuống dưới. Khi các khối hơi nước đã sụp đổ hết, bầu trời trở lại quang đặng như thường, nhưng bao giờ cũng lạnh hơn lúc ban đầu.



★ **Danh ngôn**

Il y a plus de choses dans le ciel et sur la terre que de rêves dans notre philosophie.

SHAKESPEARE

(Trên trời và trên trái đất có nhiều sự vật hơn là những mơ-mộng của triết-lý loài người)

9 ngày ở Trung-tâm 3

TUYÊN-MỘ VÀ NHẬP-NGŨ

BÚT KÝ



NGUYỄN-THU-MINH

(Tiếp theo P.T. 198 và hết)

Theo người hướng dẫn lên phòng đợi ở phía phải cổng chính của Trung-Tâm mới thật sự nghĩ đến mình sắp phải làm gì khi về với ngoài đời, nói gì với bè bạn. Thèm thường những bước chân dẫm trên đường nhựa trở lại gia đình đến ngắt ngậy. Trong cái khoảng khắc đợi giấy tờ thủ tục ra về mà lòng vẫn còn xen lẫn chút lo xa không đâu để Noãn phải gán cho tôi : con người lắm cảm và tôi đã phải hổ thẹn với mình.

Chúng tôi tập họp ở phòng đợi gần nữa tiếng đồng hồ thì Ban Lý-lich trả về nguyên quán bước vào. Chuẩn-úy Thuận vui cười nói vài lời cùng anh em trước

khi nhận giấy ra về bao hàm ý nghĩa xâu xa. Nhưng lòng tôi, tâm trí tôi đã để hết tận nơi đâu nên chỉ nhận lãnh loáng thoáng vài đoạn : trách nhiệm của người trai cùng lời chào tạm biệt.

Ngoài Chuẩn-úy Thuận xem xét lại giấy tờ và nhận diện từng người một khi trao họ giấy trả về nguyên quán, còn có Trung-sĩ Hoành và người nữ quản nhân mang tên Phụng khá duyên, nụ cười tươi như hoa bướm mùa thu, trao mỗi người một trăm bạc lộ phí sau khi đã ký tên xong vào tất cả giấy tờ hợp lệ.

Ra đến cổng chính Trung-Tâm nơi đây, chúng tôi còn phải trao

giấy trả về nguyên quán cho người phụ trách kiểm soát lại lần nữa mới nhận lại luôn cả thẻ kiểm tra của mỗi người để sẵn ở đây, để về với gia đình, bè bạn, với Sài Gòn đông đảo ngựa xe, áo màu lộng gió.

Đặt từng bước chân trên đường trần nhựa hướng về Sài Gòn, tôi mới thật sự tin chắc là mình đã về thật! Đi được một khoảng khá xa tôi mới dám quay đầu nhìn lại Trnng-Tâm rộng mênh mông lòng nhủ thầm từ giả.

Tất cả đời sống ở ngoài về lại với tôi bằng tim, bằng óc, bằng hơi thở.

Nắng, gió như chào đón, chim chóc hót trên trời cao chia mừng...

Con đường Lê-văn-Duyệt rời Saigon đã hiện trước mặt tôi đầy luyến cảm. Và thật sự người yêu đã không nở phụ tình người mong đợi.

★

Lời kết

KBC 4113, ngày tháng năm 1967

Em thương,

Như đã bao lần anh nói với

em : « bình nhật không mấy khi vui, chỉ làm mình buồn khổ như kẻ bị tình phụ, nhất là sống giữa thời đại này ». Do đó mà ngày trở về của anh cũng chỉ có giới hạn, chưa thể một sớm một chiều, sáu tháng, một năm hai năm đã thực nói câu giả từ, « 9 ngày ăn cơm lính » nên giờ trở lại với nó cho nhớ thương em dài thêm ra, anh phải xa em, xa hạn bè, xa con đường Phan thanh Giản thân yêu, mà mỗi ngày bốn bận đi về bên em, và đoạn cuối tập bút ký này anh phải thêm lời hết...

... Có điều này nói để em biết là anh trở lại với « 9 ngày ăn cơm lính » vẫn những cảnh cũ tái diễn, chỉ khác đôi chút về tinh thần, lòng người thay trắng đổi đen hơn. Những người bạn đầu hôm nói chuyện thăm thiết sáng ra đã vội lơ là ganh tị nhỏ nhen không đâu, có người nằm bêu nhau giở lệ ban chiều khuya lại, chiếc ví tiền của bạn không cánh bay mất, đáng thương. Đạo trước 9 ngày đã gọi là lâu, bây giờ nhanh nhất cũng phải 15 ngày. Em cứ tưởng tượng, với con số 15 ngày đêm đàng đàng nằm chờ trong hồi

hộp ấy nó sẽ cho anh buồn nhớ tiếc thương đến dường nào !...

Lại thêm trời Quang trung đêm đêm vẫn đổ mưa to, gió lạnh. Tiếng súng nổ nhiều từ xa vọng về, từ Quân-trường đổ sang mà nằm trên manh chiếu rách bươm ẩm hơi đất; nhìn ra khung trời hỏa-châu soi sáng một vùng, thật tủi phận không ít. Hết năm lại ngồi, sờ cảm vuốt mặt cho chan đi niềm vọng tưởng vẫn khôn nguôi. Cái khổ, cái sầu cứ chồng chất thêm từng giờ, từng ngày. Anh mong thư này đến với em bằng tất cả rạo rức của hồn, của hơi thở, của nắng gió Trung Tâm 3 hơn là lời yêu thương thường tình riêng rẽ muôn đời. Em sẽ tìm ở đây một ít lạ lùng, thay đổi mà anh cảm, sống sau khi đặt chân đến khu phân loại và bất lực Tâm-trạng chung của những con người xa saigon, xa bạn bè, xa nếp sống thường ngày với 15, 18 ngày của « 9 ngày ăn cơm lính » :

(Buổi trưa tại Câu-lạc.bộ khu Phân-Loại)

HÙNG : (trầm ngâm, đau khổ) Buồn quá. Da điết quá mấy cậu ơi ! Cuộc đời thật chẳng ra cái chớ gì cả.

THANH : (mĩa mai) Số phận đã dành sẵn cho mỗi người thế nào thì rằng mà nhận lãnh đi chứ. Các cậu cười lớn cho nó sướng !

PHONG : (buồn rầu) Riêng tớ chỉ lo là lo cho gia đình, giá tớ còn độc thân thì chẳng cần đểch gì hết... Ai muốn sao tớ theo vậy. Đàng này..,

THANH : Thôi, cố gắng làm kiếp ngựa trâu đi cho xong.

HÙNG : Trong bọn mình, thằng nào cũng vợ 3, 4 con trở lên chứ ít sao. Rồi đây vợ con ở nhà lấy gì để sống ?

PHONG : Không sống nổi thì nhờ những kẻ ngoại kiều đùm bọc hộ vậy.

THANH : Dẹp chuyện gia đình lại đi các cậu : Nghe mãi, bàn lo mãi phát chán và sốt ruột lắm. À, các cậu vừa rồi có nghe gì không ?

HÙNG : (ngạc nhiên) Có chuyện gì lạ sao ?

THANH : Nghe đâu từ ngày nhập trại cho đến lúc được về phải mất 15, 20 hôm đấy. Đó là riêng những người đi trình diện xếp loại A, chứ những người bị bắt xếp loại B thì còn khuya,

chưa biết bao lâu. Nhưng ai qua được 3 cửa ải cũng háy da phỏng trâu ra đây.

PHONG: Minh cũng nghe vậy chứ không phải chờ đợi thủ tục trả về như đạo nào.

THANH: Lúc này Hội đồng Miễn Dịch cũng làm việc tại Trung tâm, nên ngoài phần đề nghị của trung tâm chúng mình được liệt vào loại BL rồi thì sang ở Khu Bất Lực đợi ra Hội đồng. Nhưng đợi ra Hội Đồng mới nan giải, chưa biết ngày giờ nào.

HÙNG: (buồn) sao mà lảm rặc rối thế nhỉ? Chuyện này mà về được, e việc làm ăn cũng gặp nhiều phiền phức...

THANH: Vậy mình mới đáng ngại. Trung Tâm chỉ là đề nghị, còn phải qua Hội - Đồng Giám Định, Xong Hội Đồng Giám Định mới được ra Hội Đồng Miễn dịch, mà Hội Đồng Miễn Dịch... dám cho gì... là thường
PHONG: Đáng lo thật. Tại mình chưa cười nổi!

(Hùng thở dài. Phong, Thanh thở dài, những nét lo buồn tới tấp về vô xé lòng, hòa với tiếng no, tiếng khóc nhỏ bừa bãi của

những trại sinh đang dự phần văn giải khác tại Câu lạc bộ.)

: : : : :

THANH: (cầm miếng bánh mì vừa nhai vừa nói) Một là đi phút cho rồi, hai là về, chứ tái diễn mãi cái trò này một năm hai bận cũng đến rồi đời ngựa trâu chẳng đáng mặt ngựa trâu.
HÙNG: Cậu nói ít thôi cho vợ con ở nhà nhớ.

PHONG: (cảm hoài) Minh nghe vậy hết nhai nổi miếng bánh.

(Những tiếng thở ra và thở ra đây đó)

Em thương,

Mầu đối thoại trên đây anh nghĩ rằng em sẽ cảm thông phần nào mức sống hồi hộp và tưởng vọng của anh. Tuy đôi điếm anh không đồng quan điếm với mấy anh em trại sinh nói trên.

Saigon mưa nắng nhiều không em? Đêm đêm nằm nghe tiếng súng vọng về một mình có ngại gì không? Nhớ lại bài thơ « Tâm hồn ngày anh đi » của một người bạn mà thương thương vô vàn. Anh thuộc nằm lòng ra đây. Anh chép lại em xem nhé !!

*Bao giờ anh lại đi,
Cho em buồn thêm nữa,
Hồi súng xa vọng về.
Tình yêu thời khói lửa!*

*Từng đêm nằm thao thức.
Nguyện cầu sao bây giờ,
Cho mình hay đất nước,
Trong chiến chinh mịt mờ?!*

*Nếu mai này anh đi.
Nên mừng hay oán trách.
Bồn phận của nam nhi,
Và gia đình đời rách!*

*Nếu mai này anh đi.
Nên cười hay nên khóc.
Má đỏ và xuân thì,
Tháng năm dài đơn độc.*

*Nếu mai anh được về,
Phải cười hay e thẹn.
Ôi! Còn bao nhiêu người.
Tình nhà không trọn vẹn,*

*Nếu mai anh được về,
Sống vui hay xấu hổ.*

★ **Danh ngôn:**

Ce qui est incompréhensible, c'est que le monde soit compréhensible.

ALBERT EINSTEIN

(Cái không thể hiểu được, là thí dụ như đời có thể thông - cảm được).

*Đất nước còn nào nữa.
Làm sao đành mình rồi,
Làm sao mà giải thích,
Tâm hồn ngày anh đi,
Biết rằng em sẽ khóc.
Ôi! Chiến tranh làm gì?!*

P.D.

Tâm hồn anh, tâm hồn em, làm sao mà giải thích nổi lúc này em nhỉ? Anh càng đọc càng nguyện cầu cho mẹ Việt-Nam mau bình phục, để đàn con hiện đang phân tán biết tìm đường về sum họp dưới bóng mẹ.

Anh cũng quên nói em rõ là kỳ đi này không có Tính, Đĩnh, Noãn mà thay vào Lộc lắm để thương, hiền lạ, nên anh đỡ lẻ loi. Ngoài Lộc đồng bệnh, anh còn tìm được niềm an ủi của Chuẩn úy Thủy, Trần, Đại úy Giỏi, Trung úy Triệu Thôi nhé! Thăm em và bao nhiêu người thân. Hẹn em thư sau tiếng còi tập họp đã thúc đến hồi thứ hai...

Mến thương em nhiều.

★ **NGUYỄN-THU-MINH**



HỌA THƠ

TAO - ĐÀN BẠCH - NGÀ

«Thu về tang tóc lắm, Thu ơi»

của NGUYỄN-VỸ



L.T.S. - Chúng tôi đăng lần lượt những bài thơ họa của qui bạn, theo thứ tự nhận được trước sau, chứ không phải theo giá-trị của bài thơ. Cuối tháng 12-1967, chấm dứt cuộc họa thơ, chúng tôi sẽ nhờ quý bạn đọc lựa chọn 10 bài trội nhất để tặng giải. Chúng tôi sẽ tặng mỗi giải một tác phẩm của N.V... hoặc một năm, hay 6 tháng báo Phổ-Thông.

(Xin xem PT số 199)

37) *Thu về tang tóc lắm, Thu ơi !
Nước khờ, dân kêu chẳng thấu Trời !
Sương mịt-mù phong trắng bạc lạnh,
Máu loang-lổ nhuộm lá vàng rơi.
Mưa tuôn như khóc tình xương thịt,
Nắng hực đường nung hận giống nôi...
Thế bí, nào tay cầm lái vững
Cho thuyền thoát hiểm giữa dòng khơi?*

Tuần-lý HUỶNH-KHẮC-DỤNG

38) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Nước cả vì đau mãi sụt sùi ?
Bắc cứ xoi bom, bom vẫn liêng,
Nam còn uống đắng, đắng hoài rơi
Xương ai chất đống, ai kêu : nhĩ !
Máu ấy tung đầy, ấy thét : Trời !
Tiếng khóc, tiếng la, rền một cõi,
Phật đây, Chúa đó, ngựa Ma trôi ?*

NGUYỄN-NGU-Í

(Tòa soạn Bách-Khoa)

39) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Sông núi đìu hiu đất sụt sùi
Khói lửa ùn-ùn thây xác lịm,
Đạn bom veo-veo cổ đầu rơi.
Lê thù chan chứa đôi giòng nước,
Huyết hận tràn lan bốn góc trời.
Thị trấn ngồn-ngặng tường, gạch, ngói,
Ruộng vườn thấp thoáng bóng ma trôi*

ĐẠO-DI

Số 6015 chợ Lấp-Vò — Sa-Đéc

40) *Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi !
Ngắm cảnh tang thương lệ sụt sùi.
Văng vẳng hồn oan nương gió thoảng
Mịt mờ máu đỏ nhuộm mưa rơi.
Lá vàng xào xạc tuôn đầy đất
Mây xám lê-thê phủ khắp trời,
Lẳng tiếng chuông gán chừng dirt đọa
Bóng Hằng u-âm tựa ma trôi...*

CAO-HỒNG-VÂN

228133 Hậu-Giang — Cholon

41) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Trần-thế mây mưa họa mấy lời,
Á nguyệt chơ-vơ vùng lửa chiến;
Vì sao lấp lánh hạt châu rơi.
Đạn bom xuyên phá thân chai-đá.
Lệ máu hòa chan đất nước trời.
Bến-Hải ai ngỡ; nỗi, xáo thịt?
Chời tranh vắng-vắng tiếng ru « hời ».

DIỆU-HÀ

Hải-Quân 401 — KBC 3328

42) Thu về tang tóc lắm, Thu ơi!
Cuộc chiến kinh-thiên quá lắm rồi!
Ái Bắc khói bom oan khổ trút,
Thành Nam lửa đạn họa tai rơi.
Cánh ngó cần-cối hờn dân nước.
Cội liễu trơ-vơ tủi đất trời.
Củ khóc, chim than, trùng oán hận.
Trăng rằm vàng-vọt, trẻ không chơi.

NGUYỄN-BÁT-CƯỜNG

38 Trương-công-Định — Vũng-Tàu

43) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi.
Non nước qua phân mấy độ rơi
Ái Bắc mịt-mù tin nhận lạc,
Trời Nam xơ-xác cánh hồng rơi.
Trường-sơn một dải xương còn chất,
Bến-Hải đôi bờ máu vẫn sôi.
Trông bức dư-đồ đã rách nát,
Nỡ lòng vò xé mãi chưa thôi.

Quy-Uu NGUYỄN ĐÔN DU

143 Trần Hưng Đạo — Huế

44) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Non nước phân ly lệ ngậm ngùi.
Thấy ngã hàng hàng cây cối ngã,
Xương rơi đống đống máu đào rơi.
Niềm đau cốt nhục vang đầy đất,
Oán khí tưng tưng tranh ngút tận trời.
Tiếng nấc trẻ thơ nghe uất hận,
Cảm thương sông núi lệ vào rơi!

MINH UYÊN PHƯƠNG

(Trúc-Giang)

45) Thu về tang tóc lắm, Thu ơi!
Sông núi chào Thu cũng sụt sùi.
Máu chảy hàng hàng dòng nước chảy
Xương rơi điệp điệp hạt mưa rơi.
Hồn bay vất vưởng trong mây khói
Xác ngã tràn lan giữa đất trời.
Bom đạn đêm trường rền vũ trụ
Trăng khuya vàng úa dáng ma trôi...

THIỆN-THU

106H, Nguyễn-an-Ninh Chợ Mới — An-Giang

46) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
Đất nước thân yêu mãi sụt sùi.
Nhà cửa vẹo xiêu ngàn ngạt cháy
Giang sơn nghiêng ngửa sục sùng sôi
Máu hồng nhuộm thắm tình non nước
Xương trắng phanh phui nghĩa đất trời
Lạnh lẽo đêm thu canh nguyệt vọng
Điêu hiu bóng quẻ tợ ma trôi.

SONG-LÊ-THÙY

Cao-Thắng, Saigon

47) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
 Khói lửa tràn lan khắp mọi nơi.
 Đau khổ người Nam thân xác ngã.
 Lắm than kẻ Bắc mảnh hồn rơi.
 Mồ đầy nghĩa-địa đau lòng đất.
 Thây ngập biên-cương quấn ruột trời.
 Chẳng biết thu nào non nước Việt!
 Hòa-bình, sớm dứt cảnh ma trời.

HUYỀNH-QUANG-VINH

3217 Đường Lý-Thường.Kiệt — Hội-An

48) Thu về tang tóc lắm, Thu ơi!
 Non-nước thân yêu vẫn rã-rời.
 Bom súng vang rền, đêm thức giấc.
 Ruộng đồng cháy rụi, lệ tuôn rơi.
 Máu hồng lênh-lánh tràn sông-biển,
 Xương trắng chập-chùng ngập đất trời.
 Thu đến mang theo niềm tủi hận
 Núi giòng Bến-Hải: nước đầy voi.

PHẠM-VIỆT-CƯỜNG

120A Phan-văn-Trị — Gia Định

49) Thu về tang-tóc lắm, Thu ơi!
 Nhớ chuyện năm xưa, khóc sụt-sùi.
 Chiến-tuyến hăng-say, con máu đỏ,
 Hậu-phương tiếc-nhớ, mẹ cháu rơi.
 Đao.binh, ai khiến, thây tràn đất
 Lửa đạn nào xui, khói ngạt trời:
 Lòng đất, con ơi, con có biết?
 Mẹ giờ tìu-tụy tựa ma trời..

KIM-TRẦN-HẢI

2071 ấp 10 Ngô-tùng-Châu — Gia Định

Bằng Giang

Viên-học
Tokyo



BỨC THƯ TOKYO

Mạch máu

Nhìn tấm vé nhỏ ghi rõ ràng số ghế 13E, toa xe 12, tôi đã thấy hơi lo ngại, hồi hộp. Lắm nhấm tính thàm tội lại càng bản khoăn hơn. Ngày thứ sáu. Con số 13, ngày thứ sáu thật không may chút nào cả. Nhiều

sự không may chừng như sẽ xảy đến. Tôi hơi do dự, muốn bước ra khỏi toa xe chờ chuyển khác. Nhưng tôi không còn đủ thì giờ để quyết định gì khác hơn được. Những bàn tay dơ vấy, xa dần. Con tàu đã tăng dần tốc độ. Ngọn tháp Kyoto cao, tròn như ống khói Ojuro vụt thoảng qua cửa kính. Con tàu vun vút chạy sâu vào vùng núi. Ruộng đất đen xám bây giờ đã hiện ra những bãi tuyết mỏng nằm ngủ im lìm. Cái cửa kính ngay chỗ tôi ngồi đã đóng mù. Khói thuốc loãng ra, hắt lên mũi. Âm thanh hỗn loạn. Hai hàng

ghế mang số 12, 13, bên tay mặt tôi quay lại với nhau. Họ đi cả nhóm sáu người, nói cười thật to. Những câu chuyện nghe qua không đầu vào đầu cả. Con Kei-ko đạo này trông xinh ghê. Chắc có hơi đàn ông. Tao sợ con tem đó bị đóng dấu rồi. Cái ấn của thằng Kishi thì phải biết, như con dấu bưu điện Tokyo vậy. Mày mới đi Kobe lần đầu. Đàn bà ở đây rẽ hơn ở shinbashi nhiều. Bọn giám đốc ở đây thật hào phóng. Em út của chúng đông quá. Thằng già nhà mình mà được thế, tha hồ ăn chơi. Hấn keo kiệt còn hơn dân ở Shi-ga. Đằng sau lưng, tiếng nói thoảng nghe đi đi như tiếng tàu. Thính thoảng có nhiều tiếng tôi nghe rõ hơn tất cả. Tiên sư thằng đại-úy. Nó hách ghê, phải dứt cho nó mười ghim mới chịu đưa passport. Tôi chạy ghê lắm mới đi được đấy chứ. Bác trưởng tôi không chạy sao. Tôi quen gần hết bọn ở Bộ Ngoại-giao, thế bọn ở Nội-vụ vẫn làm khó dễ. Có gì đâu, thời buổi loạn ly mà, đưa nào chẳng muốn vợ vét bỏ túi thật nhiều. Có việc gì xảy ra thì ôm lưng chạy ra ngoại quốc. Ăn từ trên xuống dưới, còn gì đến tay dân. Dơ tay phải để hô hào

tranh đấu, tay trái dứt tiền vào túi tìm lối thoát, thử hỏi biết đến bao giờ mới chiến thắng... Thực trạng thật bi đát. Chỉ tội cho dân mình... Bao giờ bác về? Nay mai gì thôi. Lên Tokyo tôi còn phải tiệc tùng với mấy cha sứ quán. Họ giúp đỡ tôi cũng nhiều, mình còn làm ăn lâu dài mà. Lão ấy, nghe nói cũng đã một thời kháng chiến cách mạng phải không? Ở! thì thế chiến quốc, xuân thu, chẳng nào mà chẳng kháng chiến cách mạng. Tôi đây ehăng kháng chiến sao? Thằng con tôi cũng đã một thời sống trong chiến khu. Đến mấy con điểm trong thành phố cũng đã một thời kháng chiến cách mạng cả đấy chứ bác trưởng à. Thôi đi bác ơi, tình trạng bi đát này, nói đến hai chữ kháng chiến, cách mạng, bọn tuổi trẻ nó cười khinh bỉ thêm. Chứng nhân lịch sử hãy còn hiện thân đằng trước mặt chúng nó... Còn bác bao giờ mới về? Chắc cũng trong tuần tới. Tôi còn phải mua mấy thứ thuốc kích thích, hạn chế sinh đẻ gì gì đó cho mấy ông trời còn ở nhà. Họ lo cho mình đi chỉ nhờ có chừng ấy thứ. À! còn kính quang tuyến, quang tuyết gì gì đó nữa, tôi hỏi có ai biết gì đâu...

.. Con tàu chạy chậm chậm vào ga Maiabara. Sân ga thật hoang vắng. Lơ thơ mấy người đứng co rúc dưới cơn mưa tuyết. Tuyết ngập sân ga, cả thước. Bên đường, một đoàn người đi đào tuyết vô hàng ngũ. Vác trên vai những cái xén, với bộ áo đại hàn màu xanh đen trông họ như đám tàn quân của Napoléon. Cánh cửa tự động mở rộng hiện ra đưa con gái trong cái áo choàng đen mượt như bộ lông chồn. Nhiều cặp mắt quay về hướng hấn như muốn khám xét tận cùng thân thể.

Hấn cố đôi chân khá đẹp. Mỗi bước chân của hấn như có tàn số giao thoa. Bộ ngực tròn ghi rõ những chấn động. Chiếc áo choàng không cài nút để lộ cái váy một mảnh màu rong biển bó sát người. Đôi mắt hấn rà trên vách xe cố tìm số ghế. Hấn đi chậm dần đến gần tôi. Hấn dừng lại, nhìn lại vé số một lần nữa, xem như có thật đúng không. Tôi ngược mắt nhìn hấn, hấn mỉm cười hỏi. « Xin lỗi, số 13D là ghế này phải không ạ? » Vâng, đúng thế. Tôi đáp lời, chợt thấy hấn như muốn đề cái sac nhỏ đặt trên giá lưới. Tôi có thể giúp được gì

không? Miệng nói chưa dứt lời tay tôi đã giữ cái sac nhỏ đặt lên giá lưới. Tôi làm phiền nhiều quá. Xin lỗi. Cảm ơn. Nụ cười lúc nào cũng nở trên môi. Đàn bà con gái nó dễ cười ghê. Chẳng khác gì nụ cười trên gương mặt nhà ngoại giao. Nụ cười, với mấy lời cảm ơn nặng hơn cái sac nhỏ của hấn nhiều. Tôi có cảm tưởng như trong sac không có đựng một thứ gì cả ngoài cái áo ngủ mỏng với xấp giấy lau mũi và tủy thuốc. Cái sac nhẹ, trống không. Đàn bà thường chỉ mang thân thể đi ngoại giao. Nhà ngoại giao lại mang cả dòng họ, thân thể, nhân cách và cái sac thật nặng. Hấn cởi áo choàng trong giây-phút bỏ ngỡ ngàng nhiên của tôi. Cái sac trống? Tôi lại giúp hấn móc cái áo. Tôi làm phiền nhiều quá. Xin lỗi. Cảm ơn. Nụ cười. Vành môi cong đỏ son.

Hấn với tôi bây giờ thật gần gũi. Chỉ có tay ghế chắn giữa thân thể hấn và tôi. Da thịt hấn va chạm vào tay tôi. Cảm giác tê lạnh. Hương tóc, nước hoa làm say mê, quyến rũ đắm mê nổi dậy khắp cùng cơ thể tôi. Im lặng đè nặng trên tay ghê. Hấn thở dài, đỡ tập Minh-Tinh

đọc. Đôi chân gác chéo chữ ngũ khép kín, xiêng xiêng trước mặt tôi. Cái váy ngắn kéo lên trên gối đến hai tấc, để lộ cái đùi trắng màu *cheese meiji*. Tôi gấp tờ báo lại giả như xem trang hí họa, nhưng con mắt tôi đã đậu trên khoảng trống ở cuối cùng nếp váy. Mặt tôi nóng rang như ngồi gần lò sưởi. Toàn thân như bị kích thích. Ý tưởng muốn làm cách mạng với hẳn nổi dậy hẳn ngồi thờ dài nhẹ nhẹ, mắt mơ màng trên trang tạp chí đầy những hình ảnh quen thuộc. Misora, Mifune, Kitamura, Kayama... Ann-Margret trong bộ y phục mới chỉ có hai mảnh vải nhỏ như cái cà vạt của Thiên-hoàng,

Tôi cảm thấy thêm một điều thuốc, như thêm một cái hôn. Với tay móc gói thuốc trong túi áo choàng, bàn tay tôi chạm lên cái áo lông mềm. Cảm giác thật dễ chịu. Tôi vận mình, ngược mặt nhìn hẳn. Tôi hút thuốc chắc không phiền bà điều gì cả chứ? Dạ vâng, không làm sao cả. Anh gọi tôi bằng cô hơn. Tôi đùa cho vui đấy mà. Im lặng làm tôi nặng thở vô cùng, Có hút thuốc được chứ?

Mà cô với bà có khác gì nhau. Gọi thế nào cũng là đàn bà cả. Hẳn không thể là con gái. Mà con gái với đàn bà khác nhau gì nào! Tôi búng bao thuốc cho điếu thuốc vọt ra ngoài một phần tư, chia ra mới hẳn. Hẳn nhìn tôi cười thật tươi. Hai ngón tay vót rút điếu thuốc thật nghề. Tôi quẹt lửa, soi tận cùng vòng mỏ hẳn. Tên tôi là Vũ, Vũ Mạch. Thảo nào, tôi cứ nghĩ mãi. Đàn ông Nhật không thể tệ nhị như anh. Tôi nghĩ chắc anh ở ngoài quốc về. Tên tôi là Simizu, Simizu Akiko. Hẳn nói chuyện thật duyên dáng. Cái môi cong ướm khêu gợi. Mấy cái răng nhỏ trông thật xinh. Cô có cái tên thật đẹp, như ánh nắng trong rừng. Anh khéo ăn nói lắm, nhưng thử hỏi anh hiểu gì ý nghĩa về tên tôi mà táng tưng lắm thế. Đàn bà con gái bao giờ cũng thế. Cái bản tính phản xạ phòng thân dường như lúc nào cũng tiềm ẩn trong nội tâm. Nó như cái lò xo hễ bị ấn vào là tự nó đẩy ra. Akiko bên cạnh tôi tuy là tuổi con gái, nhưng thân thể hẳn in hẳn dấu vết đàn bà lộ rõ. Cái dit nạt to tròn như đã từng chấp nhận nhiều sự dày vò. Lớp son phấn đậm đà trên

gương mặt mất đi hết nửa mùa xuân, mùi nước hoa tỏa ra khắp cùng cơ thể biến hình, với đôi mắt sâu, nâu quàn như vừa trải qua những giờ đêm không ngủ. Đàn bà con gái bao giờ cũng tự cảm thấy hạnh diện vui sướng khi được tán tụng, nhưng lại lo sợ bị mất mát một cái gì đó. Dù sự mất mát đó thật sung sướng, trong cảm tình hiến dâng hơn là bị chiếm đoạt. Hẳn mang bản chất đàn bà tinh năng nề. Ý tưởng hẳn được bộc phát như cái lò xo. Tôi mỉm cười tha thứ, nói như đùa với hẳn. Cô đừng tưởng tôi cố ý tán tụng cô. Cô cũng đừng nên nghĩ rằng tôi không hiểu biết gì về ý nghĩa tên họ cô. Tôi rất tiếc là cái khung trời xám hôm nay đã làm tôi không thể chỉ cho cô thấy được dòng sông xanh trên trời. Nhưng có bao giờ cô nhìn thấy giọt nước lung linh trong ánh mắt sáng rực vì sao trên gương mặt tươi trẻ của cô không. Tôi đã vạch trần ý nghĩa tên họ hẳn. Hẳn gạt đầu cười tròn vẹn niềm vui sướng.

Hẳn thở khói thuốc, đôi mắt mơ màng nhìn tôi. Cảm tình bộc phát. Một con tàu khác chạy vụt qua về hướng Maiabara. Âm thanh vang động, tan biến.

Hình ảnh, ánh mắt, cảm tình của Akiko chắc rồi cũng vỡ tan đằng sau lưng tôi. Bụi tuyết bắn ra tung tóe lên không trung, vệt ra quây tròn như cơn lốc trong vùng sa mạc. Con đường sắt rộng, đen mượt song song chạy dài trong vùng sương tuyết. Đồng ruộng ở đây hoàn toàn bị tuyết phủ kín. Thỉnh thoảng một vài tia nắng vượt qua, tẩm tẩm tuyết lấp lánh phản chiếu. Tôi có cảm tưởng như đồng ruộng được trải bằng một tấm gương đục mờ. Những đồng rơm giữa đồng, nổi lên những mô trắng trông như những ngôi mộ hoang. Cả một vùng tuyết trắng mở rộng dưới mắt tôi. Hoang vắng, giá lạnh.

Tuyết kết tinh trên các cành thông trắng xóa trong dạng kết tinh thể Zirconia, hiện ra giữa không gian tím màu huyền hoặc. Con tàu để cho bánh xe rit trên con đường sắt, dừng lại ga Gifu thật nhanh. Rất đông người xuống tàu. Tôi nghĩ chắc là họ muốn nghỉ tối tại đây. Danh từ nghỉ tối làm tôi chợt nhớ lại thật rõ gương mặt thẳng bạn cũ. Mái tóc dài phủ kín một nửa vàng trán cao rộng. Bao giờ cũng cười đùa. Thường kể cho bạn nghe những mẩu chuyện

Manga lộn lèo, và gần như có thói quen ngủ trong giờ sinh lý. Trong túi hần có sẵn bản tính ngày tháng của con gái. Tuần lễ vàng được gạch đậm. Lần cuối cùng chia tay với hần cũng trong chuyến du hành miền Nam, có ghé qua Gifu với vị giáo sư chỉ đạo. Lúc ấy đứng vào kỳ nghỉ xuân, giáo sư Suzuki dẫn cả khóa bọn chúng tôi tất cả mười đứa vừa ra trường đi chơi xuân trong một tuần lễ tạm biệt. Nó có ý nghĩa của tuần lễ kỷ niệm cuối cùng sau bốn năm học. Tôi vẫn còn nhớ rõ thành phố nhỏ này trong lần trở lại sau cùng. Thành phố có tất cả những gì mà đứa con trai muốn khám phá.

Trong một nhà hát lớn có mặt hầu hết những cha chú tuổi tác đã từng trải, kinh nghiệm đấu tranh, một số tuổi trẻ đang bắt đầu những bước nhỏ tìm quá khứ. Mọi người im lặng nín thở. Một số người đứng dậy, cổ ngược mặt lên như muốn nhìn tận cùng đối vật. Những hình ảnh suy tôn.... trong hi viện trở về trong trí nhớ. Tôi cười một mình. Đứa con gái trong màu áo thiên nhiên đứng, ngồi, nằm

ở lỗ trên sân khấu. Trong một cái bar, đàn bà con gái ngồi sắp hàng như cuộc thi hoa hậu bắt đầu. Một vài ông cụ, đầu soi bóng láng ngồi chằm giải. Những cái váy được xếp đến tận hàng.

Mỗi đứa đã được lệnh chỉ được uống Whisky thôi. Trước khi kéo nhau về khách sạn, cả bọn mỗi đứa còn được thêm ly whisky cuối cùng để rửa tay. Mùi nước mắm thật buồn nôn.

Hần vẫn ngồi yên bên tôi, nét mặt như chăm chú đọc say mê. Tôi vứt bỏ màu tím không gian buồn thảm, cúi sát mặt hần đọc thăm những nét chữ in đậm lớn giữa trang giấy. Chết Câm Lặng. Ở dưới một khoảng trống, dòng chữ nhỏ hơn. Những Ngày Cuối Cùng của hần.

15-12. Tôi không còn biết đến sự có mặt của tôi. Sao mọi người vẫn gọi tên tôi. Thế là thế nào. Sao không là Lee Soong Seng? Mà lại là Sato, Sato Ichiro-Sato, Sato, Bakayaro!

16-12. Thân thể tôi có ra gì đâu, sao lại có mặt nằm trần trường trong căn phòng sáu chiếu này. Bốn bức vách thật tàn nhẫn. Tôi không nhìn thấy gì khác. Đã mười lăm đêm trong căn phòng

nhỏ này, không một người đến với tôi. Tôi vẫn thấy tôi có mặt. Thế là thế nào! Men rượu làm cho tôi không còn biết đến sự có mặt của tôi. Nhưng ánh sáng sớm mùa đông, dù chỉ là thứ ánh sáng yếu đã làm tôi vận mình nhìn lại thực tại. Tôi vẫn có mặt. Sự có mặt của tôi sẽ kéo dài đến bao giờ?

22-12. Tôi đã định qua thăm con đàn bà bên cạnh phòng từ hơn một tuần nay nhưng công việc thật là bận rộn. Thằng phụ tá giám đốc hành xác tôi nhiều quá. Mà thân xác tôi có ra gì, đến tôi còn thấy hối hận về sự có mặt của nó. Việc gì hần phải lôi thôi với tôi. Đọc văn kiện này chưa xong, hần đã giao cho tôi hồ sơ khác. Đầu óc tôi có phải là cái xọt rác, hần muốn lia vào bất cứ thứ giấy tờ nào.

Tôi bấm cái nút trắng nhỏ nhỏ cửa phòng 305 ở tận cùng tầng ba, tiếng kêu tòn ten... tòn ten... ngân nga dài. Gần ba mươi giây sau mới có tiếng di động đến gần cửa. Tiếng lắc cắc của ổ khóa thật buồn thảm. Tôi có cảm tưởng sắp bước vào phòng

tội nhân. Cánh cửa hé mở, hiện ra gương mặt quen quen tôi đã gặp hai lần từ tháng trước, lúc tôi mới dọn nhà về đây. Cái ý nghĩ dọn nhà thật vô nghĩa đối với tôi. Cái giường, mấy cuốn sách cộng với cái thân xác thật hối hận.

— Chào!

— Chào! Nghe nói Sato đi Osaka kia mà! Hần đưa tay nhẹ vuốt lại mái tóc, mỉm cười trông thật xinh.

— Đúng thế. Đi Osaka từ mấy ngày nay. Vừa về đến, có mang cả quà về Tanaka đây. Tanaka có nhà không?

— Tôi hỏi hần thật cũng hơi vô lý, vì tôi biết chồng hần đã đi Fukushima từ trưa hôm nay. Chồng hần làm việc với tôi.

— Dạ nhà tôi đi Fukushima đến ngày kia mới về. Quà từ Osaka, thật vui sướng. Cảm ơn Sato nhiều nhiều lắm. Mời sato vào chơi, uống trà cho ấm. Trời hôm nay lạnh ghê.

— Trời ngày hôm qua lạnh cũng không tưởng. Tôi ở Kyoto rét đến run người. Tôi vừa nói hai tay vừa xoa xoa như có về

lạnh lắm, cởi bỏ giày bước theo hẳn vào trong.

Hắn đặt gói quà trên cái ghế ngay bên cạnh, nhẹ tay khép kín cánh cửa, hỏi.

— Sato có đi Kyoto nữa à? Nghe nói Kyoto đẹp lắm. Thế mà tôi vẫn chẳng có dịp nào để đi chơi một chuyến.

— Kyoto thì đẹp tuyệt rồi. Rất tiếc tôi chỉ ở lại có một ngày. Đi công việc của hãng nên tôi cũng chẳng có thì giờ gì nhiều. Tôi thích nhất Kyoto trong những ngày cuối Đông.

Tôi đặt người ngồi trên cái gối đẹp, đút hai chân vào trong cái kotatsu thật tự nhiên. Tôi xem như phòng của tôi vậy. Hắn cũng ngồi xuống cái gối bên cạnh vuốt lại mấy sợi tóc rối, mỉm cười.

— Sato uống trà hay cà phê?

— Mà! trà, cà phê hay rượu gì cũng được.

— Sato ngồi xem television nhé! Tôi đun nước cái đã. Trong khi chờ đợi, Sato uống một ít rượu vậy. Giọng nói của hắn thật thân mật gần gũi.

Hắn đặt lên bàn một đĩa đậu,

một cái cốc lùn, dày nặng với chai rượu whisky còn lại hơn hai phần ba chai. Hắn rót rượu độ một phần tư cốc. Hắn xin lỗi, bỏ đi đun nước.

Căn phòng sáu chiếu này giống hết phòng của tôi. Nhưng đồ vật đầy ra chứ không trống không. Cái television lù lù trong góc. Cái tủ lạnh dựa vách. Cái radio to nằm dài. Cái tủ kệ bất động, đầy những ly cốc, tách đĩa, trà, cà phê, hai chai rượu mạnh. Với cái kotatsu giữa phòng. Tôi có cảm tưởng như hai vợ chồng hẳn lúc nào cũng có thể đụng chạm với nhau. Thế mà vẫn chưa có con. Ăn ở với nhau đã hai năm rồi. Chắc cũng đã tính toán với nhau ghê lắm. Nhìn cái television tôi cười thầm một mình.

Tôi uống liên tiếp ba cốc rượu đây. Hắn trở ra ngồi bên cạnh tôi, nhìn chai rượu, nhìn tôi mỉm cười không nói gì cả. Hắn ngược mặt nhìn tấm lịch treo trên tường.

Ngày lễ Giáng Sinh được đóng khung bằng mực nguyên tử đỏ. Tôi nhìn hắn mỉm cười đồng tình. Tôi bảo hắn uống với tôi một tí rượu cho vui. Uống một

minh buồn lắm. Thật sự tôi chỉ muốn hắn đừng dấy lấy thêm một cốc để tôi nhìn rõ ràng đôi chân hắn hơn. Hắn có đôi chân dài khá đẹp nhưng đáng tiếc hơi cong.

Trời mùa đông rét mướt. Hắn dẫu đôi chân trần trong kotatsu vô tình chạm nhẹ lên chân tôi. Đôi má hắn ửng hồng như màu hoa đào, Hắn hỏi tôi về những thắng cảnh ở Kyoto. Tôi kể cho hắn thật rõ ràng quang cảnh của Kyomizu trong mùa thu, từng cặp nhân tình ngồi ngủ giữa mồ đá. Với cái đẹp u sầu thâm sâu của đồi núi Arushiya ma. Hắn tình nghịch hỏi tôi đã ngủ ở khu mồ đá bao giờ chưa. Tôi bảo với hắn là tôi đã tốt nghiệp ở đại học Kyoto, mùa hè chỉ thường thích vào khu vườn sau chùa nằm đọc sách, ngủ trưa. Tôi còn kể cho hắn nghe nhiều mẫu chuyện thật ngắn, thật trào lộng về đời sống của Maiko ở Kyoto, hắn cười rử ra. Tôi cũng thấy vui vui cười theo với hắn, vô tình chân tôi gác lên đôi chân trần của hắn. Tôi có cảm tưởng như cái váy ngắn lắm. Cảm giác lần này thật ám áp. Hắn vẫn đề yên không rút chân ra khỏi chân tôi. Tôi hơi

bối rối nhưng kịp suy tính ngay. Hắn vẫn ngồi sát bên cạnh bàn với tôi, Căn phòng thiếu sưởi làm tôi cảm thấy lạnh đến rùng mình. Hắn cảm nhận được cảm giác tê lạnh của tôi, nên vội mình bấm cái nút lò sưởi điện 600 Watt đặt đằng sau lưng tôi. Hai cái ống neoceram đỏ hỏn, tỏa nhiệt âm ảm dễ chịu. Tôi nhấc chai rượu lên đang định rót thêm vào cốc. Thình lình đèn trong phòng vụt tắt. Đóm lửa đỏ trên hai ống neoceram mờ dần, mờ dần. Gian phòng tối đen. Tôi biết cầu chì đã bị cắt. Tôi đặt chai rượu xuống bàn. Tiếng động thật khô. Hắn vẫn ngồi yên không nói một lời nào với tôi. Dường như hắn không sợ bóng đêm gì cả. Tôi dậm người đứng dậy định đi gần lại cái cầu chì.

Vô tình hắn cũng phát một cử động. Hắn chạm mạnh vào người tôi, làm tôi chới với chụp phải tay của hắn. Tôi cảm thấy bàn tay của hắn rung lên, không một phần xạ cơ rút nào. Tôi giữ nguyên bàn tay hắn và kéo nhẹ để cho toàn thân hắn nằm trọn trong vòng tay tôi. Tôi hôn lên môi hắn thật lâu. Bàn tay hắn chẳng những đã không có một

MẠCH MÁU

phản xạ co rút nào mà còn bầu víu lấy cổ tôi. Thân thể hần mềm nhũn ngã ngửa ra, co rút. Hơn một giờ sau tôi mới tìm được cái cầu chì. Tôi nhìn rõ mặt hần hơn. Tôi cẩn nhẹ lên vành tai hần. Hần vuốt lại mái tóc rối, đi qua phòng bốn chiều rười mặc lại váy. Tôi mò tay bấm nút điện kotatsu. Tôi thấy không cản trở về phòng trống lạnh của tôi nữa. Tôi cũng thấy chẳng còn việc gì đáng phải làm hơn. Tôi uống cốc cà phê của hần, rút điều thuốc hút, mắt lơ đãng

ngồi nhìn lãnh tụ các chính đảng Nhật bàn về sự cần thiết yếu trọng của quốc hội tới. Họ hứa là sẽ không gian lận trong kỳ bầu cử tới này. Ảnh của họ hiện ra trên màn television rất rõ. Gương mặt của Sasaki trông thật đần độn. Hần ăn nói chẳng ra gì cả. Đến nửa đêm, hần than buồn ngủ, tôi vói tay tắt cái đèn nhỏ, đầu gối lên ngực hần, tai tôi còn nghe rõ bản quốc ca của đài NHK.

(Kỳ sau hết)



THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231, Phạm Ngũ - Lão - SAI ON

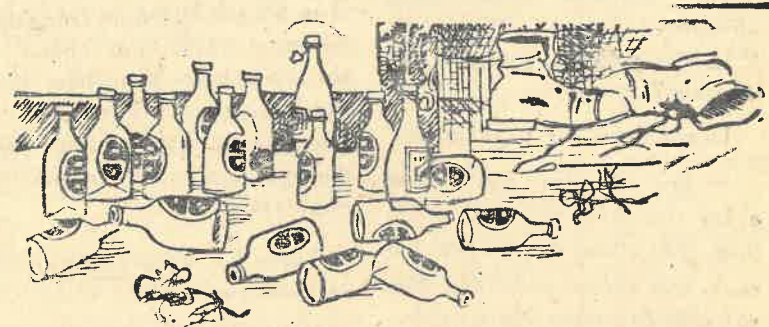
Điện-thoại: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XỬNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon số 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

SAIGON Lai-rai...



Mộc-tồn và Tầm Quất

★ Hoàng Thăng

*Sống ở trên đời nhất miếng đời chó,
Chết xuống âm phủ biết có hay không !*

Hai câu thơ tám chữ trên đây không hiểu do ai đã nghĩ ra, nhưng nhất định phải là của một... dân nhậu. Và là dân nhậu thuộc loại trường lão. Mấy thức ăn ngon mà không truyền bá cho mọi người cùng biết, cùng hưởng thì « ác » quá, « tham » quá, nên ông mới phải làm thơ ca tụng. Cũng vì thế mới có câu chuyện

anh chàng giết chó nhậu đã rồi có trát đòi dân đồ xuống hầu tòa... Diêm-vương vì có lu bù oan hồn có kiện. Khi hai bên nguyên, bị đã có mặt bên vành móng ngựa, Diêm-vương ngồi ghế chánh án mới phán hỏi nguyên cáo :

— Bọn bay bị giết ra làm sao ?

Lũ chó tranh nhau nói :

— Dám bầm Ngài, chúng con không có tội tình gì cả, mà đang nhiên tên « giết người » kia nó bắt chúng con đập đầu cho chết..

Ngài chánh án Diêm - vương nhân mặt :

— Chà ! đã man quá há ! Rồi sao nữa ?

Lũ chó được thề tố thêm :

— Dạ, đã man quá ! Xong chúng thui chúng con cho trụi hết lông. Máu chúng con, nó làm tiết canh. Đầu chúng con, nó đem hầm với cháo đậu xanh. Xương chúng con, nó hầm với măng.

Diêm - vương sốt ruột đập bàn hét lớn :

— Rồi sao nữa mà bọn mi không nói luôn, cứ kể lể cà kê dè ngỗng, giây cà ra, giây muỗng hoài vậy ? Lũ chó dù đứng nguyên đơn cũng bắt đầu ón xương sống vì quan tòa nóng tính :

— Dạ, thịt chúng con nó đem phân loại để làm các món, nào thịt bó giò, nào thịt rửa mặn, nào chộn niêng, mẹ đem chiên lên. Lòng của chúng con nó đem nhồi gia vị cùng đậu xanh rồi đem nướng.

Quan chánh Diêm - vương vội lắc chuông :

— Thôi, thôi, ta cấm bọn người không được nói tới những món ăn đó ở đây nữa, kẻo... loạn to. Còn anh kia—chỉ anh chàng niậu thịt chó—hãy trở về dương trần ngay, vì ta xét anh không có tội chi cả. Nhưng ta truyền lời cho anh biết, khi nào anh tới số phải xuống đây làm... công dân của xứ ta, anh sẽ không bao giờ được hưởng thụ món ăn đó nữa vì dưới này cấm... sát sinh.

Tuyên bố xong, quan chánh án Diêm - vương tuyên bố giải tán.

Nghe Hoài - Thương nói xong, Thịnh ôm bụng cười :

— Àu, àu, Cậu nghe ai kể chuyện mà ly kỳ vậy ? Hay là cậu « sáng tác » nó ?

Hoài - Thương làm nghiêm :

— Thiệt mà. Không tin bạn cứ hỏi mấy ông khách quanh đây xem họ có biết chuyện đó hay không.

Trong lúc tán chuyện, Hoài Thương, Thịnh và tôi đang ngồi trong một quán thịt cây rơi đường xe lửa Trần - quý - Cáp. Nơi đây chỉ bán từ trưa thứ bảy sang tới trưa chủ nhật mà thôi. Chúng tôi

thích ngồi nơi đây vì nó tĩnh mịch, khách ăn uống hòa nhã và cũng nơi đây người khách đã gần như là « self-service »: đi lấy rau, lấy rượu, lấy đá vì nữ chủ nhân chỉ có một mình, vừa dọn bàn, tính tiền và làm bếp.

Thịnh góp chuyện :

— Kề tiếng Việt của mình cũng giàu đấy chứ. Có mỗi món thịt chó mà cũng đủ thứ tên gọi, nào Mộc Tồn, nào Hạ Cờ Tây, nào Thịt Cây.

Hoài - Thương nói :

— Bây giờ thức ăn cái gì cũng đắt đỏ, duy có món thịt cây. Tuy có lên giá nhưng so sánh với các thứ khác nhất là thịt heo vẫn cứ là rẻ.

Tôi lên tiếng :

— Ấy, món mộc-tồn cũng đi vào lịch sử đấy nhé ! Mình nhớ đọc một bài nói về bữa tiệc thịt chó của một ông Cử mời các quan dự nhân ngày lễ « Cát Tó Di Đề » thời Pháp thuộc xa xưa. Những người được mời đều ngạc nhiên một cách thích thú vì từ khi ra làm quan với nhà nước Pha-Lang Sa tới giờ, chưa bao giờ họ được ông Cử mời vì ông ta tỏ vẻ

không ưa họ. Lẽ dĩ nhiên mấy ông quan này đâu có biết cái thâm ý của nhà nho kia.

Trong khi chờ đợi, các quan khách chuyên trò như pháo nổ. Mùi thơm của thức ăn từ nhà bếp bốc lên thơm phưng phức. Và khi các món ăn mang ra, thôi thì đủ cả : nào luộc, chiên, hầm, nào nướng chả.

Rượu đã ngà say, một ông quan lên tiếng hỏi chủ nhân :

— Quan Cử làm thịt gì mà ngon thế ?

Ông Cử ung dung đáp :

— Dạ, thưa các quan trên dưới toàn là chó ạ !

— Đúng là ông già gân chứ sở khách rồi, Thịnh nói.

Hoài - Thương đứng lên :

— « Sua » là như vậy rồi, nhưng thôi, muộn rồi, bọn mình bay đi.

Xét ra cũng chẳng còn có mục gì để là lướt nữa, chúng tôi đồng ý ra về.

Hoài - Thương đề nghị :

— Bây giờ mà được tầm quất thì khoái nhất.

Thịnh cũng phụ họa :

—Ừ, cậu có ý kiến hay đấy. Tự nhiên mình cũng thấy thèm.

—Nói về món tầm quất, tôi lên tiếng, mình có hai kỷ niệm không thể nào quên được.

— Thử kể nghe chơi cho vui.

— Hồi 1948, 1949, khi bọn này ở Hùng Phú, vì công việc nên cứ sáng đi tối về. Đạo đó, cứ tối tối có anh chàng tầm quất hay đi qua con phố này để kiếm mồi ! Chỉ có năm đồng một chầu dấm bóp mà thôi. Bọn này đâm ra ghiền tầm quất. Tất cả, sau một cuộc «hội thảo», đồng ý anh nào về trước cứ việc xử dụng, anh nào về sau chót phải trả tiền hết. Mình được cái chuyên môn về sớm, nên sau một chầu dấm bóp, thân thể thoải mái rồi mình ngủ quên lúc nào không hay. Sáng ra cũng chẳng biết ai trả tiền nữa, vì mấy người bạn đã bỏ đi trước rồi.

Còn kỷ niệm thứ hai là ở Bạc Liêu. Năm 1957, mình với Việt Hoài xuống dưới có chuyện, đêm nằm ngủ ở khách sạn, nghe có tiếng rao tầm quất liền nhờ bồi gọi lên lầu. Và sau vụ dấm bóp

này mình còn không dám động tới món tầm quất nữa.

Hoài-Thương ngạc nhiên hỏi :

— Sao kỳ vậy ?

— Tay lão tầm quất nhám quá. Khô cứng như tay một anh nông dân thuần túy cày sâu cuốc bẫm vậy, tay lão ta vượt lưng mình mà mình thấy ón. Rồi chẳng hiểu lão ta hành nghề ra sao mà sáng dậy mình thấy uể oải xương cốt, chẳng muốn ngồi dậy nữa.

Hoài-Thương cười :

— Đúng là cậu bị tàn chứ không khỏi tầm.

Chợt Hoài - Thương vênh tai nghe ngóng :

— Suyt, hình như có tiếng lặc cắc của sừ tầm quất.

Tôi cũng nghiêng tai nghe ngóng và đúng như vậy. Lập tức Hoài-Thương chạy ra lan can kêu om sòm.

Năm phút sau, một ông tầm quất nặng nề bước lên. Hoài Thương vội kéo ông ta xuống nhà để rửa sạch tay, chân rồi mới được hành nghề.

Nhìn tôi và Thịnh, Hoài Thương hất hàm hỏi :

— Ai trước ?

Thịnh nói :

— Cậu trước đi.

— Rồi !

Giữa tiếng bập bập của bàn tay đập xuống lưng, Hoài - Thương hỏi chuyện.

—Tôi hỏi thật bác nhé, đã bao giờ bác tầm quất cho đàn bà, con gái chưa ?

— Con gái thì chưa, chứ đàn bà thì rồi.

— Loại nào vậy,

—Mấy cô vũ nữ và bán bar đó. Đạo này lại thêm mấy bà vợ Mỹ nữa.

— Cả vợ Mỹ ?

— Dạ, với lại mấy cô vợ Mỹ chính là mấy cô gái bán sừ-nách-ba đó.

— Ờ ! Vậy lúc tầm quất, họ có cởi áo ra như tôi không ?

— Có chứ. Nếu không làm sao tôi làm việc được.

— Họ mặc quần dài ?

— Không, Có người mặc quần xà lỏn, có người mặc xì-líp,

Hoài-Thương cười :

— Sướng quá nhỉ !

Ông tầm quất chép miệng :

— Sướng quái gì cậu. Mình làm đề kiểm ăn mà.

Hoài-Thương thủ thi :

— Bác đừng dẫu tôi nhé ! Những lúc đó bác thấy thế nào ?

— Thì cũng như tôi đang tầm quất cho cậu đây nè.

— Bác không thấy khác lạ ?

— Thì da dẻ của họ mát mịn hơn.

— Thế bác không thấy thú vị à ?

— Nói cậu đừng cười, nếu ai cho tôi một chỉ thuốc phiện tôi còn sướng hơn nhiều.

— À ra thế. Mặc món com đen thành ra phải chề món đàn bà.

Thịnh thắc mắc hỏi :

— Hồi bác tầm quất cho mấy cô lấy Mèo, thằng chồng nó có ngạc nhiên không ?

Ông tầm quất cười :

— Có nhiều thằng thấy làm kỳ lạ cũng đòi được dấm bóp.

— Rồi sao ?

— Nó khoái và nó cũng ghiền.

— Hà hà ! Đồi xưa mấy anh Pháp thực dân ghiền món mắm tôm thì bây giờ anh Mèo lại ghiền con gái Việt-Nam và món tầm quất. Kề ra bọn chúng ghiền con gái Việt-Nam là khôn tở mẹ. Da con gái thơm như mít chín, lại mềm mai mát mẻ, tay chân chỉ có lông măng nõn nà, không đến nỗi phải lấy tông đơ để hớt.

Tôi lên tiếng :

— Cậu nói nghe sợ thấy mồ.

— Thật đấy. Bọn đàn bà con con gái Âu-Mỹ tay chân đầy lông nên phải cạo luôn, cho nên lúc mình sờ trơn da thịt chúng, mình thấy nó nham nháp khó chịu.

Thịnh hỏi khéo :

— Tại sao cậu biết ?

Hoài-Thương đáp tỉnh « Bị mật » rồi chép miệng :

— Lại tự nhiên mình thấy lạnh ghê !

Không nói thì không ai để ý, đến khi nghe có người nói thì mình cũng chợt nhận ra rằng lúc này lạnh thật. Trời Saigon cũng kỳ. Lúc mong lạnh như Tết chẳng hạn thì lại nóng đỏ mồ hôi hột.

Tội lắng tai nghe tiếng gió

thời rồi đi lấy thuốc lá hút. Hoài Thương cũng đòi thuốc và sự bắt thêm đã lấy sang cả ông tầm quất. Hoài-Thương nói :

— Thôi nghỉ tay đi bác. Coi như xong. Bây giờ tôi lại thấy thêm ăn thịt cầy. Chà ! lạnh như thế này mà nhậu với để thì thật là đã.

Thịnh tròn mắt ;

— Mới ăn mà đã thêm ?

— Thì mình nói thêm vậy thôi !

Ông tầm quất cười :

— Sắp tới giờ giới nghiêm rồi mà cậu. Ai còn bán nữa. Thôi để tôi tặng cậu một bài về nói về con cầy, nghe xong cậu cứ coi như là đã đủ thêm rồi. Cậu nghe không ?

Thịnh, tôi và Hoài-Thương cùng đồng ý và dục bác ta hát liền.

— Các cậu chú ý nghe nhé.

— Rồi !

*Nghe về nghe về,
Nghe về thịt chó.
Đưa nào chịu khó,
Bắt nước cạo lông.
Thằng nào ở không,
Đi mua đồ nấu.*

*Thằng nào xấu xấu,
Nhỏ xấu nạo dừa.
Thằng nào không ưa,
Đi ra chỗ khác.
Tao làm một lát,
Chút nữa lại ăn.
Đừng chạy lảng tránh,
Đừng chạy liu tiu.
Con chó nhỏ xiu,
Mà xúm lại ăn.*

Ông tầm quất hát xong nói :

— Hết rồi cậu.

Hoài-Thương phê bình .

— Cũng hay đấy. À, tôi hỏi thêm bác nhé, bác đã có vợ chưa ?

Bác tầm quất cười :

— Tôi ở giá lâu rồi. Thôi tôi xin lỗi các cậu tôi phải về kẻo trễ giờ.

— Rồi, bác về ngủ ngon nhé.

— Cám ơn các cậu.

Sau khi đưa bác tầm quất ra về, Hoài-Thương kết luận :

— Món tầm quất anh Mèo biết rồi, chỉ còn món mộc tòn là mấy anh chưa dùng mà thôi...




● DANH-NGÔN

— Một tháng ngồi than thở sao bằng một giờ hoạt-dông.

FRANKLIN

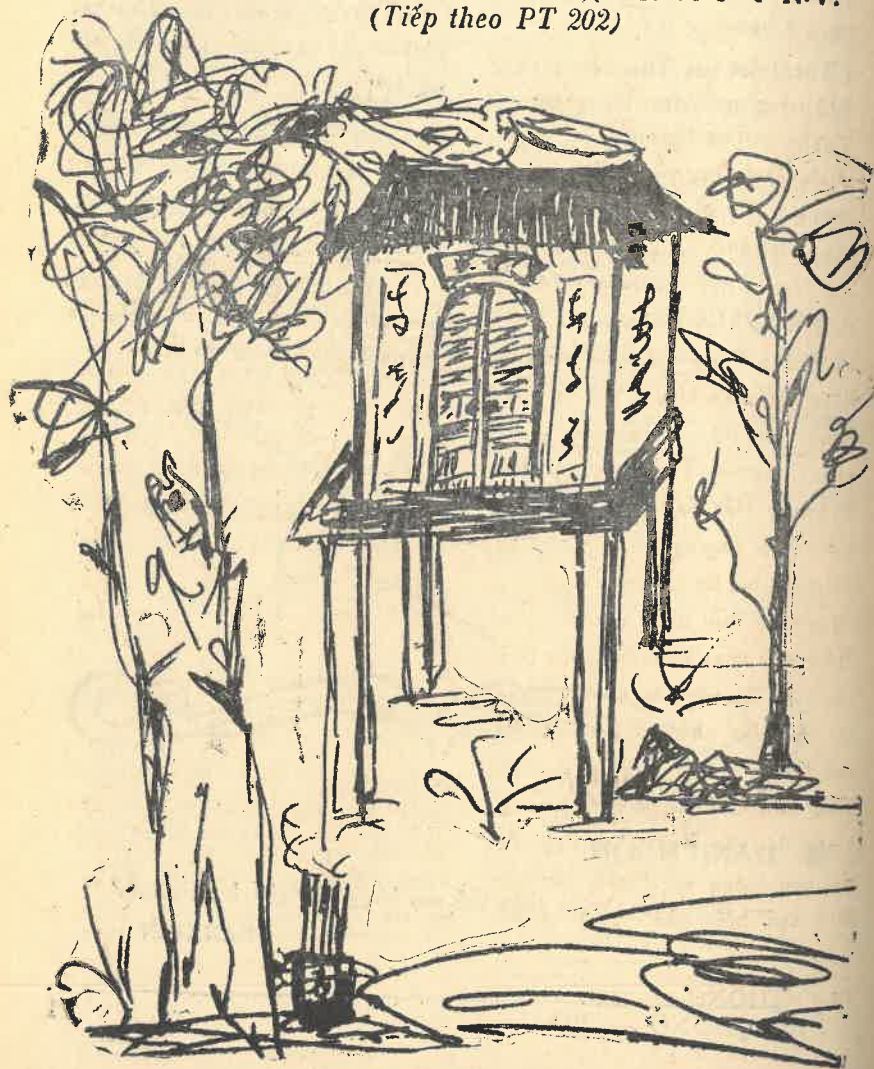
KHOA - HỌC HUYỀN - BÍ

□ □ □ HIỆN - ĐẠI □ □ □

HỒN NGƯỜI — II) HỒN MA — III) YÊU TINH)

★ TÂM-TRÍ N.V.

(Tiếp theo PT 202)



KHOA-HOC

3:— Yêu tinh

Chuyện yêu tinh sau đây do chính thân - sinh tôi, một người bình nhứt không hay tin chuyện ma quỷ, kể lại rõ ràng cho tôi nghe.

Dưới đời vua Thành thái, Thầy tôi (tiếng gọi cha tôi) làm Tri Huyện ở Tuy-Phước, tỉnh Bình Định, cách thành phố Qui-nhon chừng 5 cây số. Một hôm, nhà ông Tổng Đốc (chức Tỉnh trưởng của Nam Triều dưới thời Pháp thuộc) có giỗ lớn. (Giỗ ông cụ Thân sinh) ông Tổng - Đốc có mời rất đông các quan khách Tây và « An Nam » dự tiệc. Giữa bữa tiệc, viên Công-sứ (Tỉnh trưởng Pháp ở Trung Bắc Kỳ) khen ngợi lòng hiếu thảo của người Việt - Nam đối với Ông Bà Cha Mẹ. Ông cảm động thấy mỗi năm người Việt Nam nào cũng kỷ-niệm ngày chêt của Cha mẹ bằng sự cúng giỗ, dọn lên bàn thờ những mâm cơm đầy cao lương mỹ vị, để khấn vái vong linh Cha mẹ về thụ hưởng, y như lúc các Ngài còn sống. Do đó, ông Công sứ Pháp rất tôn kính đạo hiếu của người Việt-

Nam thờ cúng Ông Bà Cha mẹ, nhưng ông vẫn thắc mắc không hiểu vong linh của các Cụ có về chứng giám cho lòng hiếu thảo đó không.

Câu chuyện khai mào của viên Công-sứ Pháp về Linh hồn người Chết, gây ra một cuộc tranh luận khá sôi nổi, tuy rất là lịch sự tao nhã, giữa các quan khách Pháp và Việt về vấn đề ma quỷ. Đa số các quan « An-Nam » đều tin rằng người chêt thì thể xác mất nhưng linh hồn vẫn sống ở một thế giới khác và vẫn hiện về cõi trần gian này.

Trái lại, hầu hết quan khách Pháp quả quyết rằng chêt là mất tất cả thể - xác lẫn linh - hồn, và vấn đề ma quỷ chỉ là mê - tín dị đoan; khoa học Tây-phương hoàn toàn phủ nhận.

Trong số quan khách, có ông Durand, giám đốc Nha Thương chánh, đứng dậy, trịnh trọng bảo :

— Tôi, André Durand, công chức Nha Thương-chánh, phục vụ ở An-nam gần 10 năm, xin tuyên bố rằng suốt trong thời gian ấy tôi chưa hề gặp một con ma quỷ. Tôi mong được một vị nào ở đây vui lòng chỉ cho tôi thấy tận mắt một con ma.

Quan Tổng-Đốc đáp lời liền :

— Nếu ông muốn, ông sẽ được thấy ngay đêm nay, không phải một con ma tầm thường, mà một con yêu tinh ghê gớm.

Trước những cặp mắt Tây phương đầy hoài-nghi và không phải không tò-mò, ông Durand cười mỉa-mai :

— Con yêu tinh đó có lẽ ở gần đầu dây chằng, thưa Quan Lớn ?

Ông Tổng-Đốc nghiêm-nghi nói :

— Vâng, chỉ cách đây vài ba ki-lô-mét.

Viên Thương - Chánh Pháp cười :

— Tôi rất vui sướng nếu được gặp nó trong đêm nay.

— Ông sẽ được mãn nguyện. Tôi bảo một người lính đưa ông đi ngay bây giờ. Nơi đó là một cái miếu thờ một oan hồn. Trước miếu có một cây đa cao, cành lá sùm sê.

Thường đêm nào cũng vậy, cứ vào khoảng 12 giờ khuya, có một người đàn-bà mặc đồ trắng nằm hất trong chiếc võng treo lơ-lửng

trên ngọn cây. Đó là con yêu tinh. Ông ngồi trước miếu, sẽ nghe tiếng hát văng vẳng của nàng, và nhìn kỹ sẽ thấy nàng nằm đưa võng trên ngọn cây cao chót vót. Dân chúng không dám đi qua đó ban đêm.

— Nếu quả thật tôi thấy con yêu tinh đó, tôi sẽ bắn nó một phát, (vì chắc chắn tôi sẽ mang theo khẩu súng săn bắn của tôi). Như thế con yêu tinh sẽ chết lần thứ hai, và lần này nó sẽ chết vĩnh viễn. Và dân chúng trong vùng sẽ biết ơn tôi vì tôi sẽ diệt trừ con ma, và dân chúng sẽ được sống yên ổn, không còn sợ yêu ma nữa ..

Kiều căng, viên Thương Chánh Pháp ngó các quan khách « An Nam » với một nụ cười ngạo nghễ và kết luận :

— Các ông sẽ thấy một khẩu súng của người Pháp có thể giết loài yêu ma ở xứ An - Nam như thế nào !

Quan Tổng - Đốc điềm - nhiên bảo :

— Tôi khuyên ông đừng bắn con yêu tinh thì hơn. Bắn nó sẽ không chết, nhưng nó sẽ giết ông chết.

Ông Tây cười gằn :

— Nó giết chết được tôi, là một người Pháp ? Điều đó còn chờ xem !

Ông Tổng-Đốc gọi một người lính, truyền lệnh y đưa ông Durand đến « Miếu cô Hai ». Tất cả những quan khách Pháp có mặt trong buổi tiệc giỗ đều bàn - tán xôn-xao, và sau cùng muốn đề ông Durand làm cuộc thí-nghiệm của ông, và họ chờ kết quả mà họ vẫn lo sợ là nguy-hiêm. Nhất là các Bà-đầm, mặc dầu ngoài miệng họ tuyên bố là không tin có ma quỷ. Thân sinh tôi ngồi im lặng trong suốt buổi tiệc, không một lời phê bình.

Ông Durand theo người lính ra đi lúc 11 giờ. Ông mang theo một khẩu súng săn bắn (fusil de chasse.) Đến nơi, ông cho người lính đi về, để ông ở đấy một mình. Sau khi dựng chiếc xe đạp của ông vào gốc cây đa cao, ông đứng trước miếu để quan-sát địa điểm. Một miếng đất hoang, bên cạnh đường quan lộ, chung quanh không có nhà. Cách một đồng ruộng xa khoảng vài ba cây số mới thấy xóm làng rải-rác sau các

lũy tre và các khóm dừa, trăng sáng lơ-mơ, không có một ngọn đèn.

Bỗng dưng hai cánh cửa miếu mở toang ra với một tiếng « kety. » ông Tây Durand dụt mình, ngoảnh lại ngó vào miếu. Ông cho rằng có thể mái ngói bị lũng lờ, nên gió lọt vào trong và xô cánh cửa. Ông bấm đèn pile rọi lên mái thấy ngói lợp san sát không đồ vỡ chỗ nào. Ông tiến gần miếu, rọi đèn pile vào trong, chỉ thấy một bài vị đề một giòng chữ Hán, và bình nhang, chum đèn nến, vài đồ thờ đình đầy bụi bặm. Ông khép hai cánh cửa lại, và muốn chắc chắn, ông lấy một hòn đá lớn đè chặn nơi ngưỡng cửa. Ông vừa quay lưng đi thì hòn đá lăn xuống đất, hai cánh cửa miếu lại mở ra với tiếng kety... Tức giận, ông Tây Durand trở lại khép cửa lần thứ hai, và lấy ba bốn hòn đá lớn chặn thiệt chặt nơi cửa. Lần này chưa chắc hai bàn tay người đã tong nôi cánh cửa. Nhưng ông còn đang xem xét kỹ mấy hòn đá thì cánh cửa lại tự nhiên bật ra, một bàn tay bí mật hất mấy hòn đá rớt liền tiếp độp độp .. xuống chân ông và dưng mạnh vào bàn

tay ông, khiến ông phải bước nhanh ra sân.

Ông Durand ngồi bóp bàn tay vừa bị trặc gân, bỗng nghe tiếng hát như tiếng người mẹ ru con, văng-vẳng từ xa. Ông ngó lên cây đa cao, một lúc lâu nhìn thấy trong bóng trăng lơ mơ một thiếu phụ mặc toàn đồ trắng nằm trong một chiếc võng treo trên ngọn cây, và đưa qua đưa lại nhẹ-nhàng...

Ông bị ám ảnh rồi chẳng? Bị tự-ký ám-thị vì lời kể chuyện của viên Tổng-Đốc « An-nam » chứ gì! Ông lấy khăn dụi mắt, cố giữ tinh-thần tỉnh táo và điềm nhiên, nhìn kỹ lại trên ngọn cây. Không, ông không nằm mê, không bị ảo tượng, hay ám-thị gì cả. Rõ ràng ông trông thấy một chiếc võng treo lơ-lửng giữa hai cành cây cao chót vót và trong đó quả thật có một hình dáng người thiếu phụ đang nằm hát ru con. Tiếng hát văng-vẳng « Hờ hơ... hơ... ở... »

Ông Tây Durand liền đứng dậy, và rất can đảm, ông lấy khẩu súng đã nạp đạn sẵn, nhắm ngay con yêu tinh nằm trong võng, bắn liên tiếp đoành... đoành...!

Tiếng súng xé tan bầu không-khí im-lặng, nhưng rồi trở lại im-

lặng nặng nề. Vài lá đa rụng xuống đất. Một con quạ đen ngòm từ trên tàn cây rậm bay vụt ra, biến trong sương mù.

Đã 1 giờ khuya, ông Tây Durand mệt là người, chui dưới gầm miếu để tránh sương, và nằm tạm trên đất sỏi. Ông thim-thíp ngủ quên lúc nào không biết. Ông nằm mê thấy một thiếu-phụ, áo quần trắng toát, mặt cũng trắng, đôi mắt sâu hóm, ngồi đè trên ngực ông, hai tay bóp cổ ông với điệu bộ căm thù giận dữ. Ác-mộng? Có lẽ, vì hoàn-cảnh thiếu thốn tất cả tiện - nghi cho một giấc ngủ ngon lành, vì những sự kiện huyền-bí vừa mới xảy ra trông khoảng không quá hai tiếng đồng hồ mà chính ông vừa chứng kiến, một bi kịch ly - kỳ khó hiểu mà chính ông vừa gây ra.

Ông quấy cựa không nổi. Nhưng rồi người thiếu-phụ yêu tinh biến mất, ông sức tỉnh dậy, mồ hôi chảy ướt nhẹp cả áo sơ-mi của ông. Ông dề tay lên trán, cúi đầu nghĩ ngợi rất lâu. Ông lại nghe rõ ràng tiếng hát ru con văng-vẳng trên ngọn cây...

Năm giờ sáng, gà các xóm làng xa đã gáy xôn sau các lũy tre.

Một chiếc xe hơi từ tỉnh-ly chạy đến, hai đèn pha sáng rực. Người ta nghe xầm-xì trong xe bốn năm người Pháp lẫn Nam. Xe đỗ trước Miếu cô Hai. Tất cả người trong xe đều xuống, hai ông Tây, một bà-dầm và hai ông Quan « An-Nam ». Hai tia sáng đèn pile rọi quét khắp nơi chung quanh Miếu, và sau cùng, người ta tiến vô gầm Miếu, dỡ ông Durand ra xe, để trở về tỉnh-ly. Ông Durand thuật lại đầu đuôi những việc đã xảy ra, bằng một giọng nói mệt nhọc và hoang hốt. Đôi mắt ông ngờ ngác nhìn mọi người. Nụ cười mỉa-mai tự mãn đã biến mất trên môi ông, bây giờ chỉ còn lại những nét nhăn đầy suy tư lo đẽnh. Ông chậm rãi nói tiếp :

— Tôi không.. giết chết được con.. yêu tinh. Nó vẫn còn ở đây.. nằm hát ru con... trong chiếc võng.. của nó.. lửng lơ.. trên ngọn cây đa... Không! Không! Tôi không giết được.. nó.. Nhưng nó.. sẽ giết tôi...

Nói xong, ông Durand ho sù sụ và đòi uống nước. Ông nằm lăn xuống giường, thim-thíp một lúc rồi ngồi vũng dậy, nét mặt hoang-hốt, nhìn lên vách tường :

— Nó đó.. Nó đuổi theo tôi.. con yêu tinh!.. A, mây đó hả, con yêu tinh.. Mây đã thắng tao rồi.. mây còn đến chỉ đây?.. Tao lạy mây.. mây hãy đi đi... đi xa

đi.. đi về cái vông của mây.. và ngọn cây đa của mây...

Ông Tây Durand nằm gục xuống giường, ho sù-sụ.. và khạc ra cục máu. Ông cứ mê sảng, cứ gọi con yêu-tinh, nói chuyện với nó.. và mỗi lần mê sảng, trông thấy nó hiện trên vách tường, thì ông lại khạc ra một cục máu.

Không cần nói rằng bác-sĩ Pháp và Nam ở trong tỉnh đều được mời đến thường trực để coi sóc và cứu chữa cho ông, nhưng họ chẳng tìm ra căn bệnh. Họ chỉ bảo : « Fièvre typhoïde... » Thương hàn... chích thuốc... chích thuốc... Ho ra máu, ra máu.

Ba hôm sau, ho những đống máu cuối cùng, ông André Durand nằm trợn mắt, đôi mắt sâu hóm dễ sợ... Mặt ông trắng bệch như một con yêu tinh... Miệng sùi nước bọt đỏ lỏm và máu đỏ lỏm.

Thầy tôi đi đưa đám ma ông Durand với tất cả đông đủ các quan Tây, Nam và các công chức của hai tòa hành chánh Bảo-hộ và Nam triều...

Chẳng ai dám hó-hé một câu, một tiếng, về « con yêu tinh » ở Miếu cô Hai.

(còn nữa)

mừng Phổ-Thông 10 năm

của nhà Thơ làm ngay giữa buổi tiệc Văn-ngệ của P.T.

Phổ-thông tạp-chí mười năm
Góp đây bốn biển tri âm một nhà.
Tao đàn nổi tiếng Bạch-Nga
Xiêm y cánh ngọc lông ngà tuyết phong

Mười năm tạp-chí Phổ-thông
Một dòng mực đậm một dòng son tươi.
Nước non mấy độ đầy voi
Tiếng nghe nước biếc với lời non xanh

Lời gấn bó tiếng đình ninh
Một duyên hai nợ ba tình keo sơn

ĐÔNG-HỒ

★

Sang sáng tiếng vàng chen tiếng ngọc
Mừng Phổ-Thông nhất thập chu niên
Rồi mừng tam tứ thập chu niên
Cho mặc khách tao nhân còn gặp gỡ

MỘNG-TUYẾT

★

Phổ-thông tuổi sống vẹn 10 năm,
Tăm tiếng lừng danh thỏa kiếp tầm !
Trận bút đôi phen nêu chính đạo,
Rừng văn mấy thuở mưa dòng thâm !
Tháng năm tàn lụn — nào thay đổi,
Thời thế cuồng quay — chẳng lạc làm !
Văn-hóa tô bồi xanh lịch sử,
Phổ-thông phục vụ trọn đời văn.

LINH-GIANG

Fóng but đêm hộp mắt

« 10 NĂM FỒ-THÔNG » (1)

● NGUYỄN-NGU-Í

« FỒ-thông » fồ-thông
Con đường mệnh mông
Cử niệm năm mười
Nên buồn hay vui ?

Hay đời là bi lẫn hài.
Là nụ cười chen nước mắt !

Buồn vì nước non lận đận
Mà « Fồ-thông » cũng lắm
fen nuốt hận.
Vui vì bọn cầm bút chúng ta
Cả Đông người Tây nay lại
một nhà !

Dàn ta còn chặt vật
Nguyễn-Vỹ còn mặt đất,
Fồ-thông còn góp mặt.
Anh em mình
Chị em mình
Còn chung lưng đấu cật
Thì Ngày Mai ắt Phải Sáng
Tươi.

Ăn miếng bánh ngọt
Uống miếng rượu nồng
Rồi ngắm bóng hồng
Mà hỏi bóng lông :

— Vậy nên, ta cùng cất
tiếng cười !

Đêm 6-XI-67
NGÊ-BÁ-LÍ'

(thối thân Nguyễn-Ngu-Í')

« Đời là gì ?
— Bi cịch !
Đời là gì
— Hài cịch !

(1) Xin in theo lối Quốc ngữ
như tác giả viết !

Áo tím ngày xưa

✧ TÔNG-MINH-PHUNG

Ngày trước những thương mơ áo tím.
Đề buồn được ngắm dáng em tôi,
Đề buồn được thấy mình thi-sĩ
Phóng bút đề thơ nét tuyệt vời
Tì độ biết anh yêu sắc tím
Em thường mặc áo của người thơ
Cho anh vài phút nhìn say đắm
Là lúc hồn anh biết mộng mơ
Tiếng trống nhà trường tan buổi học
Khoan thai tà áo đẹp trinh nguyên
Gót hồng em điem trên đường mộng
Anh ngất ngây nhìn đôi cánh chim
Chợt giọng ve sầu buông tiếng nức
Bên hàng phượng-vĩ kết muôn hoa
Không còn được thấy em đi học
Áo tím bây giờ mãi cách xa,
Em gọi làm chi những buổi đầu
Em đi bỏ lại những thương đau
Em đi áo tím vang lời trách
Và có khi nào nhớ tôi nhau ?
Chắc hẳn là không nhớ những gì
Pháo hồng tô thắm lễ vu-qui
Bao nhiêu hoa tím thành hoa trắng
Anh để tang và trái lối đi.

Tông Minh Hùng

Bạn Gái

Góp-ý vào cuộc tranh-luận
của chị Lệ-Trân. (PT số 201)

1) Còm nghĩ về gái bán Bar

✧ NG-T.NGOC-VÂN (Bàxuyén)

Theo chúng tôi nghĩ, VẤN-ĐỀ
gái Bán BAR ngày nay có thể là
đầu đề chung cho phụ-nữ chúng
ta cần bàn bạc.

Theo chị Lệ-Trân thì thương
xót cho một số gái Bán BAR.
Chúng tôi đồng ý. Hạng nào cũng
có giá trị riêng của nó. Lăn lóc
trong bùn lầy chưa phải là bản.
Làm đĩ cũng chưa phải là tồi tệ,
tồi tệ đáng gớm chằng là hạng
người « Nam Mô Một Bờ Dao
Găm » kia.



Sở dĩ một số bạn gái bắt buộc
phải đi làm những nghề đó là
vì hoàn cảnh cũng như chị Lệ-
Trân đã đề ra. Nhưng chúng ta
nên xét kỹ xem tình trạng hỗn
loạn của Gái Bán BAR có hậu
quả gì cho gia đình xã hội ?

Từ một con gái nước mướn trở thành bà chủ; từ một cô hàng rong biến ra triệu phú... thấy có phần mỉa-mai. Và càng mỉa-mai hơn nữa là bà con của họ lại rêu rao kiếp sống « cao sang » của họ. Nhìn chung vào những nơi phồn hoa của V.N hiện tại. Ta thấy gì? — Bar! Bar là cái gì? — Một nơi gái Việt tiếp đón ngoại kiều. Thật là chua chát cho kiếp HỒNG-NHẠC? Phải chăng:

« Thuở Trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nổi truân-chuyên. »

Vì TRUÂN-CHUYÊN mà một số phụ-nữ Việt phải bán mình. Làn sống HIẾN THỊT dấy mạnh để cho thị trường DÂM DỤC có cơ phát sinh NÀY LỬA.

Những đứa bé hỉ mũi chưa sạch cũng phát động « PHONG TRẢO CÁI-CÁCH SINH-HOẠT » vì chúng thường chứng kiến những « Cái Gì ». Nền luân-lý đúng đắn của Việt-Nam dần được thay thế bằng LÃNG MẠN THÁC LOẠN. Những chàng trai tốt mã tham lam tự do dẫm bừa lên phụ-nữ. Ai nhả mặt, than

van, ai lạnh lùng chán nản?— Nạn nhân của gái bán bar!

Viết đến đây, tôi hân hạnh được một người bạn đến chơi góp ý kiến.

— Nga nghĩ thế nào về GÁI BÁN BAR?

— Tôi cực lực phản đối họ.

— Tại sao?

— Một nghề làm dĩ không nên cho nó sống trên lãnh thổ Việt nam này. Ai cũng biết « tứ đồ trường » là xấu thì tại sao dung nạp Sắc? Không biết chính phủ nghĩ sao mà cho lũ BÁN PHẤN BUỒN HUƠNG ấy sống phây phây. Làm nghề đó lại được cấp giấy hành nghề. Lợi ư? Hại ư? Tôi không bàn chuyện đó với Vân mà tôi chỉ kết án mà thôi. Tuy nhiên tôi không ghét họ. Tôi thương họ đi sai đường. Sở dĩ kết án gắt gao như thế là vì tôi muốn thấy phụ-nữ ta phải là nhà lành.

Nga có vẻ giận tiếp;

— Tôi thù những ai có ý chỉ dung dưỡng bọn làm dĩ.

Mỗi lần bàn về chuyện này thì chị bạn tôi cứ nói nhiều câu nặng nề, những câu nặng nề ấy

chỉ bằng quơ thôi. Nga không biết kết án ai!

— Tôi không muốn chọc chị giận.

— Đã đành là vậy, song Nga cũng thông cảm cho hoàn cảnh của họ chứ.

— Hoàn cảnh gì? Hoàn cảnh Sài-gòn là tổ dĩ » như Nghị-sĩ Hoa-kỳ nói đó hả?

Tôi nắm vai Nga. Nét nhăn nhó của áo Nga như vron lên, như hành điện bên người chủ nghèo nhưng cao thượng. Nga là bạn học của tôi sớm ra đời làm thơ-ký để nuôi một đàn em 5 đứa mồ côi. Nga tranh đấu bằng mồ hôi nước mắt với lập trường CÁI KHỔ NÀNG CAO GIÁ TRỊ. Nga nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn cả tương lai của mình để làm « mẹ » các em. Tôi vừa thương xót vừa quý trọng bạn và thương giúp đỡ nàng.

Nga đọc « cảm nghĩ về GÁI BÁN BAR » của chị Lê-Trần đến đoạn: « Tuổi dậy thì đôi hồi

đủ chuyện, từ mái tóc, chiếc áo, cái quần cho đến một cái gì kín đáo nhất... v.v... » thì Nga buồn giọng trách móc:

— Đáng tiếc chị Lê-Trần không đồng quan điểm với tôi. Có lẽ từ chỗ giàu sang sung sướng chị không đủ sức sống nghèo nàn nên mới đi bán bar? Đáng tiếc một người có học hơn Nga mà lại có ý tưởng không cao. Đáng tiếc... đáng tiếc...

Tôi ngắt lời:

— Nga... đừng nói chị Trần như thế chứ. Có lẽ chị có ý bênh vực nhiều cho chị nọ mà lẽ lời đầy thôi. Chị Trần có lòng nhân đó Nga à!

— Tôi chỉ thành thật ý mình đó Vân, chứ không có ác ý với chị Trần. Như đoạn này: « Ôi? hơi đầu mình bàn cho một, tại đó (Tú Bà Tú Ông) ở ác, mai một nó bị trời đánh như Tàu Thị hồi xưa đó, nhưng bây giờ trời trả báo mau lắm, đừng lo tại nó hại mình được! .. », chị

Quang midol *Uỷ các chứng đau nhức và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.1/BPOC

Trần lại tin vào số MẠNG rồi. Phải tận nhân lực mới «Tri thiên mệnh» chứ. Cái «tụi đó thật đáng chết đầu lột da ngay khi bắt được. Chúng đã hại quốc gia, xã hội. Bệnh vực thì bệnh vực nhưng phải kết án: «Đế quá ắt lòn!» ...

— Nga «cương» quá rồi đó nghe... coi chừng chân đời đi mất. Nga à! Vân muốn phụ nữ chúng ta đều nghe câu: «Gái thì tiết hạnh là câu trau mình» của cụ Nguyễn - Đình - Chiểu. Ngày xưa Pháp tràn vào nước ta, thanh niên đã một thời điều đứng. Theo ý tôi thì mọi người đều phải chú trọng đến hạng gái bán bar. Chánh quyền phải có đạo luật ngăn ngừa PHÁ THUẬN PHONG MỸ TỤC. Cha mẹ anh em v.v... cùng xã hội hãy cộng tác chặt chẽ với nhau để cùng tìm biện pháp tinh-tế tiêu diệt bọn BÁN THỊT NGƯỜI và cứu vớt phụ-nữ chúng ta sống lại

cuộc đời lương thiện. Tôi tin rằng phụ nữ ta sẽ hưởng ứng sôi nổi đề luận - lý xã hội sớm văn hồi. Nếu ngày nào CHÚNG TA không còn thấy HỒNG NHAN CƯỜI VUI TRÊN ĐAU KHỔ QUÊ HƯƠNG thì mới khỏi tổn thương đến phẩm-giá của phụ-nữ V.N.

Nga cướp lời nhìn tôi chăm chú hỏi:

— Ngày thật sự TIỀN CHIẾN HẬU PHƯƠNG phái ta có nhớ nhớ lời là không?

Tôi cười:

— Không! lo chân đầu làm việc để chờ đợi hoà bình. Càng sớm thanh bình càng giúp cho chúng ta bảo vệ nền luân - lý VIỆT NAM. Nếu cần, chúng tôi bằng lòng hy-sinh người yêu và cả bản thân để cứu vớt THUẬN PHONG MỸ TỤC cho thế hệ chúng ta.



Dùng **midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BNT/ĐPDC

2) Thân-phận gái bán Bar

* N... (Đà-nẵng)

Kính gửi chị Diệu-Huyền.

Hôm nay đọc « Phở - Thông » số 201, trong mục «gái bán Bar», em có ý định viết gửi chị vài dòng tâm sự dù không phải để góp ý nhưng cũng cùng chung đề tài.

Thưa chị, ngày xưa ngày mà em từng lật những trang báo «Phở-Thông» để tìm đề tài tiêu sử của các nhà văn thời tiền chiến để bình luận các tác phẩm của các nhà văn ấy, em không ngờ có nữ-sinh hiền lành chỉ biết vui đầu trong chữ số, trong công thức mà ngày nay là một thiếu phụ hai con không cha và đã bị các báo khoe khắc ghép vào tội «Me Mỹ» là «Đi Đếm». Ngày đầu tiên bước chân vào bán «Bar» em vẫn còn là cô gái trong trắng chỉ vì bất mãn hoàn cảnh gia đình mà đi tìm lối thoát. Vì đầu óc em quá

trong sạch nên nghĩ rằng mình chỉ đem rượu cho khách là thôi để rồi mỗi tháng lãnh tiền mà sống trên xứ lạ quê người. Nhưng mỗi lần bước chân ra khỏi tiệm, em đã được thiên hạ gọi «Con Đĩ», những lúc ấy tim em xe thất lại, mặc cho giòng lệ chảy dài trên má, em thấy đời mình cô độc, vô vị quá, em sống như cái xác không hồn. Em mong muốn có một nguồn an ủi một tình yêu để lấp vào khoảng trống tâm hồn. Dù cái «trình tiết» có gửi cho người khác mà da em cũng không ân hận. Và em đã gặp, dù em biết chàng có vợ, em vẫn bằng lòng vì người đã vỗ về ủi em trong những lúc buồn tủi, người đã cho em trọn vẹn cái nghĩa yêu đương. Đến nay em đã được hai con và người phải trở về quê hương. Thưa chị. Tại sao em lại chấp nhận lối sống đó. Sự khởi dậy

BẠN GÁI

trong lòng em là từ trong gia đình đấy.

Ngày xưa gia đình em có thể nói là giàu nứt bẻ vỡ, Ông em là người có thể lực chức phận lớn nhất trong làng. Bà em chỉ có Ba em và Cô em nên Ông em có thêm những bà thê thiếp nữa. Rồi em có thêm những Ông chú hống hách cùng họ. Một thảm cảnh xảy ra, các Ông chú em đã tàn nhẫn đối xử tệ bạc với những Bà thê khi đã có những mụn con với họ. Các Chú em bảo: « họ lấy chơi qua đường chứ họ không yêu thương. » Mặc dù Ông em đã nhìn nhận những năng dâu dắc dĩ ấy nhưng các Chú vẫn xua đuổi đánh đập. Ông em bắt lực trước hoàn cảnh ấy, những đứa con được cưng chịu từ nhỏ thì làm sao răn dạy cho nổi. Các Bà thê có lẽ không chịu đựng được những trận đòn, những lời sỉ nhục nên lần lượt bỏ con ra đi. Từ đó em nguyện rằng sẽ không thêm lấy chồng. Đến cuộc đời Cô em cũng bị ruồng bỏ, bắt hải nếu không đưa tiền cho Dượng em Cuộc đời em quá cô độc, mẹ em mất khi em lên ba, còn Ba em đã đi kháng

chiến trước năm 45 đến nay vẫn bất tin. Em sống nhờ tình thương của Ông Bà. Rồi cái năm ông Diệm nắm chính quyền. Ông em bị mật vụ bắt, đánh đập. Bà em phải đem tiền đi lo cho Ông em. Gần một năm trời, họ thả ông em về, với một thân thể hốc hác. Ông em buồn rầu về thể thái nhân tình, những người nhờ cậy gia đình em ngày xưa họ lần lặn xa lánh. Ông em đi tìm quên trong canh bạc, gia sản từ đó càng suy sụp. Bà em phần buồn chông, phần nhớ con nên lâm bệnh mất, *năm ấy em vừa học hết Trung Học*, với trình độ học vấn Phổ-thông em chưa biết phải làm gì Gia - đình em bắt đầu thiếu hụt và chính quyền Ngô đình - Diệm vẫn luôn rình rập, cuộc sống em như bị theo dõi. Quá buồn rầu, em bỏ trốn đi, em cảm thấy cuộc đời mình sao đau khổ quá, em muốn chết để không thấy những bất công nhưng em còn nhớ người Cha không biết bây giờ ra sao. Em sống nơi đất lạ với những nuôi tiếc, em cảm hờn, oán ghét và luôn nghi ngờ với những chàng trai theo đuổi em. Cho đến khi em gặp một người, chàng đã cho em tất cả nghĩa

BẠN GÁI

yêu đương nhưng chàng lại là người khác màu da và em *đã suy nghĩ rất nhiều* nếu ba em biết, ông em biết. Trời ơi hai chữ danh giá quay cuồng trong đầu óc em. Nhưng còn gì đâu, thiên hạ đã ghép mình vào 2 tiếng « làm đi » thì hãy quên đi dĩ vãng ngày xưa, chỉ có hiện tại và ngay bây giờ em đành chấp nhận tình yêu này dù ngày sau có bị phụ bạc nhưng họ cũng không có mặt. xứ sở này. Và cho đến ngày nay em được gọi là « Me Mỹ ». một giai cấp đề tiện nhất trong xã hội.

Thưa chị, tại sao có danh từ « Me Mỹ », « Me Tây » sao không có « Me Tàu », « Me Nhật », « Me Chà Và », còn một số bà có quyền cao chức cả, có chồng con mà đi « nhảy dù » với người khác, ngoại quốc hay V.N. , để làm tiền thì gọi bằng me gì ??

Thưa chị, gửi đến chị những đồng chữ này em ngại lắm vì em nhận thấy văn chương bình luận chỉ dành cho những người tri thức, chứ tụi em thì làm sao dám dự vào, chỉ làm như nhóp chữ nghĩa hết. Đây chỉ là một trong các *Tám sự của chị em bán « bar »*, chúng em chỉ mong chị và quý độc giả xin xót thương những tâm thân nhiều nhọc nhằn, đau khổ. Ngày xưa khi thiên hạ gọi chúng em là « đi » tụi em chỉ biết cúi mặt có khi khóc âm thầm. Bây giờ đời đã bạc đãi quá nhiều đến người xich-lô là hạng người gần gũi tụi em như cây cần nước mà vẫn gọi tụi em là « con đi », cho nên sự dày dạn đã làm chay li chúng em rồi, dù cho các báo eó bươi móc gọi tên chúng em cũng đêch cần. Họ nhờ nước bọt cho là kêu hãnh chúng em vẫn cười.

Dũng mido
1360/BVT/ĐDĐC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Thưa chị. Sao em lại gửi tâm sự này vào báo *Phổ - Thông*, một tờ báo lành mạnh từ nội dung đến hình thức nên chúng em vẫn thường x-m và được giới tri thức ưa chuộng, em mong những gia đình danh giá có những cô con gái nên dạy dỗ kỹ hơn. Dù những sự việc xảy ra trong gia - đình có nhỏ nhặt nhưng cũng ảnh hưởng đưa đến tương lai không tốt cho những cô gái ấy.

Thôi em xin dừng bút, em xin cầu chúc *Phổ - Thông* được mạnh tiến. Riêng chị Diệu-Huyền vẫn trẻ đẹp và dịu dàng mãi. Chị là thần tượng của em đó, những bài xã-thuyết và những vần thơ của chị là nguồn an - ủi tinh thần của chúng em rất nhiều.

Người em đau khổ.

N...

Đà-Nẵng 27-10-67



★ Danh ngôn

— Lòng tin-tưởng chờ được nếm.

CHÚA GIÊSU

— Học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cẩn thận, phân biệt cho rõ-ràng, làm việc cho hết sức.

KHÔNG-TỬ

Tài năng của ta là những bảo vật vững chắc hơn hết.

EDISON

Đêm Văn-ngệ của PHỔ - THÔNG

★ LAN-ĐÌNH

Nói chuyện người rời lần này tôi xin được nói chuyện nhà, bữa tiệc Kỷ-niệm *Phổ-thông* năm thứ mười, đêm 5-11-67. Khéo đấy nhé, phải nhìn nhận thế nào

để đừng mang tiếng tự ti, khổ, hay tự-tôn cũng khổ.

Để tránh những màu sắc phóng sự, nếu thế sẽ phải ghi chép từ đầu chí cuối, tôi chỉ nói đến một

Từ trái sang phải : Ô. Dương-trử-La, Ô. Lan-Đình, Thi-Sĩ Kiên-Giang (ban Máy-Tần).





Từ trái sang phải: Bà Vũ-Bà-Hùng, Bà Minh-Quân, Ô. Vi-huyền-Đắc, Ô. Đỗ-vang-Lý (đứng sau) và Cô Thu-Nhi.

số sự kiện có hoặc không « sinh khí văn-ngệ » thôi.

Cuộc họp mặt được tổ chức ở nhà riêng, tư thất của ông bà Đỗ vạng-Lý, cựu Đại-sứ V.N ở New Delhi và Washington và bạn thân của Phồ-Thông Phải, ở nhà riêng, bao giờ cũng ấm-cúng, thân mật, và văn-ngệ hơn ở nhà hàng. Kinh nghiệm của những năm trước,

Đến cửa, thấy xe hơi đậu dài theo địa đường, xe hai bánh

dựng dài theo chân tường, tôi đã liên tưởng đến... niềm tru tư của ông Ngô-quang-Phước « nhà đấm bóp Phồ-Thông » cứ sợ « mời nhiều mà đi chẳng bao nhiêu ». Đông.

Đèn, hoa, tiếng nhạc—Orchestra vivant hân hoan—và mùi thuốc lá, mùi nước hoa, vui. Là nói chung.

Tôi đã đứng một góc, đào mắt khắp phòng, để đếm thầm những người « quen lớn ». Hình như đủ họ. Tôi nói « hình như »

vì chẳng lẽ lại lục hồ sơ tòa soạn để kê vào đây cả một danh sách của quan khách ! Hoặc trông thấy ai thì nhắc đến người đó, cũng không ổn, ngộ nhớ bỏ sót những « Khuôn mặt lớn mà mình chỉ « văn kỳ thanh »—« văn » nhiều rồi—nhưng chưa được cái hân hạnh « Kiến kỳ hình » lần nào sẽ... đặc tội.

Nghĩ thế, tôi đâm tiếc, sao ban tổ-chức không cử ai dùng máy vi âm để giới thiệu từng vị khách, để ai chưa biết nhau, muốn tìm nhau sẽ thấy nhau, đề...

Thành thử, tôi cũng không biết mình đã được hân hạnh ngồi

chung bàn với những nhân vật nào. Trước mặt tôi, có hai ông ngồi hai bên François Sully, nói tiếng Tây nghe mà thèm. Tôi đoán nhị vị đó, lâu lâu mới có dịp gặp người Pháp (từ ngày người Mỹ sang VN), để nói tiếng Tây, chắc « đã » lắm. Ông trẻ giới thiệu F.Sully với ông già, rằng « một cây báo sĩ ». Ông già tặc, rằng « biết rồi, một cây báo-sĩ liên-lục-địa ».

« Huych » ! Cú đâm nặng như đòn thù của ai giáng xuống vai tôi, đau trông thấy cả Hồ-xuân-Hương mặc mini-jupe ! Vội nhìn lên. Một người chẳng biết thiên



Ban Tân nhạc giúp vui



Từ phải sang trái : Ông đại diện
báo « Journal d'Extrême Orient »,

Ô. Jim (Giám-đốc nhà hàng Continental),

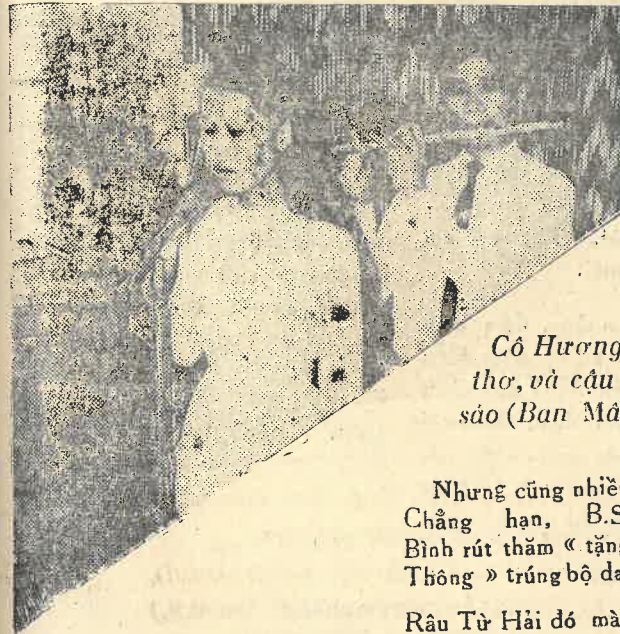
Ô. Huỳnh-khắc-Dụng (chủ ởng - lý Tòa Án.)

B.S.Hohl (Giáo-sư Đức ở Trung-tâm văn-hóa Đức)

hạ có mấy bồ sĩ mà ảnh chụp
mất ba bồ rồi (báo - sĩ, văn - sĩ,
học-giá... sĩ) : Nguyễn-ngu-Í. Anh
đưa tôi lá thư, bảo phải đọc ngay
tức thì.

Xong rồi ! Số báo sau, chúng
mình sẽ nói chuyện. Đón coi hạ
hồi phân giải. Bây giờ để tôi
còn nghe ông Nguyễn-Vỹ đang có
đôi lời « thank you once

more » Sự nhớ, tôi ngoảnh
nhìn vị khách người Đức
đang nói chuyện bằng tiếng
Pháp với ông Quan-Tòa Huỳnh
Khắc-Dụng. Tôi nghĩ, với hai
gian phòng đó, nếu dùng kê bàn
(chỉ đặt ghế tản mạn chung quanh
thời) thì « cocktail » hơn. Bởi
vì, người ta có thể đi tha thẩn
tay cầm ly « uyết-ki », tay cầm



Cô Hương đang ngâm
thơ, và cậu Khánh thời
sáo (Ban Máy-Tần).

Nhưng cũng nhiều cái thú vị.
Chẳng hạn, B.S. Hoàng-cơ-
Bình rút thăm « tặng phẩm Phở-
Thông » trúng bộ dao cạo !

Râu Từ Hải đó mà vợ đúng bộ
dao cạo thì hợp tình hợp lý xiết
bao !

chiếc chà giò (hay « sãng-uych »
hay « ba-tê-sô »...) vẫn có ăn
có uống, vẫn chọn được kẻ nào
tri-kỹ (hay tri-âm, dám lắm ạ !).
Vui không !

Đảng này, cứ phải ngồi cứng
một chỗ, ăn hoài, uống hoài,
hút hoài cũng chán. Có hai thứ
đừng chán thì ... « sáo sĩ » và
« ngâm sĩ » hơi nhiều, làm ban
nhạc cứ bị thất nghiệp mãi cho
đến lúc... « Xờ ne coong nô rô voa »!

Đến đây, xin cho tôi được
« kiểm-điểm » với ông Hoàng-
cơ-Bình một chút : Hồi tháng
chín, tôi và còn căn dặn « nội
tiện » (à quên, tiện nội ! tiện
nội) ! bỏ phiếu ủng hộ ông, thêm
hai lá thăm mà sao ông « vưỡn »
còn ngồi đây ?

Thôi thì... vẫn chương
tổng thống còn ngày, trở về
nhà cũ (căn nhà bình dân
hay villa cũng được) làm

thầy (thuốc Tây) chữa răng!
Dạ phải không cụ ?

« Nay lại nói về » lúc rút thăm
lấy tặng phẩm. Một ông bạn ngoại
quốc vớ được cái hộp đựng đồ.
nữ trang cứ cười, cái cười « em
chả, em chả » mãi.

Nhưng tôi cho rằng, đêm hôm
đó đã có hai ý kiến tiêu biểu
và khách quan nữa, khả dĩ dùng
để kết luận được. Ngẫu nhiên tôi
đã nghe lỏm, một giai - nhân nói
với một giai - nhân : « Ở Việt
Nam, một tờ tạp-chí mà tờ - chức

● Chú :

Còn rất nhiều hình của các Văn-nghệ-sĩ trong đêm văn nghệ
này, rất tiếc vì hết chỗ nên không đăng được.

Quý Bạn Nữ Độc-giả Phổ-Thông,

Quý vị Nữ Giáo-sư, Nữ Sinh-viên, Nữ-sinh,
Để giữ da mặt mịn-màn, xin mời quý bạn đến :

XE CHỈ TRÊN MẶT

Quý bà, quý cô muốn đánh phấn cho mịn, xin mời đến
Xe Chỉ Trên Mặt, 573 đường Bà-Hạt (Chợ-Lớn, gần chợ Nguyễn-
Trí-Phương) Hẻm Bà Tư, lầu 2. Từ 8 giờ đến 11 giờ, chiều 2 giờ
đến 5 giờ.

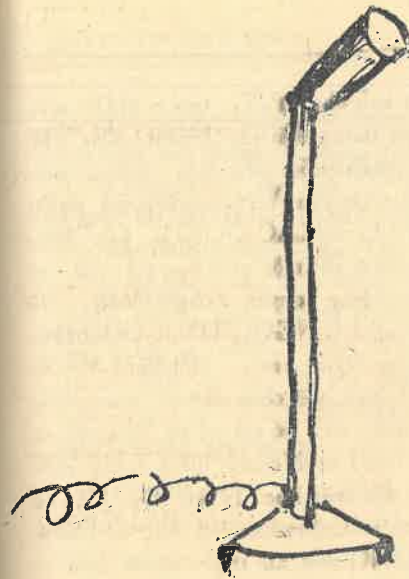
nổi ngày kỷ-niệm thế này thì cũng
khá đầy chớ ».

Tôi nghĩ hai cô đã vô tình
kết luận về giá trị hình thức.

Một ông mời ông Đông - Hồ
ngồi, ông Đông-Hồ nói: « Khoan,
lâu lâu mới có một lần, để đi
gặp anh em cái đã ».

Tôi nghĩ ông Đông-Hồ đã vô tình
kết luận về giá trị tinh - thần của
Đêm Văn-Nghệ Phổ-Thông.

□*



MẤY LỜI CẢM ƠN

**NÓI TRONG BUỔI
VĂN-NGHỆ PHỔ-THÔNG**
8 giờ tối, 5-11-1967

★

Thưa quý Bạn,

Phổ-Thông tạp chí rất vui mừng được hân-hạnh tiếp đông-đào
quý bạn nhân dịp kỷ-niệm năm thứ 10 của nó. Tôi xin chân thành cảm
ơn quý bạn. Cuộc gặp mặt của chúng ta hôm nay đánh dấu giai đoạn
đầy khó khăn và thử thách mà chúng tôi vừa cố gắng vượt qua nhờ
sự đóng góp nhiệt thành của quý bạn tất cả.

Tôi rất cảm-động được thấy sự hiện diện nơi đây của hầu hết các
bạn văn, thơ, đã cộng tác với P.T. tạp-chí từ năm thứ nhất, và
đã dành cho nó một cảm tình êm đẹp và bền bỉ cho tới ngày nay, như
anh HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG, một Bác-sĩ Y-Khoa đã được nổi
danh thế giới về khoa châm-cứu Việt-Nam, chính anh là người
đầu tiên đã thúc đẩy tôi mở ra tờ P.T. tạp chí và đã cộng tác với
nó ngay từ số 1, anh THIẾU-SON, nhà phê bình văn-nghệ có uy-
tín, một nhà văn rất được bạn đọc hoan-ngênh với những bài có tính
cách ưu thời mẫn thế sâu sắc của anh, (Anh đã có mỹ ý đến gặp tôi
tại tòa soạn Phổ-Thông từ năm thứ nhì, sau khi anh ở tù ra, và

anh đã dành đặc-biệt những bài của anh cho P.T. tạp - chí), anh **VUONG-HÔNG-SÉN**, một học-giả thông-thái rất khiêm tốn, lại rất chuyên-dáng, mà các giới bác học ngoại quốc đều mến phục, anh **VI-HUYỀN-ĐẮC**, một kịch gia độc nhất của V.N. và dịch-giả nhiều bộ truyện Tàu nổi tiếng, anh **HUỶNH-KHẮC-DỤNG**, bút hiệu **TUẦN-LÝ** một vị quan Tòa thanh-liêm và một nhà học giả, thi - sĩ chuyên về thơ Đường-luật, dịch giả những quyển *Cung-Oán* và *Chinh-phụ Ngâm* ra Pháp Văn, anh **LÊ-NGỌC-TRỤ**, Giám-Độc viện Khảo-cổ, một nhà ngữ-học uyên-thâm, anh **PHẠM-VĂN-SON**, Trung-Tá của Q.Đ.V.N.C.H. một nhà chép sử có lương-tâm và nhiều thiện chí, tác-giả nhiều bài khảo cứu có giá trị về Văn-học và Lịch-sử, Bà cụ **SONG-THU**, một bậc Lão-Nho rất hiếm trong giới Nữ-lưu Việt-Nam ngày nay, mà các nhà văn học Nhật, Đại-Hàn và Trung-Hoa đều khâm phục trí thức uyên-thâm và đức-độ khiêm nhường, cô **TÔN-NỮ-HÝ-KHUƠNG** một nữ thi - sĩ tài hoa ở Sông Hương, ái-nữ của nhà Cổ Thi hào Ung-Bình Thúc-giá-Thị, anh **TRỌNG TẤU**, nhà văn khôi hài rất duyên dáng, và những nhà văn nhà thơ của thế - hệ, với phong độ nghệ sĩ trẻ trung và tài hoa lỗi lạc như các bạn **HOÀNG - THẮNG**, **LAN-ĐÌNH**, **THU-MINH**, **TRẦN-TUẤN-KIỆT**, cô **PHƯƠNG-ĐÀI**, **CHỊ ÁI-LAN**, anh **TRIỆU-CÔNG-MINH**, cô **THU-NHI**, các bạn **TÍN-KHANH**, **NGUYỄN-ANG-CA**, **GIANG-TÂN**, **NGUYỄN-VĂN-HỒNG**, bà **NGUYỄN-THỊ-HẢO**, một trong số rất hiếm giai nhân Việt thông giỏi tiếng Đức, cô **PHAN-THỊ-THU-MAI**, một nữ-sĩ của thế hệ sinh viên có tâm hồn cách mạng xã hội tư-tưởng tiến bộ. và nhiều bạn Nam-Nữ sinh-viên yêu chuộng văn-nghệ, tất cả các bạn có mặt hôm nay đều có góp phần quan trọng rất quý báu, cho sự phát triển của *Phổ-Thông tạp-chí* cũ và mới.

Tôi cũng vui mừng được chị **NGUYỄN-VĂN-CỒN** chiêu-cổ đến buổi kỷ niệm này, chị là đại diện anh **NGUYỄN-VĂN-CỒN** Tiến sĩ Văn chương Pháp, tuy anh ở xa quê hương nhưng luôn luôn thủy chung như nhất, giữ một cảm tình đặc biệt với *Phổ-Thông tạp-chí*, và những « *bức thư Paris* » của anh lúc nào cũng chứa

đựng nhiều cảm mến hoài niệm về Tổ Quốc và Dân-Tộc. Trong cuộc vui hôm nay chúng ta cũng nhớ rất nhiều đến các bạn cộng sự viên P. T. ở Hải-ngoại, các bạn **VÕ-QUANG-YẾN**, Tiến-sĩ khoa học ở Paris, **HOÀNG-X-HÂN**, giáo sư Thạc-sĩ ở Paris, cô **CÔNG-TÔN NỮ THANH NHUNG**, Tiến-sĩ văn chương Mỹ ở California, một nữ-sĩ tài hoa trung kiên nhất của Tao-Đàn Bạch Nga, **PHÙNG LÊ ANH** tiến-sĩ khoa học ở Manila, **NÔNG BẮNG GIANG** tiến - sĩ vật lý học ở ToKyo, .v.v., Các bạn này đã cộng tác với *Phổ-Thông* từ lâu năm và vẫn tiếp tục gửi bài về cho *Phổ-Thông* tạp chí, Nhiều bạn lại còn là đại-diện *Phổ-Thông* tạp-chí bên cạnh các cơ quan văn hóa của thể giới tự do.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn toàn thể bạn đọc thân mến của *Phổ - Thông* cũ cũng như mới, đã dành cho tạp-chí này một cảm tình nồng nhiệt và trung kiên bền bỉ. Mặc dầu nó chưa được hoàn toàn tốt đẹp, vì những khuyết điểm kỹ thuật mà nhiều yếu tố khó khăn chưa cho phép chúng òi cái thiện được đúng như ý muốn, các bạn vẫn thông cảm với *Phổ-Thông*, và quên-luận nó, theo rồi nó, giữ gìn nó, với một tình trù mến khuyến-khích và an-ủi nhiều khi làm cho chúng tôi rất cảm động. Một số bạn đọc cũng vui lòng hợp tác với *Phổ-Thông*, gửi đăng nhiều bài có giá-trị về đủ các bộ môn văn-hóa. Và luôn luôn các bạn hưởng ứng sốt-sắng các cuộc tham khảo ý kiến về các vấn đề xã hội hiện đại, góp phần xây dựng trên mọi lĩnh vực tinh thần dân tộc, cũng như tham gia đồng đảo các cuộc họa thơ, giải trí, v.v... do *Phổ-Thông* đưa ra.

Tôi cũng cảm ơn rất nhiều anh **ĐỖ-VẠNG-LÝ**, cựu Đại sứ V.N. tại Indonesia, New Delhi và Washington, một nhà văn Việt ngữ và Anh ngữ được các giới ngoại giao quốc tế rất mến phục, cũng là một cộng sự viên có góp nhiều vào *Phổ-Thông* tạp chí phụ trợ ngoại ngữ, và **ĐỖ-VẠNG-LÝ** phu-nhân, bà Hoàng thị Tuyết-Vân, một bậc nữ lưu có rất nhiều uy tín trong giới ngoại giao đại diện đúng đắn cho phụ nữ V.N. ở Hải ngoại và cũng là cựu Tổng thư ký Tòa soạn của *Phổ-Thông* tạp chí và Dân-Ta năm thứ I. II. bộ cũ.

MẤY LỜI CẢM ƠN

Hai bạn Đỗ vọng Lý là có mỹ ý đề Phở-Thông tạp-chí xử dụng căn phòng xinh đẹp này trong biệt thự của hai bạn, làm nơi gặp gỡ của chúng ta, mừng P.T. năm thứ 10, đề buổi họp mặt đêm nay được ấm cúng và thân mật hơn, thay vì ở một khách sạn.

Tôi rất cảm động trước cử chỉ rất tế nhị và trang nhã ấy của hai bạn Đỗ vọng Lý.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn nhiều bạn có mặt ở đây, tuy không ở trong Bộ Biên tập Phở-Thông nhưng đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều về phương diện tinh thần, như anh chị Bác sĩ Hoàng cơ Bình, anh L.S. TRẦN THANH HIỆP, anh HOÀNG CAO TĂNG ở ban trị sự Air France, chị VŨ BÀ HÙNG nữ sĩ đã từng dịch các sách Nhật, và chủ tịch « Hội bảo vệ Học sinh nghèo », thi sĩ ĐÔNG HỒ nữ sĩ MỘNG TUYẾT, KIẾN GIANG, HÀ HUY HÀ, và các bạn Nam nữ văn nghệ của Ban Máy-Tàn, các bạn văn nghệ sĩ, nhạc sĩ, các bạn ký giả các báo, và đại diện ấn quán, tổng phát hành, các nhà đăng quảng cáo v.v... các bạn đều đã giúp rất nhiều cho Phở-Thông tạp chí về phương diện tinh thần hoặc kỹ thuật ấn loát, phát hành, sự hiện diện của quý bạn là một khuyến khích lớn lao cho Phở-thông tạp-chí.

Thưa quý bạn tất cả.

Xin toàn thể quý bạn nhận nơi đây lòng biết ơn chân thành và vĩnh-viễn của tôi và của Ty Quản lý Phở-Thông.

Bây giờ xin phép các bạn cho tôi nói vài lời với mấy bạn văn nghệ quốc-tế.

Je remercie particulièrement les amis de la Presse internationale qui ont répondu gentiment à notre invitation.

Votre présence au 10^e anniversaire du Magazine Phở - Thông est doublement significative, puisque la Revue Phở-Thông, comme vous le savez, est un organe de rapprochement culturel entre les peuples, la synthèse des Humanités orientales et occidentales, le reflet des civilisations

MẤY LỜI CẢM ƠN

sinor-indiennes et greco-latines anciennes et modernes. C'est surtout un centre de vulgarisation de la Culture Vietnamienne, et un organe de liaison intellectuelle entre l'intelligenciat Vietnamien à l'intérieur et à l'extérieur du pays.

C'est pour cela qu'elle a joui depuis dix ans d'une assez large audience auprès du public lettré ainsi bien que des milieux étudiants et de la masse pensante du peuple.

Nous espérons pouvoir faire paraître, l'année prochaine, si les circonstances politiques, économiques et sociales du Vietnam le permettront, et en collaboration avec nos amis, Mr et Mme Đỗ-vọng-Lý, une édition internationale du Phở - Thông, que nous intitulerons *Vietnam Digest*. Alors, nous pourrions compter, — n'est ce pas ? sur vous tous pour la rédaction de ce magazine. Je vois déjà que notre honorable ami, le Dr Hohl, Professeur au Deurschesculturinstitut, sympathique écrivain allemand, et talentueux traducteur en langue allemande du *Cung oán ngâm khúc*, consentirait volontiers à apporter sa précieuse collaboration au *V.N. Digest*, ainsi que notre estimé confrère François Sully.

Notre préoccupation, à tous, ne serait-il pas de contribuer à faire mieux comprendre et mieux aimer, par le rapprochement de nos cultures, et la communion de nos idées, le peuple Vietnamien et les peuples amis du monde moderne ?

Aussi permettez-moi ici de saluer en vous comme les futurs artisans de cette belle oeuvre en perspective de fraternisation culturelle...



..And now, thank you once more for the pleasure of your company at the 10th anniversary of *Phở-Thông Magazine*.

N.V.

KỶ-NIỆM NGÀY ĐỀ-THẬP CHU-NIÊN
Tạp-chí PHỔ - THÔNG

thân tặng anh NGUYỄN - VỸ

Mười năm tạp-chí Phổ-Thông ơi !
Đét áng từ-chương phục-vụ đời
Chứng-kiến đã bao màn kếp hát ?
Giao-du được mấy bạn chim dơi ?
Diệu-Huyền muốn viết từ cho viết,
Ông-Tù còn chơi cừ việc chơi.
Món nợ nhà văn không hạn định...
Bao nhiêu năm nữa vẫn chưa thôi.

Saigon ngày 5 tháng 11 năm 1967

THẠCH-UYỄN

Chuối ngày xanh

Mây bay, bay mãi về đâu ?
Mây bay sang Sở đời sau mây về.
Mây bay, nước núi ra khe,
Mỗi ngày tuổi trẻ mỗi e mỗi giờ.
Rủ nhau ngả nón tìm mơ,
Nặng đi chín cội, mơ mùa chín theo.
Giữa ngày bông nổi tiếng reo.
Ma qua bãi gió hô nhiều tiếng hô
Khi buồn muốn ngủ thật trưa,
Muốn trời đỡ tối, muốn mưa đêm ngày.
Ngoài khơi con nước đánh giầy,
Những người thủy-thủ ngày ngày đi đâu ?

DƯƠNG-BẢO
(France)

C
O
T
I
C
H
V
I
Ê
T
N
A
M

● Nguyễn - Ảnh chiếm
thành Gia-Định.
Người Chân-lạp tàn cư.

Nguyên trước kia người CHÂN
Lạp còn ở miền Nam đã có lập
một ngôi đền thờ Phật nơi
vùng CÂY MAI, CÂY GỖ ở Chợ
lớn bây giờ.

Không hiểu cách kiến trúc và
thờ phượng của người Chân-
Lạp thời ấy như thế nào nên nay
chúng tôi cũng không rành về
ngôi đền thờ ấy lắm.

Đến khi Chúa NGUYỄN-ẢNH
chiếm cứ thành Gia-Định (năm
Mậu-tuất, 1778), người Chân-Lạp
nhắm bề chống cự không lại
nên kéo quân rút lui. Vì phong

PHỤNG
SƠN
TỰ

● Thượng-tọa
THÍCH-PHƯỚC-QUANG

tục của người Chân-Lạp là hay
phá bỏ tài sản mà họ không thể
đem theo được khi rút lui đi nơi
khác, nên trước khi di quân họ
đã ra lệnh cho khắp nơi phải bỏ
chạy và đồng thời giựt sập ngôi
đền sau khi đã di chuyển các
đồ báu vật như : Tượng Phật,
chuông đồng... về hướng Tây
Bắc, tức miền ĐỨC - HÒA bây
giờ.

Trong khi di chuyển các báu
vật ấy trên lưng con Bạch Tượng
chạy đến cái bàu lớn phía sau
Đền, con Bạch Tượng bị sụp
chân làm đổ các pho tượng
Phật và Đại Hồng Chung xuống
bàu. Lúc đó vì quân ta tấn công
theo rất ngặt, nên họ đành phải

bỏ các vật ấy lại và chỉ giết con Bạch Tượng đi thôi, đến khi Chúa Nguyễn hoàn toàn thắng trận và truyền lệnh chiêu an, thì tại nơi đây mỗi tháng vào giờ lành ngày kiết, tiếng chuông thường văng-vẳng ngân lên từ dưới đáy bầu sâu. Điều này đã được các bậc Kỳ-Lão cổ cựu nơi đây xác nhận và quả-quyết như vậy.

Chính vì thế-nên cái bầu này được người đời đặt tên là cái BẦU CHUÔNG mà bất cứ ai ở vùng BÌNH-THỚI Chợ lớn cũng đều nghe biết đến.

Về sau, các pho Tượng Phật ấy đã được tìm thấy và đem vào thờ tại PHỤNG-SƠN-TỰ, còn cái Đại Hồng Chung kia mặc dù đã được nhiều công tìm kiếm, không những người mình mà còn có cả người Pháp thời bấy giờ tham dự nữa, nhưng vô hiệu quả. Ấu đó cũng là một điều linh thiêng và màu-nhiệm.

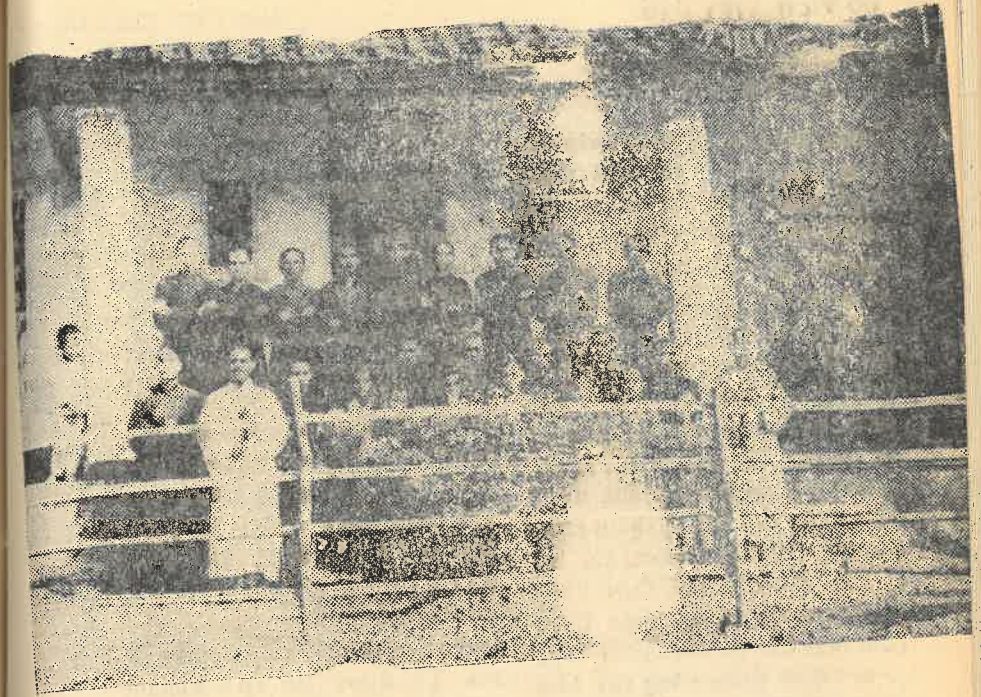
Sở dĩ từ độ bốn mươi năm nay, tiếng chuông ấy không còn ngân lên nữa, có lẽ vì dân chúng đến làm nhà cư ngụ chung quanh và phóng huế xuống bầu quá nhiều nên cũng mất khí thiêng màu - nhiệm chăng ?

Người Chân-Lạp muốn lập đền thờ, trước lập *Bàn Chót, Phước Chơn* rồi mới xây Đền.

● **Tổ khai sơn tạo tự.**

Đến người Việt-Nam ta có một vị Tồ-Sư tục danh là HUỖNH ĐẬU, hiệu ÔNG-GIA, người ở tỉnh Thanh-Hóa, đến ở vùng Cây Mai, Cây Gõ hiện nay.

Tồ-sư thấy một cảnh ưu nhân vì chung quanh có bầu nước bao bọc, có gò đất nổi cao lại có lũy tre xanh mọc dựa mé bầu, một cảnh trí làm cho Tồ phát tâm an-cư lập đạo. Tồ khai sơn lập ra một Thảo - Lư để niệm Phật tham-thiền. Mỗi ngày, buổi chiều Tồ cầm Chuỗi đi Kinh hành bốn phía gò đất. Thường ngày như thế, đến một ngày nọ Tồ đang đứng trước Thảo-Lư niệm Phật, bỗng có một con chim phụng - hoàng ở đâu bay đến ăn trái ngô - đồng. Vì chung quanh gò đất này có nhiều cây ngô đồng nên chim phụng hoàng thường đến ăn trái.



Mặt tiền Chùa Phụng-Sơn
Thượng-Tọa : Thích Phước-Quang và Tăng-chúng

ò thấy như vậy là một điềm lành đáng chú - ý nên Tồ mới đặt tên chùa là PHỤNG-SƠN-TỰ, Phụng là chim Phụng. Sơn là núi đất, vì Chùa này ở trên gò đất cao. Người ta cũng thường gọi là Chùa Gò. Chim Phụng ăn trái ngô - đồng rồi bay ra một ngôi đình làng ở trước Chùa, đậu trên cây đa, và kêu lên. Do đó mà ngôi đình làng cũng được đặt là Đình Minh Phụng, và làng được đặt tên là

làng Minh-Phụng, (Minh : Kêu. Phụng : chim phụng).

Tồ-sư LIÊU-THÔNG THƯỢNG CHƠN HẠ - GIÁC tục danh HUỖNH-ĐẬU, hiệu ÔNG - GIA, Tồ sanh năm Quý-Đậu 1753, tịch diệt năm Canh-Tý 1840. Khi Tồ tịch diệt rồi, tháp của Tồ được lập tại Chùa ở phía tây, tháp này được lập và tu bổ đã ba lần, nay vẫn còn .



Tổ thứ hai

Sau khi đưa Tổ nhập tháp một thời gian, các đệ tử mới thỉnh Ông NGÔ-VĂN-NÚI là Tổ HẢI LINH, THƯƠNG-QUANG HẠ-TỬ, người trung niên, xuất gia có công tạo một Chánh Điện lợp bằng lá, vách ván, chõng gạch lên để thờ Phật, vì cảnh Chùa thiếu hụt. Một thời - gian Đạo pháp được chấn-hưng, có một Bà thí-chủ tên LÊ - THỊ - MIÊU, người ở làng BÌNH-TIÊN, được Tổ và bốn đạo bầu lên lãnh chức chủ Tự. Bà Miêu thường tới lui lo việc Chùa. Dưới thời Pháp thuộc, người Pháp buộc Chùa phải mua đất. Bà Miêu phải đứng ra đại diện Chùa cùng với bốn đạo đệ tử, mua đất với giá 500 quan tiền, bằng sự đóng góp nhiều ngày. Ngày 30 tháng 7 năm 1887 mới trả dứt khoát số tiền thuê nói trên. Bà Miêu cùng bốn đạo cúng đất lại cho Chùa để tên ông NGÔ-VĂN-NÚI được quyền quản xuất khu đất lô số 24, 25, 26, và 30. Tổ thân nhận sự cúng dường của Phật-Tử.

Rồi Tổ thường ngày lo tu niệm, đến năm 1896 nhằm ngày 23-11 âm lịch Tổ HẢI-LINH viên tịch, tháp được lập tại Chùa, phía

Đông đường vào Chùa, nay cũng vẫn còn.

Tổ thứ ba

Sau bảy ngày, bốn đạo chùa Phụng-Son và Bà Miêu bầu Ông NGÔ-VĂN-TỰ, là con trai trưởng của ông Ngô-văn-Núi, cai quản ngôi Phụng-Son tạm thời. Ông Tự là thầy thuốc Nam, có danh tiếng. Vì là cư sĩ, không phải bậc xuất gia, nên không được làm Trụ trì. Ông Tự cùng bốn đạo cùng thỉnh vị đại Sư pháp hiệu là THANH SƠN, THƯƠNG ĐẠT HẠ-BÍCH kế nghiệp Trụ-trì, Tổ mới kế nghiệp không đầy một năm thì Ngài viên tịch. Tháp của Tổ được lập tại Chùa ở phía Đông đường đi vào Chùa, và Long-Vị của Tổ được thờ tại Chùa, hiện nay vẫn còn.

Cúng chùa Phụng-Son cho Tổ Thiện-Định

Khi đưa Tổ nhập tháp rồi, bốn đạo mới hiệp cùng Ông Ngô văn Tự đi thỉnh Tổ THIÊN-ĐỊNH ở Chùa Tịnh-Độ (Tân-sơn-Nhút) pháp hiệu là THANH - MẶN, THƯƠNG-THIỆN HẠ-ĐỊNH tục danh là Đoàn-văn-Đại. một vị Trụ-trì Chùa Tịnh - Độ. Tổ có

hai người đệ-tử, một là HUỆ MINH tục danh Phan-văn-Trà, hai là HUỆ-THÀNH tục danh là Phan ngọc Chung Hai vị này là hai anh em ruột, ham học Đạo từ thuở ấu niên. Thầy Huệ Minh và Thầy Huệ Thành, cha chết sớm, còn mẹ góa nên hai Thầy được người Cô đưa đến Chùa Tịnh-Độ học Đạo với Tổ Thiện Định.

Khi ấy Ông Ngô - văn - Tự với bốn đạo đến Chùa Tịnh Độ để lễ Phật và trình bày với Tổ Thiện-Định về việc cúng chùa Phụng Sơn cho Tổ Thiện-Định nghe, Tổ mới nhận lãnh, rồi gọi Thầy Huệ-Minh và Huệ-Thành đến trước Tổ phú thác cho hai Thầy đến ở Chùa Phụng-Son.

* Đưa Thầy Huệ - Minh nhập tự

Khi đưa Tổ đến chùa Phụng Sơn có hai bốn đạo hai Chùa Phụng - Sơn và Tịnh - Độ cùng Chư - Sơn Thiên-Đức đưa rước. Tổ Thiện-Định lãnh chức vị Trụ-trì Chùa Phụng-Son, rồi Tổ mới phú thác cho Thầy Huệ Minh thay mặt cho Tổ chăm nom việc Chùa và phát huy đạo đức, là vì Tổ còn một ngôi

Chùa Tịnh-Độ, không thể ở được đồng thời Tổ cử thầy HUỆ-MINH lãnh chức Chủ-tọa trước Chư Sơn Thiên-Đức và bốn đạo. Lễ ra mắt được cử hành, thuở ấy Thầy Huệ-Minh mới 17 tuổi, sanh năm Ất-Dậu, người tại vùng Xóm Củi Chợ - lớn pháp hiệu là TRUNG-ĐĂNG, Thương-Huệ Hạ Minh, tục danh Phan - văn - Trà. Thầy ở một thời gian, nhận thấy tuổi mình còn nhỏ, việc Phật pháp lớn lao, còn sự học Phật của Thầy lại ít ỏi, Thầy mới sắp đặt việc du học của Thầy.

Một ngày nọ, Thầy Huệ-Minh trốn đi ra Bắc để học Phật pháp, khi ấy tại Chùa Phụng-Son Ông Ngô-văn-Tự cùng bốn đạo mới hay Thầy bỏ Chùa, cùng nhau đi tìm Thầy và báo tin Tổ Thiện Định hay. Tổ phái Thầy Huệ Thành đi cùng bốn đạo tìm thầy Huệ - Minh nhiều nơi nhưng không gặp. Trong bốn đạo có Cô Lý-thị-Cúc là người nhiệt tâm phụng sự Chùa Phụng-Son, người ta thường gọi là Cô Năm Phụng-Son, Cô là người đi buôn khắp xứ, Cô cùng bốn đạo đi tìm Thầy Huệ-Minh nhưng cũng không gặp.

★ Thấy Thầy Huệ-Minh du học Hà-Nội.

Cô Năm Lý-thị-Cúc đi buôn ra tận Bắc-Hà, đến Chùa Quán Sứ tại Hà-Nội. Cô đã nghe ở đây có một ngôi Chùa bên đền lễ Phật và viếng các Sư. Cô lễ Phật vừa xong bỗng nhiên Cô gặp thầy Huệ-Minh đang ngồi học, cô mừng quá, đến trước Thầy Huệ-Minh dâng lễ và thuật hết việc chùa Phụng-Sơn lúc Thầy đi vắng cho Chư Tăng nghe. Cô Năm xin ra mắt Sư cụ Trụ trì Chùa Quán-sứ, trình bày về việc thầy Huệ-Minh ra đi học Phật pháp. Sư cụ Trụ trì nghe trình bày mọi việc, liền động tâm, gọi Thầy Huệ-Minh đến, đề nghị Thầy Huệ-Minh phải trở về Chùa Phụng-Sơn lo Phật pháp. Thầy Huệ-Minh rất buồn khổ vì ý Thầy muốn nghiên cứu thêm về Đạo nhưng Thầy suy nghĩ một hồi lâu, vâng lời Sư cụ Trụ trì Chùa Quán sứ. Thầy Huệ-Minh làm lễ tạ từ Sư cụ và Tăng Ni Đại Chúng. Thầy Huệ-Minh về miền Nam có mang theo Kinh Bắc và một cốt Phật bằng gỗ, hình ấy nay còn để trong thùng bằng kiến để tại Chùa, Thầy Huệ-Minh trở về Chùa Phụng-Sơn, cả thầy

trong Chùa đều vui mừng hoan hỉ

★ Tự thiêu để cúng đường tam bảo

Thầy Huệ-Minh lo sắp xếp việc Chùa không bao lâu có xảy ra một việc rất quan trọng, ở tại một cái Thất có một vị Thiền Sư tên là Đinh-văn-Hội, phát hiệu là NHƯ-CHẤN-THƯỢNG Thượng-Thiện Hạ-Nghĩa, người gốc Tỉnh Gia-Định, Đệ Tử của 10 Giác-Viên có cất một cái Tịnh-Thất về phía Tây trong rào Chùa, Thiền-Sư phát nguyện trực chỉ Tây quy vào lúc 4 giờ sáng ngày mùng tám tháng tư năm Quý Mão là ngày vía Phật Đản năm 1903, Thiền Sư tự thiêu cốt phàm để cúng Đường Tam-Bảo, có tờ di chúc để lại. Trong di chúc có ba câu đại ý như sau: (hiện nay di chúc Chùa còn giữ).

Ba câu di chúc.

A. — Xin Quan trên cho phép thiêu lại cốt phàm lần thứ hai, vì trái tim không được chín.

B. — Sư đệ trụ trì Chùa Phụng Sơn lo việc thiêu cốt phàm của tôi, ơn ấy rất ngàn vàng.

C. — Phần tro của cốt phàm được chia làm ba phần: một để lập ngôi tháp tại chỗ thiêu, hai đem tro đổ xuống sông, ba để ngã ba chỗ đường nơi người đi thường.

Sau khi hỏa táng được cử hành long trọng vô cùng. Sau đó Tháp của Tổ có mọc một cây LAM-DỒ hiện nay vẫn còn sống.

Sư Huệ-Minh trang-trì lại cảnh Chùa, thì có nhiều Phật Tử quý tộc ủng hộ Sư Huệ-Minh, như một ngày nọ, quý Bà Phật Tử về Chùa lễ Phật, trong đó có Bà Lý-thị-Cúc, Bà Tuần-khao-Ô, và nhiều Bà Phật Tử đứng ra yêu cầu Sư Huệ-Minh cất Chùa Phụng-Sơn cho lớn, để cho Phật Tử các nơi về lễ Phật, rồi Sư Huệ-Minh mới trả lời: «Tôi còn nhỏ tuổi không cất một ngôi Chùa lớn được, vì việc cất Chùa là một Vị Đại-Đức mới chuyển Pháp-Luân, còn tôi đang trao đổi Đạo-Đức không thể cất được».

Các Bà trả lời «Dụng đức tánh không phải dụng niên cao» khi ấy Sư Huệ-Minh không thể từ chối được, Sư mới chấp tay niệm Phật chấp thuận.

Từ ngày hỏa táng xong, đến sau Sư Huệ-Minh lo vận động cất Chùa, trong ấy có Bà Tuần-khao-Ô. Bà này là chủ tuần khạo có nhiều dân nghe chài nên Bà mỗi ngày cho hai mươi người dân chài qua Chùa để khiên cây, đào đất, lo việc cất Chùa.

Khởi công cất Chùa là năm Giáp-Thìn, dương lịch 1904. Đặc biệt về việc mua gỗ, Sư Huệ-Minh lên tận rừng, Sư ở đó chờ đốn gỗ và lựa từ cây, nên các cột và kèo của Chùa hiện nay toàn là gỗ quý giá. Trường kỳ cất Chùa đến năm Giáp-Dần tháng 11 năm 1915 mới tạm yên.

★ Ông già bắt ếch tìm được tượng Phật.

Trong khi đó, bên kia xóm lộ Gốm (Cầu Cây Gỗ) Toà Xã Tây (Toà Đô-Chánh) ra lệnh đào kinh Cây Gỗ. Trong xóm có một Ông Lão đi soi ếch. Ông đi đến một cái hầm gặp một con ếch to nhảy xuống hầm. Ông liền nhảy theo xuống hầm mò ếch, bỗng nhiên ông gặp một tượng Phật, ông mới tri hô lên, cả xóm

cùng nhau đến thỉnh Đức Phật lên, thấy Đức Phật A-Di-Đà bằng đá trắng.

Trong hàng Phật tử xóm đó mới cất một căn lều để thờ Phật, thường ngày bá tánh đến lễ Phật rất đông. Một vị Phật Tử đề nghị đưa Phật về Chùa Phụng-Son để thờ phượng.

Ông lão và đông đảo Phật Tử cùng đi đến Chùa Phụng-Son, nói với Sư Huệ - Minh xin cúng pho tượng Phật A-Di-Đà... Sư Huệ - Minh chấp thuận,

lo tu bỏ lại Đức Phật A-Di-Đà thân kim sắc, phía bên chơn tả của Đức Phật có sứt một miếng được thợ đắp lại bằng si măng trắng, hiện nay Đức Phật A-Di-Đà ấy để thờ tại Chánh điện Chùa Phụng-Son.

Đến năm Bình-Ngo tháng 11 nhằm năm 1966 được trùng tu thân kim sắc của Đức Phật A-Di-Đà do Trụ-trì Thích - Phước Quang đề xướng, nhờ của bá tánh đem về thép vàng thân Phật

(Kỳ sau đăng hết)

Xin bạn đọc lưu ý :

— Ngày 1-12-1967 sẽ hết hạn nhận thư giải đáp 10 câu hỏi giải trí của Diêu Huyền (căn cứ theo dấu nhà bưu điện ghi ngày bỏ trên bao thư ở Saigon nhận đến 5g30 chiều ngày 1-12-67

— Đã hết hạn nhận thơ họa Tao-Đàn Bạch-Nga từ ngày 15-10-67 theo như P.T. đã ấn-Định trước trong số 199 ra ngày 15-9-67. Chúng tôi không chấp-nhận những bài thơ gửi về sau ngày 15-10.

P.T.

TIN BUỒN

Chúng tôi đau đớn được tin VỢ anh Bảy Huỳnh Chef Typo Phở-Thở g tạp-chí, từ trần hôm 8-11-67. Xin thành thật chia buồn cùng anh Huỳnh và tang quyến, cầu chúc hương hồn Chi tiêu diêu miền Cực Lạc.

Tòa-soạn PHỞ THÔNG tạp-chí

Máy con mèo

ĐIỀU - TRA

□ phỏng theo FRANCES et RICHARD LOCKRIDGE

● TỬ-TRẦM-LỆ (dịch)

(Tiếp theo PT số 201)

Những sự việc trên đây xảy ra vào khoảng năm giờ. Vào lúc bấy giờ một khách, Đại - úy Trần Minh bước vào quán « Hẹn Hò », quán bán rượu và cơm lớn nhất trong vùng. Ông gọi một chai bia. Ông nhâm nhi với dậu phụng vừa nghĩ đến anh chàng trai trẻ sức vóc khỏe mạnh vừa rồi ở Ty cảnh-sát, trước sau vẫn nhất quyết mình không phải là một kẻ sát nhân. Một tên ngốc, một tên cứng đầu, cái anh chàng Nam ấy, cứ chối như vậy trước sự việc hiển nhiên là thế.

Trần-Minh thở ra. Ông nghĩ đến người thiếu phụ có đôi mắt to và đen lầy — nàng ta vẫn còn ngồi bất động như vậy chăng,

đôi mắt dấu trong tay để không phải nhìn cả một thế - giới vừa sụp đổ trước mắt nàng ?

Nhưng mà nghĩ đến cái đó có ích gì ?

Tốt hơn là nên nghĩ đến nàng Mai kia, vào một buổi xế trưa tốt trời đã đi đến mời cho nàng đến nhà để thưởng thức một món trà ngon mà nàng vừa tậu được hôm trước đó. Chính nàng Mai ấy mới đang đề nghị đến — cái gương mặt tái xanh ấy, đôi mắt kính hoàng đến tột độ ấy, chỉ còn có anh chồng của nàng, anh chồng yếu ớt của nàng, bên nàng để an ủi nàng, nâng đỡ nàng. Toàn, anh chồng của nàng, anh công tử bột ấy, như lời tên

Huỳnh-v-Nam đã chua chát mệnh danh cho ông ta, mà Trần-Minh tự hào là danh từ ấy rất đúng để chỉ cái con người ốm yếu, trắng trẻo kia luôn luôn ăn bận sang trọng, chải chuốt, một cây can trong tay, một con bẹt - giê béo phì buộc giây xích lưng đứng theo sau chân, mỗi sáng lái xe vào lúc tám giờ vào trung tâm thành phố, nơi ông ta giữ một chân thư ký văn phòng.

Từ nay thì ông ta sẽ không còn phải bắt buộc đi làm việc một cách tài tử như thế nữa do ông bố vợ tuy là triệu phú nhưng ông không muốn cho anh chồng của đứa con gái duy nhất của mình ở không sẽ hư thân mất nết đi. Giờ thì ông ta đã có thể đến mãn đời chỉ dắt chó nhong - nhong đi dạo được rồi. Ông ta...

Trần-Minh đang nhìn vào quảng không nhân nha nghĩ ngợi như thế, chợt đôi mắt ông rơi vào một gã mèo khác. Lần này là một gã mèo vàng. Một gã mèo to, sắc vàng, đang đứng sừng ở ngưỡng cửa quán. Gã mèo ném một cái nhìn vào viên Đại-úy cảnh sát, đoạn quay đầu đi. « Minh dường như không

dáng cho cái giới mèo để ý đến chút nào hết vậy. » Viên Đại-úy thăm lăm lăm. Gã mèo bước vào quán và bắt đầu ngửi ngửi sàn nhà. Cùng trong một ngày, hai con mèo đi đánh hơi sàn nhà. Một đen và một vàng. Cả hai đều tìm kiếm một cái gì.

— « Nay anh Vinh, Trần-Minh hỏi anh bởi bàn, tại sao nó làm như vậy hả ? »

— Anh hầu bàn nhìn gã mèo.

— « Thừa Đại-úy, nó đánh hơi thấy cái gì rồi đó chắc. Chắc là con chó lông xù của bà Bác-sĩ Mạnh. Bà Bác sĩ có mang nó đến đây vừa rồi. Nếu Đại-úy thấy con mèo làm phiền Đại-úy. »

— « Không, không, anh cứ để nó, » Trần-Minh đáp cho anh bởi bàn. Ông lặng lẽ quan sát, gã mèo vẫn lặng lẽ đánh hơi theo sàn nhà, theo dấu của con chó lông xù để lại. « Nó có đánh hơi như vậy đối với dấu vết của người ta không ? » Trần-Minh hỏi, và anh bởi bàn lắc đầu. Không, lũ mèo không để ý đến khí thể của con người xò ra đâu. Chỉ đối với khí thể của đồng loại chúng và của lũ chó thôi.

— « Đại-úy không dùng com

sao ? » anh hầu bàn hỏi, vì Trần-Minh đột nhiên đứng lên.

— « Dừng chờ, nhưng không bây giờ được » Trần-Minh vừa trả tiền rượu vừa đáp cho anh hầu bàn.

Ông ra khỏi quán, leo lên xe và cho xe chạy nhanh đến nhà cô Mai, ngôi nhà mà nơi đó ông đến sẽ gặp một thiếu-phụ với gương mặt xanh xao và một anh chàng công tử bột kiêu căng từ nay sẽ không còn phải lái xe mỗi ngày vào lúc 8 giờ sáng vào trung tâm thành phố để làm việc một cách tài tử nữa, khi mà giờ đây vợ anh ta sẽ thừa hưởng một gia tài mấy mươi triệu, một anh chàng từ nay sẽ hoàn toàn tự do dắt chó đi dạo bất cứ giờ nào trong ngày và bất cứ ngày nào trong tuần. Một anh chàng đã sắp đặt những kế hoạch khéo léo để ẵm lấy một gia tài to tát mặc cho người khác phải rước lấy gông cùm thay thế cho anh ta và hẳn sẽ thành công mỹ mãn, nếu không có một gã mèo đánh hơi dấu vết của một con chó quanh trong một gian phòng. Một gã mèo quã là ngoan cố, kiên nhẫn vậy.

— « Tôi đến để xem qua cây

can của ông một chút. » Đại-úy Trần-Minh bảo với ông Toàn nơi ngưỡng cửa « ngôi nhà lớn » của ông Bích cho em gái và rẽ. Ông Toàn vẫn im lặng nhìn viên Đại-úy Cảnh-sát. « Để xem có dấu máu trên đó không. Theo lời những ông ở phòng thí nghiệm thì khó mà bôi xóa cho được tất cả dấu máu... »

Vì sự hoảng kinh làm mất bình tĩnh, ông Toàn làm một cử động ngu xuẩn là tính đóng sập cửa lại vào mũi viên Đại-úy, nhưng Trần-Minh đã nhanh nhẹn chèn chân vào khung cửa.

— « Thôi đi, ông Toàn » Trần-Minh lạnh lùng nói, « ông làm vậy có giúp ích được gì cho ông đâu. Ông sẽ đi đến đâu ? Ông đã tỏ ra ông thông minh hơn nhiều hồi lúc trưa này, khi ông bắt một chút máu của cha vợ ông vào một cây gậy chẳng hạn ; và ông đã đem đặt nó ở một chỗ mà ai cũng thấy được trên con đường mòn: khi mà ông đã lợi dụng cái việc anh Nam đến vay tiền nơi cha vợ anh ; khi mà ông đã tìm cách để cho người ta phải nghĩ là có chuyện trèo tường khoét vách, vì anh Nam hồi nhỏ đã có một lần

phạm tội bẽ khoá vào nhà người. Chắc ông đã phải thất vọng vì không tìm thấy số bạc ba mươi ngàn đồng kia phải không ông Toàn? Ông Bích đã trao nó cho anh Nam rồi. Nhưng, sự đó cũng lại giúp thêm yếu tố cho ông thoát ra ngoài mọi nghi ngờ mà bắt người khác thay vào.»

Ông Toàn tuyên bố rằng ông không biết ông Trần-Minh muốn nói gì.

— «Này này, ông Toàn» Trần-Minh nói. «Tôi muốn nói về một gã mèo đen đấy. Gã mèo ấy, nó không thể làm chứng được, sự ấy hẳn rồi. Nhưng tôi đã có quan sát gã mèo ấy và tôi, tôi có thể làm chứng rằng chính ông là tên sát nhân đã giết cha vợ ông.»

Lần này thì ông Toàn không hiểu thật sự. Và Trần Minh chỉ giải thích cho ông ta rõ sau đó... sau khi đã gọi điện

thoại cho Ty Cảnh - sát thủ anh Nam ra và đến tóm ông Toàn. Trần-Minh theo xe cảnh sát mang ông Toàn, cho đến quán Hẹn Họ. Ông ta muốn tự thưởng mình một chiều. Vừa bước vào quán, ông đứng khựng lại ở ngưỡng cửa. Vợ chồng anh Nam đang ngồi ở một bàn cuối phòng và trên mặt bàn đầy những món ăn mà họ không rõ đến. Họ nhìn nhau như mới thấy nhau lần đầu tiên vậy. Họ đâu cần biết đến sự hiện diện của mình, Trần Minh thầm nghĩ, họ hai người là đủ cho họ rồi... họ có cả một tương lai trước mặt họ.

Một tương lai mà cái dĩ vãng tưởng đã làm đổ vỡ tan tành. Và nếu không có sao hết ấy, đó chính là nhờ, nhất là nhờ con mèo của nạn nhân... nó hiểu kỹ như tất cả các con mèo đều có lãnh hiểu kỹ vậy.



Nhắn tin

Có một bạn đọc đến Tòa-soạn mua báo, bỏ quên cặp kính đen còn mới, sáng thứ bảy 6-11-67.

Mời bạn đó đến lấy lại.

Văn-Phòng Phổ-Thông

thu hiền



► Truyện dài
☐ Phan-Thị Thu-Mai
(tiếp theo số 201)

— Bác ơi! cháu vui ơi là vui. Bác ơi là Bác ơi.

— Đi xe gặp mãi những người như cậu thì đời lên hương bớt mấy!

Xe đỗ ngay nhà trọ. Hùng bước xuống, móc túi lấy tiền trao cho bác tài. Nhưng bác xoa tay:

— Thôi cậu. Đi với cậu một cuộc làm quen chơi. Tiền bạc gì.

Nói xong ông ta vọt xe chạy mất. Hùng nhìn theo mỉm cười.

— Hôm nay sao đời mình lại vui quá thế này? Đời đẹp lắm

Hiền mèo ướt ơi! Vì Hiền mà Hùng mới làm như thế đấy Hiền ạ. Hiền mèo ướt. Nàng có hiểu lòng anh không? Hả Hiền? Hùng hét lớn:

— Ô vui quá, vui quá là vui quá:

*Ngựa phi ngựa phi đường xa
Tiền lên đường các trắng
Tiếng lên đường nắng chói
Nhìn mây nước ta hát vang
Ngựa phi
Ngựa phi đường xa.»*

Bác tài cười ngật-ngheo. Hùng ôm ngay hông bác ta:

chứ không phải đàng chân đầu Hùng ơi ! Hùng lại hát vang lên bản nhạc « Ngựa phi đường xa » anh nhảy như sóc lên căn gác ở chuột của mình. Anh thấy mình anh hùng quá. Anh hùng như một thượng tướng vừa thắng giặc xâm lăng ở sa-trường.

Bước lên gác trọ của Tuyên, Hùng gọi âm ỷ :

— Tuyên ơi ! Tuyên à ! Mày làm cái chuyện chi trong ấy mà đóng cửa kín như bưng vậy ?

Tuyên mở cửa cho bạn. Chờ cho Hùng ngồi xuống chiếc ghế còn có ba chân. Anh hát hàm hỏi :

— Gì thế mày ? Không ở nhà làm thợ chàng nhái sao mà lang thang đến đây la hét ?

— Tao thất nghiệp rồi mày ơi. Định lại mày ăn nhờ vài ngày đây.

— Xạo ít thôi nghe mày. Bọn nó cứng mày còn hơn con heo ú của chúng thì chuyện mày thất nghiệp có thắng diên nó tin được.

— A ! Thằng này láo ghê ta. Sao mày dám cho tao là con heo ?

— Sợ cóc gì mày mà chả dám. Nói chơi chứ có chuyện gì nói cho tao nghe đi mày.

— Tao vừa cho bọn nó một mách xong.

Tuyên gắt :

— Mày nói rõ hơn coi nào. Cái gì mà ấm ở như vậy ai hiểu nổi. Một mách gì ?

Hùng kể vắn tắt cho Tuyên nghe chuyện ban tối. Nghe xong, Tuyên cười thích thú.

— Có thể chứ. Mình phải cho bọn nó hiểu rằng mình còn liêm sỉ chứ chả phải hạng người chỉ nhìn thấy có mỗi một thứ lớn nhất là tiền. Mày tìm việc làm chưa ?

— Chưa, mới hồi đêm này đến giờ, mày bảo tao đi tìm cóc gì được.

— Nó trả lương mày chưa ? Hôm nay đầu tháng mà.

— Trả quái gì. Đàng lý chiều nay tao lãnh đó. Nhưng tao hét vào mặt bọn nó như vậy thì lãnh với lãng gì nữa.

— Phiền nhỉ !

— Chắc trong túi mày không còn đồng nào ?

— Còn được hai đồng.

Tuyên nhìn Hùng :

— Tao định thế này. Bây giờ mày về dọn đồ lại ở chung với tao. Như thế tội mình đỡ tốn tiền nhà. Sau đó hãy tinh tìm việc làm.

— Tao chưa trả tiền trọ. Dọn nhà đi bà chủ nhà chửi cho, không chừng bà ta gọi Cảnh-sát bắt bỏ bót nữa đấy.

Tuyên móc túi lấy ba trăm bạc trao cho Hùng.

— Tao còn bốn trăm. Lấy ba trăm trả cho bà ta hai trăm rưỡi, còn mấy chục đi xe. Thời tao đi làm, chia khóa đây giữ lấy. Lát nữa mày xuống nhà trọ ăn cơm. Bà chủ bà biết mày mà. Chiều tao không ăn đâu.

Dặn Hùng xong, Tuyên mặc áo đi làm. Hùng nằm xuống giường đưa mắt nhìn lên trần nhà. Hai con Thạch-sùng đuổi nhau kêu chí chách trên vách ván. Hùng chột nghe, nhớ Hiền thật nhiều. Hiền ơi ! Giờ này nàng ở đâu và đang làm gì ? Nàng có hiểu cho lòng anh chẳng ? Nàng có biết rằng vì vàng mà anh thất nghiệp không Hiền ơi ! Đường đời vạn nẻo

làm sao chúng mình gặp lại nhau hở em ? Hùng nghe lòng buồn rười rượi. Anh ngâm khe khẽ :
« Người đời gặp gỡ làm chi ?

Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

Lạy giới ! Xin Ngài cho con gặp lại Hiền. Cho con gặp lại người con gái có gương mặt sâu như mùa thu, dáng nét như cánh liễu, mỏng manh như chiếc lá trước cơn gió bạo tàn.

Kính gửi Thượng-đế.

Tôi ký lên dưới đây là nghèo-khổ-Hùng, hai mươi năm tuổi, tuổi con dê. Sinh tại đường hữu số 2, Saigon Giao-chỉ. Trần trọng đệ đơn này kính mong Ngài xét cho một việc. Nguyên tôi có yêu thương âm thầm một cô gái tên Hiền. Nhưng nàng đi đâu mất rồi, tôi không làm thế nào tìm kiếm nàng được. Vậy Ngài vui lòng giúp cho tôi được gặp lại nàng.

Trong khi chờ đợi Ngài chấp thuận, mong Ngài nhận

cho nơi đây lòng thành kính và tri ơn của tôi.

Saigon, 8-10-67

Kính đơn,
NGHÈO-KHỒ-HÙNG

= Tóc... Tóc... Cộc... Cộc...
Hùng... Hùng à.

Hùng ngồi bật dậy như chiếc lò xo. Anh phóng nhanh lại cửa đưa tay vặn khóa, Tuyên lách mình vào, rút chiếc áo lên thành ghế, ngồi xuống cởi giày, Anh cầu nhau.

— Ngủ gì mà ngủ như chết, gõ cửa sung cả tay. Ngày mai lại phải tốn tiền.

— Ngày mai có chuyện gì mà phải tốn tiền?

— Thì phải đi bằng bột cái tay này chứ gì nữa?

Hùng cười hăng-hắc, anh ngã người xuống giường, mắt lim-dim :

— Mày về lấy đồ chưa thằng quỷ phá nhà chày?

Hùng ngập dài :

— Chưa, tao buồn ngủ quá, ngủ quên luôn, cóc có về.

— Ăn cơm rồi chứ?

— Chưa ăn gì cả. Từ lúc mày đi, tao ngủ mãi đến bây giờ.

— Ngủ quên cả ăn, quên tất cả mọi việc trên đời. Nền ngủ luôn đi mày, đừng thêm dậy nữa.

Hùng tròn mắt :

— Tao định ngủ luôn thật đấy chứ. Chỉ tại mày đập cửa rầm rầm, tao hận mày quá cỡ, phải mày đừng gọi, giờ này tao đã đem đơn nạp ở thiên đình rồi.

Tuyên hét :

— Im đi thằng nhãi, rầu đến chết được đây, còn giờ giọng tếu thổi không ngủ nổi ra đâu.

— Sĩ vả tao nhiều thế mày ?

Tuyên ngã người ra thành ghế, châm điếu thuốc, gắn lên môi. Tuyên rít một hơi dài phà khói, nhìn làn khói bay thành vòng tròn trong không khí. Tuyên thở dài nhẹ nhẹ. Hùng cau mày nhìn bạn :

— Có chuyện gì thế mày?

Tuyên nhìn Hùng, nói từng tiếng :

— Minh nó vừa bị xe đụng.

Hùng ngồi bật dậy như lò xo :

— Mày nói thật hả Tuyên ? Trời ơi ! Nó có sao không ?

Tuyên lắc đầu :

— Mày an tâm, nó chỉ bị thương xoàng, chỉ tội nghiệp cho em tao, nó khóc quá sá. Mẹ đau, em bị bắt bỏ bót, người yêu nằm nhà thương.

Hùng không khỏi sửng sốt. Anh hỏi bạn :

— Em mày ? Em mày là ai ? Từ trước đến nay tao không

nghe mày nói đến chuyện đó bao giờ.

Tuyên gật gù :

— Ủ ! Em đỡ đầu của tao. Nó cũng là người yêu của thằng Minh đấy. Chúng nó yêu nhau ra-rit lắm. Thỉnh thoảng hai ông bà dẫn nhau điễn-hành hè phố, trông oai rá phết chứ có thua gì ai.

Hùng tròn mắt nhìn Tuyên :

— Thằng Minh có người yêu. Nó không nói cho tao nghe chuyện đó bao giờ.

— La, bộ mỗi lần có chuyện gì đều phải trình với mày sao ?

Mày có bồ, mày có trình với tui tao không ?

(còn nữa)



AI TÍN

Được tin CỤ Thân - sinh của ông Đỗ-vạng-Lý đã từ-trần, hưởng thọ 87 tuổi. Chúng tôi rất đau đôn phân-tu cùng ông bà Đỗ-vạng-Lý và tang quyến. Xin thành kính cầu nguyện vong linh Bác được siêu-diêu Tiên cảnh.

NGUYỄN-VỸ

Và Tòa-Soạn Phổ-Thông tạp-chi



★ Của bạn Hoài nhất Nhân, (Saigon)

Hỏi Diệu-Huyền

Diệu Huyền có phải thật giai nhân,
Hay « Đấng Nam nhi » tuổi Giáp Dần... ?
« Lội ngược » (1) quen tên, đừng giả lạ,
« Minh ơi... ! » mến tiếng, muốn làm thân.
« Chuối trồng... » vẫn riều, ngấm sâu ý,
« Lên ruột » Thơ cười, muốn dứt gân !
Hỏi « gái Diệu Huyền » tên họ thật ?
Trai, thì thắc mắc, gái, phân vân...

HOÀI NHẤT NHÂN
(THANH TỬ)

(1) Lội ngược : truyện dài trào phúng thời sự của Diệu Huyền đã đăng trong *Phổ thông* thời nhà Ngô.

(2) D. H. cũng có viết mục « Trồng chuối ngược » trong nhật báo *Tin sớm*.

□ Của bạn Nguyễn-Linh Bảo-quốc, Huế

Vấn chị Diệu-Huyền

Minh ơi ! ơi ! Minh hỏi !
Chuyện ông Tú Diệu Huyền
Đôi vợ chồng vẫn sời
Sống hạnh phúc vô biên.
Minh ơi ! ơi ! minh hỏi !
Em độc mà thêm thường.
Cuộc đời nếu rửa mãi
Trần gian là cảnh tiên.
Minh ơi ! ơi ! Minh hỏi !
Âu yếm mấy năm liền
Sao chẳng nghe báo hỷ
Một tý - nhau xiết trần ?
Hay vợ chồng Tú siếc
Yêu nhau nhưng ngại ngần
Sợ có bé tý chút
Làm bản cõi thiên thần ?
Nghe minh ơi ! tha thiết
Em đợi gửi lời mừng,
Nhưng bao năm vắng biệt
Minh ơi ! vẫn hai mình ? !

□ Của bạn Kiều-Thái, Saigon

Trao về Diệu-Huyền

Tôi đã biết người là ai đấy nhỉ
Nếu không trai thì cũng phải tu mi ?
Mãi chạy quanh giả ngộ để cười khi
Vòng lẩn quẩn trong vài trang giải trí,..
Nhưng bận rộn biết bao là ý nghĩ
Nếu không trai, và thật gái để thần-thơ
Những anh chàng còn lăm mọng lăm mơ.
Thương kiều đó mới buồn lên ruột chứ !
Nếu viết lại một vài trang tình sử
Thì không còn nghi hoặc gái hay trai,

Đời Thi-nhân cũng lắm chuyện khôi hài,
 Ngâm thơ mỉa, nhếch miệng cười thích thú !
 Nếu là gái thì tài thơ phong phú
 Trải lên từng câu học búa cay chua
 Đê bốn phương mê mải mẩn, thương, đùa,
 Vì những đoạn thơ dài đời LÊN RUỘT
 Trai mà lại lấy DIỆU HUYỀN che chuốt
 Đê hoài nghi lên mãi cái phương - danh !
 Thôi nhận đi, râu mọc đã đành rành.
 Trêu người thế trong vòng thơ thử thách !

KIỀU THÁI
 Saigou)

□ Của bạn Đặng-thị-Sinh, Phan-bôi-Châu, Qui-Nhon

Ông Tú Bà Tú!

... Em đã nghe nhiều người nói Diệu Huyền là « Ông Tú », em cũng đoán là vậy, và em ước ao... là vậy ! Thôi nhé, Ông Tú chịu thiệt với bà con đi nhé ! đừng để thiên hạ nghi vấn nữa.

Ông Tú ơi, xưa nay em đâu biết làm thơ Thất ngôn bát cú, mà nay em viết nên dạng phải biết điều tin của em là thiệt rồi.

Ông Tú làm ơn trả lời một lần nữa trong một bài thơ họa lại nghen,

Em viết thơ ri hỏi Diệu Huyền
 Diệu Huyền có thật đáng thuyền quỳên ?
 Lưng có đề khô người vô phúc
 Ngực nở thêm râu kẻ hữu duyên ? !
 Hay sợ lắm trai cợn khói lửa
 Mà lo giả gái tránh ru phiền ?
 Thôi « chàng » đừng giấu em chi nhé ?
 Em biết « chàng » trêu mấy cậu ghiền !

Đặng-thị-Sinh
 (Qui Nhon)

Nhân tiện em xin gởi thơ đề mừng cháu của em đã lên mười.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYT/ĐPDC

*** Mừng cháu Phở-Thông**

Tôi viết thơ mừng cháu của tôi
 Lớn trong khói lửa chục năm rồi.
 Vải bò cháu giữ màu dân tộc
 Than thuốc Di van thấu đất trời
 Nước mấy ngàn năm còn ngấn gối...
 Tình bao nhiêu dặm gọi xa xôi ?
 Kiêu hùng cháu hỏi người trai Việt
 Bút thép moi tim mấy đứa tôi !

Di
ĐẶNG-THỊ-SÍNH

○ Đáp « di » Đặng-thị-Sinh, Qui-Nhon.

Di năm nay mấy tuổi ?
 Cháu mới lên chẵn mười
 Đọc thơ Di cháu tủi,
 Còn bé quá, Di ơi !
 Cháu thích ai vui tính,
 Giống như Mã, như Ba
 Nay có thêm Di Sinh
 Cháu mừng quỳnh, ha ha !
 Cháu chúc Di hạnh phúc
 Trong gia đình Phở-Thông
 Sang năm cháu mười-một
 Sẽ có em đề bong ?
 Di Sinh ơi, Di Sinh.
 Mã cháu là Diệu Huyền,
 Di đừng mét, Mã uỳnh.
 Cháu bắt đền Di nghen !

« cháu » PHỞ-THÔNG

Dũng midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BYT/ĐPDC

● Của bạn Ngọc-Dung, Kiến-Hòa.

□ Mến gửi Diệu-Huyền

... Nhân đọc bài thơ của Phương Thảo (Kiến Hòa) cùng chung xứ, em lấy làm vui mừng lắm! Được chị đáp ngay! Nhưng chúng em có điều nghi kỵ lắm, mong chị thông cảm. Chúng em là độc giả Phổ Thông và cũng sống trong gia đình Phổ-Thông mới khởi số (1) nay đến số (200) mà các bạn độc giả bốn phương cũng thắc mắc viết thư làm nhiều bài thơ đề góp nhặt và tìm hiểu chị Diệu-Huyền. Nay nhờ bài thơ Phương-Thảo đăng trong Tạp chí Phổ thông số 200, em mạo muội họa theo bài thơ của chị Phương Thảo gửi đến chị và cùng đề đáp ứng bạn « Bốn Phương ». Bài thơ này có điều chi xin chị tha cho em nhé! Bài này chắc quê lắm nhưng đo lòng thành em viết ra đó, xin chị xóa cho mọi điều...

Kính chúc tạp chí Phổ Thông của chúng ta luôn luôn sống mãi để phục vụ cho đời sống chúng em khỏi buồn tẻ, và kính chúc Phổ Thông lớn mạnh, chông chắt nhiều tuổi, hầu đem lại những gì mà độc giả bốn phương hằng ao ước « chỉ có tạp chí Phổ thông mới phục vụ đúng và xác thực » đối với đời sống của hạn trẻ chúng em và sau đây là bài thơ của Ngọc-Dung gửi đến tặng chị Diệu-Huyền làm kỷ niệm nhé! Em xin chị tha cho em những gì vấp nhé!

Bài thơ vui họa theo bài thơ
Chị Phương Thảo.

Cắt cổ làm chi hơi Diệu-Huyền
Bày trò trai gái ọt thuyền quyền
Nam nhi sao lắm lời duyên dáng
Đào liễu mà trêu cả chánh quyền.
Phương Thảo làng thơ khêu thắc mắc
Phải chăng Nguyễn Vũ hóa nàng tiên?
Mười năm thích thú trò trêu đờn
Nguyễn Vũ là tên chị Diệu-Huyền.

Em chị!
NGỌC DUNG

T.B: Kính chúc tạp chí Phổ Thông sống 10 năm nữa để nâng cao trình độ tinh thần của chúng em, và Tạp chí Phổ Thông này sẽ gặp nhiều toại nguyện. — Ng.D.

△ Của Ô. Việt-Hoài, Sông Đà

▲ Mừng Phổ-Thông năm thứ 10

Phổ Thông mười tuổi chẳng rời đây...
Thiên hạ xa gần đã biết tay
Anh Tuấn văn xuôi khôn kể sánh
Chị Huyền thơ mới để ai tày!...
Hiền ngang tiếng tốt gieo ngòi bút
Cương nghị danh thơm rạng mặt mày...
Mới cũ quyết vì dân Lạc Việt
Tài bồi văn hóa lẫn Đông Tây

Việt Hoài

(Sông Đà 1967, ngày kỷ niệm Phổ-Thông tạp chí)

▲ Những bài gát lại.

Vì nhiều bài quá, kỳ này chúng tôi tạm gát lại kỳ tới:

— Tuấn, chàng trai nước Việt..

— Minh ơi. Ca dao—Thơ l n ruột

và vài mục thường xuyên. Xin bạn đọc thông cảm.

Đa tạ

P.T.

★ Bia mộ.

Người ta thấy trên một tấm bia mộ, trong một nghĩa địa công cộng mấy giòng chữ sau đây:

« Noi an nghỉ cuối cùng của Ô. Trần-văn-X..., một người cha tốt, một người chồng hiền. Vợ đau khổ của ông vẫn tiếp tục điều khiển nhà buôn « T., H., ... », chuyên bán Radio và T.V., ở số nhà....., đường..... xin quý khách chiếu cố.»

★ *Bạn Nguyễn-minh-Ngọc,
Quin-y-Viện Vũng-Tàu
KBC 4534*

— Ngày 30-3-1964 — 16 tháng 2
năm Giáp-Thìn

★ *Bạn Sơn-Tuyền, Đà Nẵng*

— Ngày 22 tháng 12 năm Giáp
Thân — 4-2-1944

★ *Bạn Linh, Bảo-quốc, Huế* ★ **Diệu-Huyền**

— Ngày 11 tháng 11, Quý
Dậu = Thứ Tư, 27-12-1933

« 27 » 8, Tân Ty = Thứ Sáu, 17-10-1941

« 17 » 1, Bình Tuất = Thứ Hai, 18.2-1946

● *Bạn Phan-V-Long, Võ Tánh — Sài Gòn*

— Ngày 20 tháng 11 Nhâm Ngọ = 27-12-1942

● *Bạn Phạm-văn-Dần, Bồ Đề, Pleiku*

Câu cơ muốn có linh nghiệm phải có nhiều điều kiện :

1, — Phải có cái « cơ » bằng gỗ hòm, và dùng đóng đinh. Hoặc
loại cơ của Đạo Cao-đài, bằng tre lợp giấy.

2 — phải cầu vào giờ yên tĩnh, nơi tôn nghiêm, sạch sẽ và
thanh vắng.

3 — Người đồng tử (médium) phải sạch sẽ, (Phụ nữ có kinh
nguyệt không cầu được và cũng không được tham gia) tinh người
phải hiền hoà, điềm tĩnh.

4 — Phải thấp nhang, thành tâm khẩn vái. Đũa giỡn, không
cầu được. Sậy rơm không cầu được. Cầu kính, nóng nãy, không
cầu được.

5 — Bất cứ người theo tôn giáo nào (kể cả Thiên-Chúa Giáo)
đều cầu cơ được, nếu thành tâm.



6 — Đông người cũng được, nhưng phải yên lặng. Ôn ào, cười
đùa, cầu không lên.

7 — Thường thường, người có nhiều từ lực (flux magnétique)
mời cầu được dễ dàng hơn.

Nếu cầu cơ chơi như trò giải trí, sẽ không bao giờ có kết quả bảo
đảm.

● *Ông Lê-thanh-Ngọc, Paris*

« O-kê sa lem » : Tụi trẻ nít nhà nghèo ở vài xóm ngoại ô Sài Gòn
và các thành phố. Mỗi lần có Quân nhân Mỹ ngừng xe, chúng bu
lại coi, người Mỹ lấy thuốc salem hút, chúng chia tay ra xin, người
Mỹ hỏi : « Salem ? Okey ! » rồi họ lấy thuốc cho bọn trẻ nít. Sau đó
cứ mỗi lần có xe nhà binh Mỹ ngừng chỗ nào, tụi trẻ nít quen
thói, xúm lại cười bảo : ô kê salem ! Ô kê salem ! thì lính Mỹ hiểu
liền, và lấy thuốc salem cho chúng. Do đó, câu « Okey
salem » được thông dụng, có nghĩa như là đồng ý, bằng lòng muốn
xin thì cho, v.v... Đại khái như tiếng Pháp : « Va pour le salem ! »
Nghĩa nó mỗi ngày mỗi rộng ra.

— « Sức mấy » : Danh từ này mới được thông dụng ở Sài Gòn, từ khi
một ông Thiếu Tướng có nói câu : « Phật Giáo mà sức mấy dám
chống lại chính phủ ? Nó có ý nghĩa mỉa mai hoặc trào phúng áp
đụng bất cứ trong trường hợp nào : sức mấy mà thi đỗ, sức mấy
mà lấy được cô đó, v.v... »

— « Thôi, bỏ đi, Tám ! » : câu này cũng được nêu ra với ý nghĩa hoạt
kê, để chấm dứt một câu chuyện hơi rắc rối phiền phức. Bắt nguồn
cũng từ một câu nói của một hiệu Tướng, trong một cuộc họp mặt
của một số tướng lãnh, ở Ban-mê-thuật hồi năm trước, trong số đó
có một vị Tướng con thứ tám trong gia đình của ông. Vị Tướng
này chất vấn vị Thiếu Tướng kia về một câu chuyện tếu, vị kia
không trả lời được bèn thốt ra câu « Thôi bỏ đi, Tám ». Một vài
bình sĩ hầu cận đem câu chuyện đó loan truyền ra ngoài phố. Dân
chúng chộp lấy làm câu khôi hài, dần dần được thông dụng nhất
là trong giới bình dân.

— « Một cây » : danh từ này đặc biệt của đồng bào miền Nam,
thông dụng từ thời Pháp đánh Việt minh. Nguyên thủy, một hôm
một bọn lính Pháp tuần tiễu bắt một nông dân đem về giam trong
một đồn ở Hậu giang.

Sau khi lấy khẩu cung, viên Thiếu úy Pháp bảo với người thông
dịch viên Việt nam : « C'est un rude Việt minh, tu vois ! » Người

thông dịch viên không hiểu nghĩa chữ «rude», hỏi viên Thiếu Ủy Pháp, ông này giảng: *Rude c-à-d solide... comme un arbre* (*Rude* là cứng chắc như một cái cây vậy). Người thông dịch viên liền quay lại anh nông dân: « Ông nói: *Chủ là Việt minh một cây...* Câu chuyện đó, chính anh thông dịch này thuật lại cho mấy người giỏi tiếng Pháp nghe, họ chế nhạo anh ta là dốt cả tiếng Pháp lẫn tiếng Việt, và câu « *Việt minh một cây* » được truyền khẩu trước tiên trong giới Giáo sư và trí thức ở Hậu Giang. Lần lần, nó tràn lan ra khắp nơi, và đến bây giờ nó có nghĩa là: một người cứng gỏi, chuyên môn, như: uống rượu một cây, cờ bạc một cây, một cây toán lý hóa, một cây thơ, v.v... Còn « một cây xanh dòn », thì mới có khoảng vài năm nay, do giới cao bồi Sài Gòn đặt ra « thêm tính từ « xanh dòn » để tăng ý nghĩa chữ « một cây » càng rõ rệt).

— XI-TI-Uây = C.T.Y. (đọc theo tiếng Anh), là viết tắt ba chữ : cho tình yêu, do một số ít nữ sinh « đợt sống mới » ở trường Trung học Gia-Long, Sài Gòn, đặt ra vào khoảng năm 1965-66. Phong trào C.T.Y. hiện nay không công khai và không được thịnh hành vì bị đa số nữ sinh đứng đắn phản đối.

— Nhiều hiện tượng suy đồi mà ông đề cập trong thư, theo lời những sinh viên trong nước qua du học ở Paris kể lại với ông, thật ra cũng có, nhưng chỉ xảy ra trong một thiểu số thanh niên mà thôi. Nhất là thiểu số ít học và ham chơi ở Sài Gòn. Đa đa số bạn trẻ thanh niên và thiếu nữ ở Sài Gòn, và nhất là ở các tỉnh miền Nam và miền Trung, rất đứng đắn, rất chăm lo học hành và giữ gìn đạo đức. Không đến nỗi tệ như ông nghe người ta phê bình vậy đâu.

* Ô. Lê-Hoàng-Anh, Minh Mạng, Phú Nhuận

— Bài của quý bạn đọc gửi đến Tòa Soạn, chúng tôi đều nhận được cả, nhưng đăng được hay không, chúng tôi không thể trả lời. Có nhận được bài hay không, chúng tôi cũng không đăng tên lên báo vì không ích gì.

Vả lại, mỗi ngày chúng tôi nhận được nhiều bài lắm, phải 2 trang mới đăng đủ danh sách tác giả và bài khắp bốn phương gửi về. Rất mong bạn thông cảm — Chúng tôi cũng không có lệ trả lời bằng thư riêng trừ số trường hợp cần thiết.

— Ông muốn xuất bản một tập thơ, thì phải đánh máy 3 bản kèm đơn gửi ông Chủ tịch Ủy ban kiểm duyệt, Bộ Thông tin, để xin kiểm duyệt. Ông nên thân hành đem đơn và ba bản thảo đến Ủy ban. Nếu ở xa, nên gửi bảo đảm.

* Bạn Trần-Phước-Ký, Lê Lợi, Thốt Nốt, An Giang.

Rất cảm ơn những lời chúc thân ái của bạn. Thơ họa sẽ đăng.

• Cửa ông Li Nguyễn văn Tuyên AIDE DE CAMP, 111 MAF EPO SAN FRANCISCO CALIFORNIA

«...Xin ông vui lòng cho chúng tôi biết những chi tiết sau đây của « Chiếc Áo Dài Việt Nam »

— Nguồn gốc (lịch sử)

— Các thay đổi (qua thời đại)

— Ảnh hưởng của các y phục khác (nếu có)

Mong ông bỏ chút thì giờ quý báu, giúp tôi có tài liệu trên đây càng sớm càng tốt... »

* ĐÁP . — Từ đời hai Bà Trưng người đàn bà Việt nam đã mặc áo dài. Chứng cứ là Tượng Hai Bà Thờ ở Đền làng Đồng Nhân, (Hà Nội), tác theo tài liệu sử sách để lại, mặc áo dài, và kiểu áo không khác mấy kiểu áo dài của phụ nữ ta trải qua các thời đại ... Các bức tranh vẽ dưới các thời Lê, Trần, cũng chứng minh rằng kiểu áo không thay đổi. Khác có một điều là thuở ấy . — mãi đến thời nhà Nguyễn, phụ nữ quý phái, trưởng giả, hoặc giàu sang mặc hai, hoặc ba, bốn lớp áo dài khác màu, chồng lên nhau. Chỉ có phụ nữ bình dân mới mặc một lớp áo dài ngoài chiếc áo cánh. Ngày Tết, hoặc trong đám tiệc (cưới, hỏi, giỗ, v.v...) luôn luôn phụ nữ mặc nhiều lớp áo trong cùng là áo trắng, rồi các áo màu chồng lên trên thường là màu đen, màu xanh, màu lục, màu nâu v.v... Cấm mặc áo màu đỏ và màu vàng. Trên tượng hai Bà, Bà Trưng Trắc mặc áo vàng, chít khăn vàng (màu của vua.) Bà Trưng Nhị mặc áo đỏ, cũng chít khăn vàng.

Nên nhớ rằng hồi xưa không có «mốt» nên y phục của đàn bà cũng như của đàn ông không thay đổi qua các thời đại, và luôn luôn rất kín đáo.

Áo dài phụ nữ V.N mới bắt đầu đổi kiểu một cách rõ rệt từ 1931—32, do một họa sĩ thợ may Hà nội tên là Cát Tường bày ra gọi là kiểu áo Lemur (lấy tiếng Pháp, *Le mur* là bức Tường) và được

phổ biến trong tuần báo *Phong Hóa*. Bắt đầu từ đây, áo đàn bà có eo ở nơi hông, chứ không suông đuộc như ai cũng biết. Chúng ta sẽ viết bài dài hơn và đầy đủ hơn về vấn đề này.

● *Ô. Haai-Dương, và một nhóm Việt kiều ở Nouvelle Calédonie, Thái-Bình-Dương*

Rất tiếc, chúng tôi không tiện viết trên tạp chí P.T. về tất cả « tình trạng chính trị, kinh tế và Văn hóa » của miền Nam V.N. hiện nay, « một cách đầy đủ và hoàn toàn khách quan » như quý ông muốn. Những bài xã thuyết của P.T. có thể phản ảnh được tình trạng tổng quát về một vài phương diện văn hóa và chính trị mà thôi. Chúng tôi sẽ có dịp trở lại các vấn đề này.

● *Bạn Nguyễn Biểu, Dalat*

Hỏi: « Thưa chị: xin chị giải nghĩa đùm chổ *Sai biệt* này trong Truyện Thủy-Kiều cho Biểu Biểu, thành thật cảm ơn chị hết cỡ.

(1) Cò kè bớt một thêm hai

Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm

(2) Hãn ba trăm lượng kém đầu

Cũng vừa đủ vốn còn sau thì lời.»

Đáp: Cò kè bớt một thêm hai

Giờ lâu ngã giá xin ngoài bốn trăm

Đó là chuyện mặc cả của Mã giám Sinh trả giá để rút cuộc mua Thủy Kiều trên 400 lượng vàng.

(2) Hãn ba trăm lượng kém đầu

Cũng là vừa vốn còn sau thì lời

Lúc này, Mã giám Sinh đã hùn vốn với Tú Bà để mở nhà điếm, chàng tính chuyện sẽ bắt Kiều bán đấm cho bọn Vương tôn, mỗi

lần là 300 lượng. Như thế thì vừa vốn (vốn mua 400 lượng) mà bắt « Vương tôn quý khách » trả lần thứ nhất (nói dối với họ rằng Kiều còn trinh nên tính giá là 300 lượng, thì kẻ cũng như là « vừa vốn » chứ chẳng lỗ là gì mấy vì « còn sau thì lời » nữa kia mà ! « sau » là những lần sau, Kiều sẽ phải tiếp các công tôn quý khách khác, và mỗi lần như thế chàng sẽ được 300 lượng nữa, thế thì lời biết bao ! Nên hiểu rằng : « 300 lượng trong 2 câu thơ trên đây, là nói số tiền sẽ bắt bọn công tôn trả mỗi lần mua đấm với nàng Kiều, chứ không phải số tiền Mã giám Sinh bán đứt Kiều cho Tú Bà. Vì Mã sinh với Tú Bà đã

« mặt cira mướp dăng đôi bên một phường

Chung lưng mở một ngôi hàng..»

★ Ông Thanh Nguyên, Connecticut (U.S.A.)

Nếu ông có người nhà ở Saigon, người ấy có thể đến trả tiền mua báo dài hạn tại tòa báo, chúng tôi sẽ gửi báo trực tiếp qua Mỹ cho ông. Nếu không, người ấy cứ mua và gửi từng số qua ông cũng được. Có lẽ cách sau này tiện hơn.

DIỆU-HUYỀN

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/800C

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dưới, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN ».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc **« Ông Tiên, Phú-Lâm Cholon K.N.BYT, số 1—9-5-63**

Phong ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIÊN ».** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. Nhà thuốc **« Ông Tiên Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT, số 3—9-5-63)**



K.N số 260 ngày 20-6-63

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số 26.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặt biệt các món ăn Tiều
- * Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- * Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T. : 25.861

GIÁ : 20 đồng

Công sở : 25 đờn